

Nguyễn Đăng Trúc

Đạo vào đời

Định Hướng Tùng Thư -2012

Nguyễn Đăng Trúc

Đạo vào đời

© Định Hướng Tùng Thư -2012
13 g rue de l'ILL
67116 Reichstett, France

Nội Dung

Chương I

**Kitô hữu giáo dân
trong Cộng đồng Dân Chúa
và khía cạnh trần thế của Giáo hội**

Chương II

Mối phúc dành cho kitô hữu

Chương III

**Thực hiện Nước Trời
thuộc về những người nghèo**

Chương IV

Giáo hội công giáo và nhân quyền

Chương V

**Các giá trị tinh thần trước những thách đố
của kỷ nguyên mới**

Chương VI

**Dân chủ cho Việt Nam
trong khung cảnh văn hoá ngày hôm nay**

Phụ trương A

Phân cách Đạo và Đời !

Phụ trương B

**Một vài kỷ niệm sống động về
linh mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận**

Phụ trương C

**Vinh danh kitô-hữu tiên phong
dẫn thân thăng tiến phẩm giá con người**

Tưởng niệm

Đức Ông Philipphê Trần Văn Hoài (1929- 2010)

Phụ trương C

Luca Nguyễn Tri Sứ

con người cầu nguyện và dẫn thân

Chương I

Kitô hữu giáo dân trong Cộng đồng Dân Chúa và khía cạnh trần thế của Giáo hội

Thời gian - vĩnh cửu, đời-đạo, tu-tục, và rồi giáo dân-giáo sĩ..., từ nơi tâm thức sâu kín của con người đến sự thể diễn ra thành tập tục, nếp sống và ngay cả cơ chế điều hành xã hội, hai yếu tố này được cảm nhận như hai cảnh giới khác nhau, đôi khi xung khắc nhưng lại cần có nhau. Sự kiện đó là nét cá biệt của cõi người ta, từ muôn thủa khi người là người. Nó đi vào từng giây phút một của cuộc sống con người, bất kể trong lãnh vực nào, dù mang nhiều dạng thức khác nhau và cách nói khác nhau. Và chính vì thế chúng ta sẽ thấy khi nêu lên *vai trò người giáo dân, khía cạnh trần thế của Giáo hội* thì chúng ta sẽ bị tràn ngập bởi nhiều lối đặt vấn đề và những kết luận khác nhau tùy tiền đề và khung cảnh mà mỗi người định vị quan điểm của mình. Có người cho rằng nêu lên vấn đề trần tục và giáo dân nơi Giáo hội công giáo lúc này quả là một chiến thuật "lấn dân, dành đất" của phe này, khi thấy mình ngày càng mất đi bề thế và quyền uy trên thế giới ! Có người thì đánh giá việc đặt thành vấn đề giáo dân hôm nay quả là đã muộn màng, bởi lẽ thế giới đã chán chê kinh nghiệm dân chủ và đang chuẩn bị cho một lối điều hành

cộng đồng xã hội mới, chưa kể đến thái độ dửng dưng của nhiều Kitô hữu, ngay cả giới giáo sĩ ở nhiều cấp khác nhau, trước lời giáo huấn nhắc nhở của Giáo hội về vấn đề này. Cộng đồng công giáo Việt Nam cũng có thể có thiên kiến cho rằng : đó là vấn đề riêng của một cộng đồng Giáo hội nào đó bên Tây phương hoặc trong truyền thống văn hoá riêng của họ; đó chẳng qua là lối luận bàn trí thức, chuyên môn của mấy vị thần học gia chỉ biết sách vở không biết gì đến mục vụ cụ thể; hoặc giả đó là việc riêng của Giáo hoàng, Giám mục, còn cộng đồng địa phương mình thì tùy nghi, cần gì tạo thêm rắc rối ...

Nhưng quan niệm như thế nào đi nữa, thì trên cương vị đạo hay đời, người ta cũng phải nhận rằng khía cạnh trần tục của Giáo hội và giáo dân là những nét đậm trong Công đồng Vaticanô II. Công đồng đó đánh dấu sự thay đổi tâm thức của Kitô hữu, canh tân nếp sống của Giáo hội công giáo và ảnh hưởng sâu rộng vào sinh hoạt của nhân loại.

1. Hai phạm bẫy cần lưu ý

Cạm bẫy đầu tiên phát xuất từ tiền kiến văn hoá của xã hội tân kỳ, chỉ biết đóng khung và *dừng lại các tiêu chuẩn của khoa học để đề cập và phê phán tất cả các chiều kích của con người*, kể cả chiều kích của tinh thần và tôn giáo. Hẳn nhiên việc truy cứu về mặt xã hội, lịch sử, các sự kiện khách quan là điều kiện không thể thiếu, nhưng chỉ dựa vào khung khoa học để luận bàn và đề xuất các giải pháp thuộc lãnh vực tôn giáo thì hẳn nhiên là bất cập, vì lập trường đó mâu thuẫn. Mâu thuẫn vì ý định xoá bỏ yếu tố tôn giáo đã xuất hiện trước khi luận bàn hay đề xuất về lãnh vực này, trừ phi xem khoa học là một tôn giáo.

Nhưng điều làm ta ngạc nhiên là phần lớn những hiện tượng nổi bật được truyền thông xã hội, dư luận nêu lên khi đề cập đến vấn đề giáo dân và yếu tố trần tục của Giáo hội, lại *tự đóng khung trong lãnh vực "thuần khoa học xã hội" này.*

Đức Giáo hoàng Gioan-Phaolô II trong thông điệp đầu tiên của Ngài *Redemptor hominis* (ngày 4.3.1979) đã nhắc nhở rằng :

"Khi trình bày một cái nhìn toàn bộ về dân Chúa và nhắc lại vị trí của giáo sĩ cũng như giáo dân, đại diện của hàng giáo phẩm cũng như của các thành phần của các hiệp hội tận hiến nam-nữ trong cộng đồng dân ấy, thì Công đồng Vaticanô II đã không chỉ rút hình ảnh này từ các tiền đề của khoa học xã hội. Giáo hội với tư cách là một hội của con người, hẳn nhiên có thể được người ta nghiên cứu, và định nghĩa theo những tiêu chuẩn mà khoa học sử dụng về bất cứ một hội nào khác. Nhưng các khuôn khổ đó chưa đủ. Đối với toàn bộ cộng đồng dân Chúa cũng như đối với mỗi thành phần của dân này, đây không phải chỉ là một "sự tham gia có tinh cách xã hội" đặc loại, nhưng phần thiết yếu phải là một "ơn gọi" riêng cho mỗi người và cho tất cả. (...) Nếu chúng ta muốn biết Cộng đồng dân Chúa này, vốn rất to lớn và rất đa dạng, trước hết chúng ta phải nhìn Đức Kitô, Đấng từng nói với mỗi thành phần của cộng đồng này một cách nào đó: "Hãy theo ta" (số 21).

Riêng đối với người Kitô hữu Việt Nam, *cạm bẫy thứ hai là sự xa lạ với những ý tưởng, tâm tình đằng sau các từ ngữ liên hệ giáo dân, trần tục được dùng trong các nước Tây phương, từng chịu ảnh hưởng Kitô giáo lâu đời, và nhất là đã chứng kiến sự phân cách, đối kháng giữa đạo-đời trong thời tân kỳ cận đại và hiện*

đại. Hơn thế nữa tương quan tôn giáo-trần tục trong cuộc sống của gia đình, xã hội Việt Nam cũng không nhất thiết phải chứng kiến những xung đột quyền lực mà chúng ta đã chứng kiến nơi lịch sử Tây phương. Nên từ ngữ giáo dân (*laïc*), tính cách thế tục (*laïcité*) của Giáo hội trước hết đối với người Kitô hữu Việt Nam và người Việt nói chung không ngầm hiểu là *phi tôn giáo*, đôi lúc là *chống lại hàng giáo sĩ* như cách hiểu và nỗ lực hoá giải của xã hội Tây phương.

Nếu muốn đưa vấn đề này vào trong khung cảnh sinh hoạt của Cộng đồng Kitô giáo Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, chúng ta cần đến những nghiên cứu sâu rộng hơn nữa để có thể ứng dụng một cách linh động và thiết thực giáo huấn của Giáo hội trong nỗ lực canh tân nếp sống đạo của mình.

2- Bối cảnh của vấn đề

Phúc âm Mathêu ghi lại một kiểu mẫu có tính cách chung toàn về cộng đồng những kẻ tin "*Đức Giêsu là Đấng Kitô, con Thiên Chúa hằng sống*" (Mt. 16, 16), hay còn gọi là *Giáo hội*. Cộng đồng đó vượt lên trên lối tổ chức "trần tục hoá" của tôn giáo cũ như sau:

"Phản anh em, thì đừng để ai gọi mình là "Ráp-bi", vì anh em chỉ có một Thầy; còn tất cả là anh em đều là anh em với nhau. Anh em cũng đừng gọi ai dưới đất này là Cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha trên trời. Anh em cũng đừng để ai gọi mình là người lãnh đạo, vì anh em chỉ có một người lãnh đạo, là Đức Kitô. Trong anh em, người làm lớn hơn cả, phải là người phục vụ anh em. Ai tôn vinh mình lên, sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống, sẽ được tôn lên" (Mt. 23, 8-12).

Nhưng nếu mọi sự đã hoàn thành nơi Đức Kitô, Lời Thiên Chúa, thì nơi thân thể Ngài, các em Ngài, là Cộng đồng Giáo hội lại là *một diễn tiến đang hoàn thành* : Cộng đồng huynh đệ ấy có một thời để khai sinh, có những giai đoạn thăng trầm của lịch sử để phát triển với những thành công, vấp ngã và canh tân liên tục trong niềm hy vọng hướng đến thời hoàn mãn khi Đức Kitô lại đến.

Thật vậy, gần 20 thế kỷ, qua lịch sử, Giáo hội không phải luôn luôn xứng hợp với cộng đồng huynh đệ kiểu mẫu mà Đức Kitô vạch ra.

Lịch sử không phải là một giả thiết và không ai biết được bí mật tại sao kitô giáo trong gần 20 thế kỷ qua hầu như đã phát triển trong khuôn khổ của văn minh lịch sử Âu châu. Nếu các cộng đồng Kitô hữu lúc ban đầu không bị lệ thuộc nhiều vào lối suy tư, cách sống của xã hội La mã - Hy lạp đương thời, thì ngược lại từ thế kỷ thứ IV trở đi, Kitô giáo và cuộc sống trần thế của Âu châu thường tương quan qua lại với nhau rất gần bó. Kinh qua thời gian chung sống này, *màu nhiệm hợp thông làm cho Giáo hội thành một cộng đồng huynh đệ dần dà bị lãng quên*. Giáo hội có nguy cơ bị tục hóa. Và sự việc đã xảy ra vì nhiều yếu tố : trước hết là vì khung cảnh văn hoá, sau đó là sự hội nhập hay đúng hơn là đồng hoá Giáo hội vào lối tổ chức trần tục của xã hội đương thời.

Về mặt văn hoá, *triết học duy lý và nhị nguyên của các trường phái Tân-Platon* đã phân cách lý trí thuộc phần cao cả, thần thánh, còn xác thịt hữu hình thuộc cõi thế trần còn vương vấn chuyện sinh con, đẻ cái. Cuộc sống thần thánh của Giáo hội sớm được nhìn là những gì thuộc cõi vô hình, lý trí, xa vật chất, mà tiêu biểu là sự độc thân.

Yêu sách độc thân gắn liền không những với giới đan sĩ mà phải là điều kiện để đi vào bậc sống của các mục tử, tức là giới giáo sĩ. Không những giới giáo sĩ, tu sĩ được trọng vì tiêu biểu cho Giáo hội thánh thiện qua cuộc sống độc thân của mình (!), nhưng còn nhờ cuộc sống cộng đoàn, nhờ điều kiện được học hỏi và được huấn luyện làm cho họ thành tầng lớp kẻ sĩ, thành giới trí thức (*đặc biệt là vào thời Trung cổ*) trong một khối quần chúng khó có điều kiện để ăn học.

Nhưng ngoài yếu tố văn hoá giáo dục, còn có yếu tố chính trị. Một trong những yếu tố có tính cách quyết định là vào thế kỷ thứ IV, Hoàng đế Constantinô cho phép Kitô giáo tự do hành đạo, rồi không bao lâu nâng Kitô giáo lên hàng tôn giáo chính thức của La mã. Dân chúng ào ạt gia nhập vào Giáo hội như chỉ gia nhập vào một xã hội đời. Kitô giáo mất đi hứng khởi truyền giáo; các Giám mục được đồng hoá thành công chức cao cấp của Đế quốc và hưởng các đặc quyền trên trước của vua quan. Từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ XVIII (vào lúc có cuộc cách mạng Pháp), không phải lúc nào và bất cứ đâu Kitô giáo cũng tự đồng hoá với quyền lực trần thế, nhưng sự gắn bó quyền đạo - quyền đời vào nhau là một chuẩn mực điều hành xã hội. Sự thâm nhập hai quyền vào nhau đi đến tình trạng chen chân nhau để cai trị. Gia đình vua chúa, quý tộc hành xử cả việc điều hành Cộng đồng tôn giáo; giám mục, giáo hoàng lắm lúc vừa là ông hoàng, lãnh chúa của một vùng đất. Bấy giờ dân là *của* vua chúa, thì Giáo hội cũng là *của* giới giáo sĩ. Trong khung cảnh xã hội này, giáo dân không phải chỉ là *một người không thuộc giới giáo sĩ đang điều hành Giáo hội, một người không biết giáo lý và sống đời sống trần tục* (lập gia đình, sinh con, đẻ cái và lao động để kiếm ăn), *nhưng dân dè là khối dân được cai trị với tất cả thăng trầm của vâng phục hay phản kháng, như một khối dân bên lề Giáo hội*. Về điểm này,

nhà thần học Walter Kasper, Giám mục giáo phận Rottenburg - Stuttgart, Đức, phân tích như sau :

"Trong Sắc thư Clericis laicos (1296), Giáo hoàng Bonifaciô VIII nhận định rằng Giáo dân luôn chống lại giáo sĩ. Xác quyết này hẳn nhiên nói đến những cuộc phiêu lưu chính trị giữa giáo hoàng và hoàng đế hoặc vua nước Pháp, nhưng còn cho thấy một khuynh hướng nguy hiểm. Những cuộc tranh chấp tương tự tiếp tục xảy ra trong nhiều lãnh địa giám mục; tại đây chính các lãnh chúa giám mục lại thường xuất quân đánh chống các Kitô hữu trong vùng mình.

Hậu cảnh này giúp chúng ta hiểu rõ hơn về sự nổi dậy của các phong trào giáo dân chống giáo sĩ ngay từ thời đầu của Trung cổ và sự chống đối hung hăng sau đó vào thời tân kỳ. Chủ trương giáo sĩ trị và chủ trương thuận trần tục là hai mặt của một đồng tiền"

Đến thời tân kỳ (*les temps modernes*), thời đại đánh dấu sự chống đối, xa cách Giáo hội - trần thế; và bây giờ chữ giáo dân (*laïc*) được hiểu trong nghĩa chống đối này : giáo dân (*laïc*) được hiểu là không phải tôn giáo hoặc chống lại giáo sĩ. Và giáo sĩ được hiểu là Giáo hội.

Cuối thời Trung cổ, xã hội Tây phương chuyển đổi tâm thức song song với sự xuất hiện những lực lượng văn hoá, xã hội mới. Văn hoá, nghệ thuật, thương mại, tài chính ... không còn nằm trong sự kiểm soát duy nhất của khuôn khổ quyền lực đạo - đời cũ nữa. Qua cuộc cách mạng Pháp như là một hình ảnh cô đọng, chúng ta

¹ Walter Kasper, *L'heure des laïcs* trong tạp chí *Christus* số 145, tháng 1.1990, tr. 27 - 28).

thấy vua - quý tộc - giáo sĩ tức là hình ảnh Quốc gia - Giáo hội cũ bị chuyển đổi thành khối quyền lực mới nhân danh dân chúng. Khối quyền lực mới lôi kéo quần chúng đứng sau lưng mình. Quyền lực mới dựa trên lý trí tự đủ cho mình (*lý trí mà mỗi người đều có được*) để một mặt đập bỏ những quyền lực áp bức bên ngoài, mà tiêu biểu về mặt xã hội lúc bấy giờ là chế độ quân chủ và Giáo hội. Mặt khác nó đề xuất một lý tưởng mà *hầu hết* các ý niệm được rút ra từ ngôn ngữ Tân ước Kitô giáo: *Tự do - Bình đẳng và Huynh đệ*. Chúng ta nói là *hầu hết*, vì căn nguồn phát sinh các nội dung liên hệ đến các từ ngữ này đôi đường hoàn toàn khác biệt nhau.

Thời đại tân kỳ, cũng tự nhận là chủ nghĩa trần tục tuyệt đối, không những chống đối quyền lực giới giáo sĩ liên minh với chế độ quân chủ cũ, mà còn bài xích cả chiều sâu của cuộc sống đức tin tôn giáo.

Về phía Giáo hội, vì thiếu thiện cảm với thái độ bài xích giáo sĩ của các trào lưu tân kỳ, nên thường có khuynh hướng bảo vệ sự sống còn và cơ chế cũ của mình, xa lạ dần với nhịp sống của xã hội. Nhưng trong những năm tháng căng thẳng hay xa lạ của đôi bên, giữa Giáo hội và xã hội trần tục, chúng ta sẽ thấy có những giáo hoàng, giám mục, linh mục, đặc biệt là các tu sĩ, giáo dân đã vượt lên trên *khung cánh quyền lực* để thực hiện cuộc sống đức tin của mình nơi trần thế. Các dòng tu, với ý hướng hoàn toàn *phục vụ* con người, trong lãnh vực y tế, từ thiện bác ái, giáo dục cho giới nghèo, liên tục xuất hiện trong khoảng thời gian này. Sự can thiệp của các giáo hoàng, giám mục vào xã hội không còn là chiếm đất, dành dân...; nhưng cỗ máy công bằng, bác ái, huynh đệ trong cộng đồng xã hội, khi các giá trị này đang bị bôi bác, đặc biệt là Thông điệp *Rerum Novarum* của Đức Giáo hoàng Lêô XIII (tháng 5.1891) và tiến trình phát triển *Học thuyết xã hội Công giáo*.

Một vài nét lịch sử chính yếu đó giúp chúng ta thấy dần dần xuất hiện cái nhìn *mới* và *khác* của các phong trào xã hội Công giáo (*thường là do giáo dân chủ xướng trong các thế kỷ có sự xung đột đạo - đời trong hai thế kỷ vừa qua*) cũng như đường hướng của Học thuyết Xã hội Công giáo và Công đồng Vaticanô II. Cái nhìn *mới* và *khác* ấy vượt lên sự đồng hoá đạo - đời và sau đó là tách biệt hoặc xung đột đạo - đời trong quá khứ lịch sử Tây Âu.

* Trong một giai đoạn khá dài của lịch sử, và nơi tâm thức của văn hoá tân kỳ, Giáo hội được đánh giá là một cộng đồng dựa trên tiêu chuẩn *quyền lực*. Đồng hoá hay đối kháng thì cũng lấy quyền lực làm thước để đo. Vì thế, Giáo hội được nhìn là một quyền và quyền ấy ở trong tay hàng giáo sĩ.

Ngày nay, dư luận bên ngoài (*và điều đáng tiếc là rất đông những trào lưu khi thì bảo thủ, khi thì tiến bộ trong Giáo hội thường được báo chí nhắc đến hơn cả*) mỗi lần nói đến sinh hoạt của người Công giáo, thì vẫn lấy *tiêu chuẩn thuần trần tục tiêu cực* này để lên tiếng phê phán hay đấu tranh.

* Cuộc thay đổi tâm thức nơi Giáo hội Công giáo trong một vài thế kỷ gần đây, và được biểu lộ rõ nét nơi Công đồng Vaticanô II là nhìn cao hơn, đào sâu hơn để thấy gần với Mẫu-mực Cộng đồng huynh đệ: Cộng đồng ấy có ơn gọi và sứ mệnh là *phục vụ* và truyền bá Tin Mừng yêu thương của Thiên Chúa nơi Đức Giêsu Kitô. Các yếu tố đạo - đời, tương quan Giáo sĩ - Giáo dân không lấy tiêu chuẩn thuần trần tục là quyền hành trần thế để thiết định và đánh giá. Chuẩn mực Giáo hội không phải là quyền uy, lán đất, dành dân theo tiêu chuẩn đời, nhưng là *Đức Giêsu Kitô* làm hoà Thiên Chúa và con người trong công việc phục vụ nhân loại, thực hiện và cổ súy cộng đồng huynh đệ.

* Giáo hội khám phá lại mẫu mực Phúc âm dẫn đến những canh tân sâu rộng trong nếp sinh hoạt của Cộng đồng dân Chúa. Thoát dần khỏi vương mắc văn hoá nhị nguyên theo lối Tân-Platon, Công đồng nhận ra nơi Mẫu nhiệm Nhập thể của Đức Kitô ánh sáng chỉ đường : Thân xác mà Thiên Chúa mặc lấy bảo chứng nét cao cả của vật chất hữu hình và cuộc sống thể lý. Cái xấu, cái bất cập, tội lỗi và sa sầy do từ bên trong tâm hồn con người. Người ta hiểu được chữ "thế gian" trong các bản Phúc âm, đối kháng với Cộng đồng con cái Thiên Chúa, không phải là thế giới vật chất, xã hội dân sự, nhưng là điều mà ngày nay ta thường gọi là *tội lỗi và cơ cấu tội lỗi*, nghĩa là cuộc sống con người tự-mãn và ích kỷ từ khước các giá trị siêu nhiên và đóng kín không mở ra với tình huynh đệ nhân loại. "Thế gian ma quái" đó không phải là giáo sĩ hay giáo dân, tôn giáo hay thế giới dân sự, nhưng là khung cảnh của tự mãn và hận thù nơi bất cứ ai trong bất cứ hoàn cảnh, bậc sống nào. Lỗi hiểu về "trần tục" mới này rất quan trọng, vì việc không phân biệt các nội dung này có thể tạo hiểu lầm khi đọc các tài liệu giáo huấn của Giáo hội, đặc biệt là của Công đồng Vaticanô II. Và *từ hiểu lầm đến áp dụng lầm*, vô tình nhiều thiện chí canh tân lại vấp phạm lại những đoạn đường bất cập của quá khứ. Một trong những nội dung có tính cách tranh cãi và hiểu trăm nghìn kiểu khác nhau đó là *hội nhập, dẫn thân vào đời*. Chúng tôi không nêu lên đây quan điểm mới, tích cực, bám rễ vào Mẫu nhiệm Nhập thể của Đức Giêsu Kitô mà Công đồng nêu lên qua các tài liệu Công đồng về nội dung này (*xem Hiến chế Vui mừng và Hy vọng*), nhưng chỉ lưu ý đến một tình trạng mập mờ trong lối hiểu về chữ "dẫn thân", mà chúng ta lấy làm mục tiêu công tác. Vì đã từng hiểu một chiều và theo nghĩa trần tục về "dẫn thân", mà có một thời Giáo hội đã tự đồng hoá với thế quyền; vì không thiết định rõ sứ mạng rao

truyền Đức Kitô là Đường, là Sự thật và là Sự sống, mà "hội nhập văn hoá" một thời ưu đãi các học thuyết triết học Tây phương trên chính giáo huấn của Phúc âm. Ngày nay những phê phán, đòi hỏi Giáo hội phải chạy kịp và đồng hoá với các trào lưu nhất thời của thế giới, thái độ và tâm thức đó là vết tích của một quá khứ tiêu cực mà Giáo hội, qua Công đồng Vaticanô II, đã vượt qua. Giáo hội không cố võ dần thân trần thế để hiện diện trong xã hội ngày nay như một lực lượng xã hội ưu thắng theo tiêu chuẩn xã hội dân sự. Nhưng bằng mọi cách và trong mọi lúc, toàn thể các thành phần của Cộng đồng dân Chúa phải hiện diện giữa cuộc sống xã hội như dấu chỉ của Đức Kitô, nghĩa là Tình yêu Thiên Chúa đối với mọi người. Sự hiện diện đó phong phú, đa diện, nhưng khó khăn hơn, đòi hỏi sự trưởng thành của tất cả các thành phần trong Giáo hội .

Song song với ý thức *Giáo hội không phải là sở hữu riêng của Hàng giáo sĩ dựa theo lối đánh giá theo tiêu chuẩn quyền lực*, thì tâm thức Kitô hữu cũng ý thức được *yếu tố hữu hình, nhân loại và lịch sử của cộng đồng những con người làm nên Giáo hội*. Giáo hội cảm nhận *tính - thời - gian* của mình như thân phận còn hữu hạn, với những bất cập của con người, ý thức bổn phận của mình là phải mãi lớn lên và hoàn thành với tất cả những vốn liếng mà Chúa Thánh Thần đã thực hiện với sự cộng tác của con người qua các nền văn hoá khác nhau từ cổ chí kim và khắp nơi trên thế giới.

Trong khung cảnh của một Giáo hội như thế, không có sự tôn vinh hàng giáo sĩ như một giống người đặc biệt khác với khối quần chúng giáo dân được xem là thụ động, không am tường giáo lý, và được đánh giá là không cần phải sống thánh thiện như các bậc sống khác. *Chữ ơn gọi và hành đạo (nghĩa là sứ mệnh truyền bá Tin Mừng)* không còn là ngôn ngữ hạn chế để chỉ cuộc sống giáo sĩ và tu sĩ. Mọi thành phần của Giáo

hội, tùy lời mời của Chúa và do sự đáp trả tự do của mỗi người, đều có ơn gọi và sứ mệnh chung là làm nên Giáo hội, như Phúc âm đã nói "*Tất cả anh em đều là anh em với nhau*" (Mt. 23, 8), trong những phận vụ riêng của mình tùy nhu cầu phục vụ của cộng đồng và hoàn cảnh cá biệt của mỗi bậc sống.

3. Giáo dân trong Giáo hội ngày hôm nay

Tài liệu mới nhất về giáo huấn của Giáo hội về Giáo dân là Tông huấn *Christi Fideles Laici*, do Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II ban hành ngày 30.12.1988, tiếp theo Thượng Hội đồng Giám mục về Tông đồ Giáo dân tổ chức vào năm 1987 tại Rôma. Giáo huấn vừa nhắc lại toàn bộ nội dung của *Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân* năm 1965 trong Công đồng Vaticanô II, vừa cập nhật hoàn cảnh Giáo hội lúc bấy giờ nhưng đi vào chi tiết hơn.

Với tâm thức cũ, tiên-Công-đồng, nhiều Kitô hữu, giáo sĩ cũng như giáo dân dường như cảm thấy không cần phải đi vào nội dung giáo huấn của Giáo hội, nhưng thường có định kiến rằng đây hẳn là bản văn thúc giục giáo dân, đặc biệt các xứ Tây âu, đi lễ Chủ nhật, tổ chức sinh hoạt rước kiệu, tham gia vào các chức vụ của Hội đồng giáo xứ để giúp các linh mục; hoặc trao cho một số giáo dân có thêm uy quyền trong việc điều hành Cộng đồng giáo xứ.

Những nội dung này không phải nằm ngoài ưu tư chung của toàn bộ giáo huấn của Giáo hội về giáo dân, nhưng lối hiểu tiêu cực, què quặt này (*như đóng khung vào sinh hoạt giáo xứ; tương quan giáo sĩ - giáo dân đặt nền trên ý niệm quyền uy trần tục; sinh hoạt cộng đồng dân Chúa o ép lại trong một hội đóng kín, tự đủ*

cho mình...) đi ngược lại đường hướng canh tân và quan điểm Giáo hội học mới của Công đồng Vaticanô II.

a- Những nét cá biệt của Giáo hội nêu lên trong văn kiện

• Giáo hội là cộng đồng huynh đệ có phận vụ truyền giáo

Tựa đề "***Ơn gọi và sứ mệnh của người giáo dân...***" tưởng chừng đã nói lên hầu hết điều muốn nói. Trước đây khi nói đến *ơn gọi*, người ta hiểu đó là phần dành riêng cho giáo sĩ, tu sĩ làm như chỉ giới sau này mới là môn đệ Chúa Giêsu.

Không phải thế. Chữ *ơn gọi* áp dụng cho bất cứ ai là người, hướng đến việc thực hiện hoàn toàn nhân tính của mình. Nhưng chữ *ơn gọi* ở đây được nêu lên đi liền với *sứ mệnh*, nhằm nói đến lý lịch của tất cả những ai đã tin vào Đức Kitô là con Thiên Chúa hằng sống và đã lãnh nhận phép rửa. Sự kiện sau này (sứ mệnh) xác minh *sự bất khả phân ly giữa phép rửa và sứ mệnh rao truyền Phúc âm hay còn gọi là sống đạo*.

Bản văn *Christi Fideles Laici* đưa ngay vào phần dẫn nhập yếu tố *sứ mệnh* nghĩa là *phục vụ*, hành động qua hình ảnh người thợ được gọi làm trong vườn nho. ***Chịu phép rửa là để làm việc***. Câu hỏi đặt cho Giáo hội hôm nay trong cuộc canh tân của Công đồng Vaticanô II đối với người giáo dân là "*Tại sao ở đây suốt ngày mà không làm gì hết?*" Và nếu giáo dân trước đây đã trả lời với Giáo hội : "*Vì không ai muốn chúng tôi*". Thì hôm nay qua Công đồng Vaticanô II, Giáo hội lặp lại lời Chúa: "*Các ông cũng thế, hãy vào làm vườn nho của ta*" (Mt. 2, 6-7) (xem *Christi Fideles Laici*, số 1 và 3).

- **Vườn nho là thế giới: sống đạo mọi nơi, mọi lúc**

Cũng ở phần dẫn nhập, Tông huấn này nói ngay "*Vườn nho đó là toàn thế giới* (Mt. 13, 38), và *thế giới này phải được biến đổi theo ý định của Thiên Chúa trong một viễn ảnh của vương quốc Ngài vào ngày thế mạt*" (Christi Fideles Laici).

Giáo xứ, giáo phận, dòng tu trước đây là khung cảnh hạn chế cho sinh hoạt tôn giáo. Trên mặt pháp lý xã hội, chúng ta ngày nay cũng khó lòng hiểu khác đi được! Nhưng sống đạo có phải chỉ thực thi các nghi lễ tuy cần thiết nhưng giới hạn trong lãnh vực tôn giáo hình thức này không? Không phải. *Vườn nho là toàn thế giới* mà người thợ là Kitô hữu, giáo sĩ cũng như giáo dân mỗi người một việc phải chu toàn mọi nơi và mọi lúc. Trước đây ta thấy, mỗi lần Giáo hội đề xuất và thực hiện một công tác nào, thì thường định chế hoá qua một hình thức xem là có tính Giáo hội như là cộng đoàn các giáo sĩ hoặc cộng đoàn tu sĩ. Các thế kỷ trước đây các hội dòng tu nam, nữ là đã "làm", đã "sống đạo" trong khuôn khổ tổ chức này. Tiếp đến, các đoàn thể giáo dân, hoặc có mục tiêu phục vụ cuộc sống trần tục, như Hội đoàn Công giáo, các tổ chức từ thiện Công giáo, ngay cả đảng phái cũng mang tên Kitô giáo... Nhưng từ Công đồng, kinh nghiệm và sinh hoạt đó tuy vẫn còn tiếp tục nhưng còn được nói rộng hơn khi Giáo hội thoát dần khỏi tiêu chuẩn trần tục của việc tổ chức và qui chiếu vào lời Phúc âm: "*Các con là Muối đất, là Men trong bột, là Ánh sáng thế gian...*".

Vừa dứt bỏ được các giới hạn quá hình thức, vừa đi gần hơn tinh thần của Phúc âm, cuộc sống đạo trải tràn ra trong cuộc sống toàn diện của con người : từ những người đau yếu đến những khoa học gia thám hiểm

không gian, từ người đấu tranh chính trị cho đến vị đan sĩ ngày ngày lao tác và cầu nguyện, từ Giáo hoàng đến người mẹ gia đình... sống đạo làm nên Giáo hội không nhất thiết phải là giáo sĩ hay giáo dân, vì không phải quyền uy điều hành là yếu tố then chốt làm nên Giáo hội nhưng *"biến đổi thế giới hay cuộc sống con người theo ý định Thiên Chúa"* làm nên sinh hoạt Giáo hội .

- **Một nhu cầu thực tế cấp bách cần đến vai trò giáo dân**

Vườn nho là thế giới thực tế trước mắt, chúng không phải một hình ảnh nào đó của một ý hệ. Giáo hội xác minh lại rằng mọi người chịu phép rửa đều là anh em và phải có sứ mạng rao truyền Tin Mừng. Nhưng trước mắt Giáo hội chứng kiến gì:

- Một thế giới đang đi xa dần ý định của Thiên Chúa, *"Một thế giới với hiện tình kinh tế, xã hội, chính trị và văn hoá đầy đầy các vấn đề và khó khăn trầm trọng hơn cả những gì được Công đồng diễn tả trong Hiến chế mục vụ Vui mừng và Hy vọng"* (Christi Fideles Laici số 3). Và thế giới hay vườn nho đó cần đến thợ gặt.
- Giáo hội trong hiện tình ngày nay đào sâu khủng hoảng thế giới, và sự uể oải thụ động, thờ ơ của người giáo dân như những dấu chỉ thời đại để khám phá được rằng : *"Thế giới trở thành môi trường và phương thế cho ơn gọi Kitô hữu của người tín hữu giáo dân...họ không được gọi để bỏ mất vị trí của họ trong thế giới nhưng...được Chúa gọi để làm việc, như ngâm ở bên trong, nhằm thánh hoá thế giới, như hình ảnh men trong*

bộ, trong nỗ lực thi hành các trách nhiệm riêng của mình dưới ánh sáng của tinh thần Phúc âm".

Do đó, khi nêu lên nhu cầu cấp bách phải đưa giáo dân lên tuyến đầu của công cuộc rao truyền Phúc âm trong thời buổi ngày nay, thì một mặt Giáo hội nêu lên một lề lối sinh hoạt mới về sống đạo. Trong khung cảnh mới này không có phân cấp hay loại trừ theo khuôn khổ tổ chức trần thế : Giáo sĩ không hề bị loại ra khỏi sinh hoạt trần thế; và giáo dân cũng không có mục tiêu sống đạo một cách tích cực để có được một vai vế trên trước nào trong cộng đồng dân Chúa. Đồng thời những tiêu chuẩn bên ngoài, nhãn hiệu tôn giáo của mình hay uy thế cho một tổ chức cũng không phải là cùng đích của nỗ lực truyền giáo của người giáo dân ngày nay.

• Đào tạo

Để có thể đưa giáo dân, tất cả giáo dân vào tuyến đầu của việc truyền giáo, hẳn nhiên phải cần có đào tạo. Không ai cho cái mà mình không có. Đào tạo khó khăn nhất là làm sao thay đổi tâm thức sống đạo? Bản văn Tông huấn trước hết nêu lên tâm mức phải đạt đến đó là *mức trưởng thành*. Tiêu chuẩn ưu tiên của trưởng thành là sống cho kẻ khác, nhìn nhận kẻ khác, nghĩa là tinh thần phục vụ một cách đại độ.

Và đây cũng là điểm mới lạ của tinh thần sống đạo, vì Kitô hữu cần trút bỏ tâm tình sợ hãi bị trừng phạt trong tâm thức tôn giáo của mình, hoặc tìm kiếm lợi ích riêng tư cho mình trong Giáo hội nơi trần thế mỗi khi thi hành các công tác tông đồ. Tiêu chuẩn quan trọng hơn nữa trong việc đào tạo là *hướng đến sinh hoạt cộng đồng hiệp nhất*, từ nơi gia đình, đến hội đoàn, giáo xứ

đến cấp quốc gia, quốc tế, trong giáo hội, đến với các tổ chức, tôn giáo khác mình...

Sinh hoạt tông đồ không chỉ là hành động cá thể mà hơn hết là kết hợp thành hành động chung của cộng đồng, nhất là các đoàn thể hướng đến những cơ cấu rộng lớn điều hành cuộc sống con người.

b- Những khó khăn

Sự cách biệt giữa giáo huấn của Giáo hội và nếp sống của đa số người giáo dân như một thực tế trước mắt làm nhiều người nêu lên những nhận định bi quan. Giáo huấn được xem là một yêu sách của mẫu mực Phúc âm đòi hỏi phải thực hiện cấp bách trong thực tế, tiếc thay lại đi kèm với một sự thiếu vắng các yếu tố thiết yếu để có thể thực hiện! Chẳng hạn:

• Khuôn khổ tổ chức tối thiểu

Trước đây một dòng tu được lập ra thường đi theo những điều kiện tinh thần, vật chất, tổ chức để có thể tồn tại : một số công tác phục vụ cụ thể để thi hành, để kiểm điểm công tác; một sự nhìn nhận của giáo phẩm, và sự hỗ trợ của cộng đồng; tiêu chuẩn, thời gian huấn luyện; kỹ thuật và tổ chức nội bộ...

Ngày nay, khi nói đến tông đồ giáo dân, không khác gì đọc một bản Phúc âm; công tác mênh mông vượt lên mọi hình thức tổ chức, đòi hỏi một sự uyển chuyển của một tâm thức hết sức trưởng thành như đã có sẵn tự bao giờ! Và vì yêu sách quá rộng, quá cao, kỳ cùng giáo huấn dễ bị xem là một lý thuyết dành cho ai khác chứ không phải cho mình và cộng đồng mình ! Và thực tế đã xảy ra khi những gì đã nêu lên trong Tông huấn *Christi Fideles Laici* thường được chính Giáo hoàng,

Giáo triều Rôma qua các thánh bộ và hội đồng giáo hoàng : Công lý Hoà bình, Đối thoại Tôn giáo, Di dân, Văn hoá, Giáo dục, Gia đình...thực hiện; càng xuống các cấp gần với chính cuộc sống hằng ngày của giáo dân như gia đình, xứ đạo... thì ảnh hưởng hầu như chưa có tác dụng gì mấy (*những phê phán cho rằng Giáo triều Rôma không lưu ý đến sinh hoạt trần thế, xa cuộc sống cụ thể... là lối nói thuộc lòng do báo chí quảng cáo hơn là một nhận định bám trên thực tế*).

• Đào tạo

Công việc đào tạo giáo dân quá phức tạp và khó khăn. Yêu sách đòi hỏi phải có sáng kiến truyền giáo xây dựng Giáo hội, canh tân xã hội, phải đi tuyến đầu, phải trưởng thành phân biệt những nguy cơ tinh vi của chủ nghĩa thế tục và đường hướng Phúc âm, phải uyển chuyển chọn lựa phương thức tổ chức và hành động..., lắm lúc cho chúng ta có cảm tưởng rằng một cán bộ giáo dân như thế hẳn phải được đào tạo 3 lần hơn một giáo sĩ ! Thế mà, ý chí và phương tiện để thực hiện giáo huấn của Giáo hội về Giáo dân, khởi đầu bằng công tác đào tạo lại èo uột. Có những vùng, những xứ..., dường như chưa từng có kế hoạch hay một dự án, ngân sách nào hướng đến nỗ lực này. Về phía tổ chức Giáo hội trên mặt hỗ trợ, sự hiệp thông giữa giáo sĩ - giáo dân trong mục tiêu đào tạo giáo dân lại càng hiếm hoi. Trong công tác mục vụ, việc đào tạo giáo sĩ hướng đến công tác này ít được thực hiện, chẳng hạn không mấy giáo sĩ am tường về phương cách hoạt động tông đồ giáo dân, các đoàn thể, theo từng bộ môn, lứa tuổi...; các đoàn thể hay các sinh hoạt giáo dân thường đành chấp nhận sự hiện diện một giáo sĩ bất chùng nào đó ở cạnh mình như một chuyện tự phát, đã rồi.

• Tâm thức

Tâm thức xã hội - và ngay cả Kitô hữu, giáo sĩ cũng như giáo dân - như còn xa lạ với tinh thần Công đồng Vaticanô II về ý nghĩa sống đạo. Hãy thử làm một bản trắc nghiệm đa số giáo sĩ và giáo dân tại cơ sở để xem khi nói đến việc trả thuế, đi bầu cử, đóng góp giúp người nghèo, dạy con, giúp vợ, săn sóc chồng, thăm viếng bạn bè, tham gia công việc nhân quyền .v.v...có nằm trong khung cảnh sinh hoạt cuộc sống đạo không, thì rõ. Phải chăng dư luận và tâm thức nơi nơi vẫn chỉ lấy việc dự lễ chủ nhật làm thước đo hành đạo ! Và như thế giáo huấn Giáo hội dạy phải dẫn thân vào bất cứ sinh hoạt nào của trần thế : chính trị, bác ái, xã hội, văn hoá, tu đức đặc loại của giáo dân... có giá trị như thế nào trong cuộc sống hằng ngày của việc điều hành Cộng đồng và sống đạo? Giáo huấn Giáo hội còn xa lạ trong tâm thức, điều đó còn có thể hiểu vì cần thì giờ thích ứng; nhưng ngay cả trong giáo huấn chính thức của cộng đồng cấp quốc gia, giáo phận, giáo xứ, trong các cơ sở truyền thông của Giáo hội địa phương, trong nội dung đào tạo giáo sĩ, giáo dân ..., việc mạnh dạn truyền đạt giáo huấn của Giáo hội và áp dụng vào cuộc sống mục vụ thiết thực, tất cả còn ngập ngừng như có vẽ hoài nghi !

c- Niềm hy vọng

Những khó khăn nêu lên có những cơ sở giải thích của chúng. Tuy nhiên chúng ta biết việc công bố Công việc tông đồ giáo dân, nêu cao sứ mạng và ơn gọi của người tín hữu này nằm trong khuôn khổ một cuộc canh tân Giáo hội học, nghĩa là toàn bộ sinh hoạt Giáo hội chiếu theo Mẫu mực Phúc âm. Cuộc canh tân đó luôn

luôn khởi đầu lại, trường kỳ vì gắn với bản tính luôn sinh động mà luôn phải canh cải để kiện toàn Giáo hội .

Bên cạnh những đổi thay còn khó khăn, đôi lúc chậm chạp đến độ như chết chìm so với vận tốc đổi thay phi mã của cuộc sống văn minh trần thế, thì cũng phải nhìn nhận rằng chưa một cộng đồng tôn giáo hay một nền văn hoá nào trong gần 50 năm qua đã thay đổi nhanh chóng tâm thức và nếp sinh hoạt của mình (đĩ nhiên là đổi chiều vào kiểu mẫu Phúc âm) hơn là Giáo hội công giáo. Làm sao trước đây chúng ta có thể tưởng tượng có một hiệp hội như Focolare do một phụ nữ (trăm phần trăm ở trong đời sống giáo dân) đứng đầu, với sự tham gia của từng trăm hồng y, giám mục, hàng ngàn linh mục làm hội viên, để còn qui tụ những thành phần không phải chỉ là công giáo! Một điển hình, tuy quá chọn lựa, nhưng không còn gây ngỡ ngàng, thắc mắc bên trong và bên ngoài Giáo hội, cho phép chúng ta lượng giá một chặng đường rất dài đã vượt qua được, và tiên liệu những thành quả còn sáng ngời hơn nữa.

4- Giáo dân trong hoàn cảnh Việt Nam

Cận kề năm 2.000, có lẽ chúng ta có dịp để kiểm điểm lại nếp sống cá nhân và cộng đồng đổi chiều với giáo huấn của Giáo hội và tinh thần Phúc âm. Nếu những khó khăn để cổ võ việc tông đồ giáo dân là tình trạng chung của Cộng đồng Kitô hữu trong hoàn vũ, thì đối với Giáo hội Việt Nam chúng ta trong và ngoài nước lại còn có những khó khăn mười lần hơn.

Khó khăn riêng của Cộng đồng Kitô hữu chúng ta trước hết phát xuất do tiền kiến lấy mẫu mực tiền Công đồng để đánh giá cao nếp sống đức tin của chúng ta. Mỗi lần nêu lên sinh hoạt Giáo hội, chúng ta có sẵn các con số tham gia Thánh lễ chủ nhật để xí xoá tất cả :

chúng ta cho rằng Giáo hội nêu lên khủng hoảng là chỉ nói đến tình trạng Giáo hội Tây phương, vì giáo dân không còn "giữ đạo" ! Tiên kiến đó hàm ngụ rằng thực ra giáo huấn của Giáo hội về giáo dân cũng chỉ đề cổ động giáo dân đi lễ; và tiên kiến kế tiếp là xã hội và cộng đồng Công giáo Việt Nam muôn năm sẽ không bao giờ thay đổi. Vượt lên trên tâm thức không chịu cạnh tranh này chúng ta cần đọc lại giáo huấn của Giáo hội để đối chiếu với sinh hoạt của các cộng đồng, các sinh hoạt tôn giáo của chúng ta, và chúng ta sẽ có được một sự lượng giá chính xác!

Nhưng niềm hy vọng đang lên đường trong cộng đồng giáo hội Việt Nam

Gần đây, trong công cuộc chuẩn bị họp Thượng Hội đồng Giám mục cho Á châu (tháng 4 và 5.98 tại Vatican) các giám mục Việt Nam đã xác nhận rằng Giáo dân là thành phần tích cực truyền giáo trong giai đoạn qua, và đề nghị một khung cảnh sinh hoạt sống đạo trong tình huynh đệ gia đình, ăn khớp với tâm thức văn hoá Việt Nam. Hai yếu tố quan trọng đã được nêu lên nhằm khai triển giáo huấn của Giáo hội áp dụng cho Kitô hữu Việt Nam.

- Trở lại tinh thần giáo sĩ - giáo dân sát cánh nhau năng nổ truyền giáo trong giai đoạn thành lập Giáo hội Việt Nam, khi kẻ sĩ Ignace, chàng thanh niên André Phú yên cùng với linh mục Alexadre de Rhodes xây dựng cộng đồng. Ở đây phục vụ, truyền giáo, đi sâu vào văn hoá, ngôn ngữ, tâm thức người Việt không phải chỉ là lý thuyết mà là nếp sinh hoạt hằng ngày của cộng đồng những người "*yêu thương nhau*".

- Kinh nghiệm sống *Đạo lý làm người* của xã hội Việt Nam đã sớm biết một nề nếp vượt lên các hình thức tôn giáo quá nặng nề hệ thống, cấp bậc : Đạo lý

Không-Mạnh đi vào xã hội như một tinh thần sống; cuộc sống đạo nghĩa trong việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình và đại gia đình... Đây là những kinh nghiệm quý giá để giúp Cộng đồng Công giáo Việt Nam trong tương lai thoát dần nét quá trần-tục-hoá của một tổ chức phẩm cấp trong Giáo hội chịu ảnh hưởng phần nào sinh hoạt cũ của nền hành chánh La-mã và xã hội Trung cổ Tây phương. Phải chăng đây là lý do thúc đẩy các Giám mục hy vọng cho tương lai Cộng đồng huynh đệ Kitô hữu Việt Nam, muốn lấy mẫu mực thời Tông đồ Công vụ làm điềm qui chiếu.

Để kết luận, xin lấy lại lời Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II trong phần cuối Tông huấn *Christi Fideles Laici* :

"Trước ngưỡng cửa Đệ III Thiên niên, toàn thể Giáo hội, Chủ chăn, cũng như Tín hữu, phải nhận ra một cách mạnh mẽ hơn nữa trách nhiệm của mình và vâng theo mệnh lệnh của Chúa Kitô: *"Các con hãy đi khắp thế giới mà rao giảng Tin mừng cho muôn dân"* (Mc. 16, 15) là tái tạo một lối truyền giáo mới, Giáo hội được giao phó để thực hiện một công trình có tầm vóc lớn lao, khó khăn và cao cả: *Đó là việc tiến hành "một lối rao giảng Phúc âm mới mà thế giới ngày nay đòi hỏi một cách cấp thiết. Tín hữu giáo dân phải thấy rằng mình là phần tử tích cực trong công cuộc đó: Họ được gọi để loan báo và sống Phúc âm, bằng công tác phục vụ con người và xã hội trong tất cả những giá trị và đòi hỏi của chúng"* (C.L. số 64).

Chú thích

Về thần học giáo dân, yếu tố trần thế của Giáo hội, có rất nhiều tài liệu để nghiên cứu, đặc biệt là các bản văn Công đồng và các công trình thâm cứu sau đó. Một số hướng dẫn căn bản về nội dung này đã được "Hội đồng Giáo hoàng về Giáo dân" xuất bản. Riêng về phần Việt ngữ, Phong trào Giáo dân Việt Nam Hải ngoại đã đóng góp vào việc hỗ trợ đào tạo giáo dân qua các bản dịch các Thông điệp Giáo hoàng và một số sách Thần học Giáo dân :

- *Người Tín hữu Giáo dân* - Bản dịch Tông huấn *Christi Fideles Laici* - Định Hướng xuất bản 1990.
- *Thông điệp Vấn đề Xã hội*, Định Hướng xb, 1990
- *Giáo dân vào những thế kỷ đầu của Giáo hội*, A. Faivre, Định Hướng xb, 1992.
- *Đào tạo Giáo dân* - Hội đồng Giáo hoàng về Giáo dân, Định Hướng xb, 1993.
- *Huấn thị Tự do Kitô Giáo và giải phóng* - Định Hướng xb, 1993.
- *Đường lối tự tin, tự lực, tự cường* - Roger Heckel, s.j. Định Hướng xb, 1993.
- *Bài giảng trên núi* - Dẫn thân Kitô Giáo, Nguyễn Đăng Trúc, Định Hướng xb, 1996.
- *Đối thoại và rao truyền* - Kitô giáo và các tôn giáo, Định Hướng xb, 1998.
- *Giáo hội và Nhân quyền*, Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình, Định Hướng xb, 1999
- *Một cái nhìn mới về Học thuyết Xã hội Công giáo* - Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình, Định Hướng xb, 1999.

Chương II

Mười phúc dành cho kitô hữu ²

*Phúc cho các con nếu người ta sỉ nhục các con,
nếu người ta bắt bớ các con mọi cách vì Ta.
Các con hãy ở trong sự vui mừng và hoan hỉ,
vì phần thưởng các con sẽ lớn trên trời.*
(Mt 5,11-12)

Các con là muối đất...
(Mt 5,13)

Các con là ánh sáng thế gian.
(Mt 65,14)

*Vì thế ánh sáng của các con phải sáng
lên trước mặt mọi người, để, khi thấy các việc
làm tốt lành của các con, họ tôn vinh Cha các
con Đấng ở trên trời.*
(Mt 5,16)

Tác giả Matthieu đã viết thành hai phần riêng về các mối phúc: tám mối phúc đầu dành cho mọi người, ở ngôi thứ ba số nhiều, và mối phúc thứ chín

² Trích trong cuốn *Bài Giảng Trên Núi* của tác giả

này nhằm chỉ riêng cho những kẻ đã biết đến Ngài và đi theo Ngài.

Tại sao lại phải chia ra hai phần như thế ?

1 - Mặc khải về Đức Kitô, Ngài là Nước Trời mà mọi người mong đợi

Matthieu là một tác giả Do-thái, rao giảng Tin Mừng trực tiếp cho một cộng đoàn hầu hết là gốc Do-thái. Và tâm thức người Do-thái đương thời, khi nói đến Đấng Thiên sai thì luôn nghĩ đến một vị giải phóng ch trị cho dân tộc họ mà thôi. Đó là một trong những yếu tố khách quan thúc đẩy Matthieu nói rõ hơn, nhấn mạnh về Một Đức Kitô cứu độ toàn nhân loại.

Trong ánh sáng của Thánh giá và sự Phục sinh của Chúa Kitô, Matthieu soi rọi lại lời hứa của Thiên Chúa sẽ cứu độ toàn nhân loại được mặc khải trong Cựu ước và trong lịch sử dân Israel, dân được chọn. Thêm vào đó, từ những sự kiện lạ lùng như ba nhà đạo sĩ phương Đông đến thờ lạy Chúa Kitô khi Ngài sinh ra, đến sứ điệp cuối cùng trao cho các môn đệ rao truyền Tin mừng khắp các dân tộc, cũng như việc các thánh đã chết đi vào thành thánh khi Chúa sống lại... Matthieu không những nêu lên ơn cứu độ cho mọi người, mọi dân tộc, mà còn nhấn mạnh đến hiệu năng của ơn cứu độ vượt không gian và thời gian, các khung cảnh, ranh giới bên ngoài theo ước lệ xã hội.

Mặc khải đó thấy rất rõ ở trong chính mỗi phúc này. Chữ Nước Trời, trong tám mỗi phúc đầu được xác định là Chúa Kitô, và Thiên Chúa là *Cha* trên trời của mọi người ở mọi thời đại.

Đức Kitô đến để hoàn thành, để thực hiện lời Thiên Chúa hứa, lời đó gieo trong lòng mỗi người từ cổ chí kim, và nói rõ thành dấu chứng lịch sử trong dân Israel.

Thánh Phaolô viết rằng :

Tất cả tạo vật trông đợi khát khao sự mặc khải làm con Thiên Chúa: nếu nó đã bị mê lầm chế ngự, không phải vì nó đã muốn sự mê lầm, nhưng vì Đấng đã để nó ở trong sự mê lầm, thì nay với niềm hy vọng nó cũng được giải thoát khỏi sự nô thuộc của sự hư nát để đi vào trong sự tự do của vinh quang của các con Thiên Chúa. (Rom 8,20-21)

Sau hết hỏi anh em, tất cả những gì là thật, là cao cả, là công chính, là thanh khiết, là đáng mến, là đáng kính, tất cả những gì là tốt lành nơi nhân đức và đạo lý con người, anh em phải lưu tâm. Những gì anh em đã học biết, đã lãnh nhận, đã nghe nơi ta và nhận thấy nơi ta, anh em phải thực thi...(Phil 4,8-9)

Theo danh từ thần học, ta thấy được rằng, toàn nhân loại là chi thể Chúa Kitô, là Giáo hội nhiệm mầu đã được thanh tẩy trong sự chết và sự sống lại của Chúa Kitô. Nên mọi nỗ lực, thiện chí của bất cứ ai đều được gọi là tốt trong Con Người Tốt là chính Ngài. Thánh Thần là sự Sống của Chúa Kitô hành động nơi mọi người, dấu họ không biết đến tên Ngài. Vì thế, những gì tốt đẹp nơi họ, môn đệ của Chúa Kitô, Kitô-hữu, phải chú tâm học hỏi. Đây là nền tảng thần học về đối thoại tôn giáo và nỗ lực hội nhập văn hóa.

Mâu nhiệm Đức Kitô làm người lịch sử trong nhân loại đi đôi với mâu nhiệm của những kẻ được Thiên Chúa chọn để biết và nhận mặc khải lạ lùng này. Không ai tự mình có thể hiểu, và cũng không ai tự hào về công lao riêng gì của mình, trong việc mình được ơn đặc biệt làm kitô hữu cả. Nên cũng vì thế trong bài giảng được gọi là “*bài giảng về Giáo hội học*”, Matthieu nhắc lại lời Chúa Kitô về chỗ đứng của Kitô-hữu giữa lòng nhân loại :

Bấy giờ các môn đệ đến gần Chúa Giêsu để hỏi Ngài: Ai là người lớn nhất trong Nước Trời? Ngài gọi một trẻ nhỏ, đem nó đến giữa họ và nói: Ta nói thật với các con điều này, nếu các con không trở về tình trạng của ấu nhi, các con sẽ không vào được Nước Trời. Ai trở nên bé nhỏ như trẻ nhỏ ấy, đó là người lớn nhất trong Nước Trời. (Mt 18, 1-4)

Trở về tình trạng ấu thơ, (Lão tử gọi là “hoàn đồng”) là khiêm tốn tiếp nhận chân lý, không tranh dành cao thấp, không định giá mình cao trọng hơn kẻ khác, và đặt niềm tin vào Chúa quan phòng.

Là nơi mặc khải Chúa Cứu độ toàn nhân loại, Kitô-hữu tích cực nhìn nhận có sự tốt lành trong nỗ lực của mọi người, mọi giới, vì tất cả sự tốt lành đó không nằm ngoài ơn Cứu độ của Chúa Kitô. Mặc khải đó không ban cho họ, trên bình diện cá nhân hay cộng đoàn, một đặc quyền nào để ăn trên ngồi trước, cao hơn những kẻ khác trên bình diện xã hội loài người.

2 - Phúc của Kitô-hữu và sứ mệnh truyền bá Tin Mừng

Ôn đặc biệt của Kitô-hữu khi họ nhận biết Nước Trời là Chúa Kitô, nhận biết Thiên Chúa là Cha của mình đi kèm những ân phúc sau đây:

- Chịu bắt bớ vì công lý nơi Chúa Kitô.
- Ở trong sự vui mừng và hoan hỉ.
- Phần thưởng sẽ lớn trong Nước Trời.
- Làm chứng chân lý Chúa Kitô bằng cả cuộc sống của mình.

Chịu bắt bớ vì Chúa kitô

Những điều ân phúc đó có khác gì với tám ân phúc cho mọi người?

Trước hết, ta xét đến tương quan của chúng qua hình thức hành văn của đoạn này:

- Tám mỗi phúc đầu là những phương cách biểu lộ của những kẻ “*thuộc về Nước Trời*”. Mỗi phúc thứ nhất và mỗi phúc thứ tám mở ra với “*Nước Trời*” và kết thúc với “*Nước Trời*”.

- Mỗi phúc thứ chín hầu như lặp lại mỗi phúc thứ tám: Có thể nói rằng, tác giả thay vì lặp lại từng mỗi phúc, đã dùng cách hành văn tóm gọn này.

- Và ngay ở mỗi phúc thứ chín, phần cuối nêu lên ý tưởng này: “*người ta cũng đã ngược đãi các tiên tri, những kẻ đi trước các người.*” (Mt 5,12)

Như thế có sự song song: Nước Trời là Chúa Kitô, thì các mỗi phúc của con người nói chung cũng là các mỗi phúc của môn đệ Chúa Kitô. Đến đây ta hiểu được rõ ràng hơn nữa, nội dung những câu dẫn nhập của Hiến chế “*Vui mừng và Hy vọng*”, bản văn

nền tảng của Công đồng Vaticanô II định nghĩa vai trò và tương quan giữa Kitô-hữu và cộng đồng con người.

Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ. (Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, Lời mở đầu 1)

Nhưng Nước Trời siêu việt, ẩn kín, cứu cánh mọi người trông chờ và hy vọng, thì nay được mạc khải cho môn đệ Chúa Kitô biết rằng: “**Nước Trời là Ta**, Đức Giêsu-Kitô đã làm người, chết và được sống lại trong lịch sử nhân loại này”. “**Ta**”, chữ Thiên Chúa siêu việt đã mạc khải cho Maisein và nhân loại trong Giao ước cũ: “*Ta là Đấng Ta là Ta*” (Xuất hành 3,14), nay mang thân xác con người phô bày sự hiện diện của mình, với mình và trước kẻ khác.

Nhưng tại sao nơi tâm thức mỗi người, nơi các nền văn hóa, chữ *Ta* lại trở thành vấn đề gai góc (xem Confessions của thánh Augustinô), và cũng là cơ cho mê lầm (nơi tư tưởng nhà Phật). Descartes, Kant, những triết gia nhân bản ngày nay, cũng đã am tường rằng tất cả nỗ lực văn hóa con người cũng khởi đầu từ thắc mắc về chính cái “*tôi*”. Giải đáp trả lời cho vấn nạn này rất là đa biệt, đây đưa lịch sử nhân loại phiêu lưu qua nhiều cảnh vực thế giới khác nhau: *tôi* trong suy tư, *tôi* trong lao động, *tôi* trong hưởng thụ vật chất, *tôi* trong quyền lực... Bên trên những cuộc phiêu lưu đó, vấn đề

“cái tôi” như một thắc mắc nguyên sơ vẫn còn đó, gắn bó với nghiệp con người nơi trần thế.

Chữ “Ta”, khi Chúa Kitô dùng để nói với các môn đệ Ngài, không đơn giản chút nào. Tông đồ Gioan mô tả mâu nhiệm của chữ Ta đó qua cuộc đối thoại của Chúa Kitô và các tông đồ, trước khi Ngài chịu tử nạn.

Tôma nói với Ngài: Thưa Thầy, chúng con không biết Thầy đi đâu. Làm sao chúng con biết đạo (= đường) của Thầy? Chúa nói với ông: Ta là Đạo (=Đường), là sự Thật và là sự Sống. Không ai đến với Cha mà không qua Ta. Nếu các con biết Ta, các con cũng sẽ biết Cha Ta. Ngay từ bây giờ các con biết Ngài và đã thấy Ngài. (Gioan 14, 5-7)

Nhưng, trước mặt khái ấy, dường như không ai trong các môn đệ hiểu thật sự Chúa Kitô muốn nói gì. Trước đó Chúa Kitô đã không nói về Ngài, đã không làm phép lạ, đã không gọi họ đi theo, và họ đã không theo Ngài hay sao ? Thế mà, ngay sau lời đó, Philipê lại hỏi ngay:

Philipê nói với Ngài: Lạy Thầy, xin Thầy hãy chỉ Cha cho chúng con, và như thế là đủ cho chúng con rồi. Chúa Giêsu nói với ông: Này, Ta ở với các con lâu như thế, mà con không biết Ta sao, hỏi Philipê? Ai đã thấy Ta là đã thấy Cha. Làm sao con có thể nói: Xin Thầy chỉ Cha cho chúng con? Con không tin là Thầy ở trong Cha và Cha ở trong Thầy sao? Các Lời Ta nói cho các con, Ta không tự Ta mà nói ra: Cha là Đấng ở trong Ta hoàn tất mọi việc. Các

con hãy tin Ta về những lời ấy! (Gioan 14,8-11)

Cho đến ngày Chúa Kitô lại đến trong ngày tận thế, sẽ không ai hiểu được đầy đủ chữ “Ta” mà Chúa Kitô dùng. Ngài vẫn luôn nói với các môn đệ Ngài, đứng đối diện với Ngài, “*Các con hãy tin!*” .

“Ta” là đầu mối để có lời nói, để xung hô và thiết lập tương quan với anh, chị... . Tương quan đó làm nên cộng đồng con người, vượt lên trên các sinh vật, cỏ cây trong vũ trụ. Các chữ ta, các anh, các chị... con người vẫn dùng, nhưng tại sao con người không những cảm thấy có một cái gì bất ổn, đôi lúc còn vì chữ này mà đâm giết nhau (như ta thường nói “bị ngã tương tranh”). Lão Tử, Đức Phật và ngay cả Khổng Tử cũng cảm nhận một cái gì mê lầm, giả tạo nơi lời nói con người. Khổng Tử phải chăng đã dạy con ruột mình phải học Kinh Thi để có được lời nói, Kinh Thi vốn là hứng khởi đến từ bờ bên kia của thế sự. Nhưng bờ ẩn kín bên kia là nơi nào đây? Phật ngại ngần khi nhắc đến “*bỉ-ngã*”, tôi và anh, vì tôi đã là giả tạo thì làm sao nhận ra có kẻ khác!

Phải chăng vì lời nói giả tạo nên đành câm nín để đạt chân lý? Văn hóa Hy Lạp qua kịch phẩm *Oedipe làm vua* của Thi hào Sophocle cho hay rằng, Oedipe “*sáng mắt*”, “*nói*” nhưng thực ra không thấy sự thật, không biết được chữ “Ta” ông nói về mình là ai. Khi biết mình mê lầm, ông tự đâm mù hai mắt. Nhưng mù mắt hay câm nín thì ông không vì thế mà bước đi trên sự thật, tìm lại được lời nguyên sơ chân thật của mình. Trang Tử, chân nhận có Đạo, nhưng đồng thời chân nhận tình trạng bất lực của lời nói, tương quan giữa người với người trong Đạo:

*Đạo không phải là cuộc đời, nhưng cuộc đời không phải là sự chối bỏ tận gốc về Đạo... Cái nhìn tối thượng của Đạo và mọi vật, lời nói cũng như thỉnh lặng không chứa nổi. Hãy vượt lên lời nói cũng như sự thỉnh lặng nó ở bên trên mọi cách diễn tả của con người.*³

Trong ánh sáng đức tin, kitô hữu nhận ra Chân lý, Đạo, Công lý đó là Đức Kitô, *Lời Thiên Chúa làm người*. Từ Lời này, “*Ta*” chân thật xuất hiện trong thế giới con người. Con người ở *ngôi thứ ba* số nhiều như bao đồ vật khác trong tầm tay và sự hiểu biết, nay được gọi tên *tôi, anh, chị* ...trọn nghĩa trong *Lời* này. “*Bi-Ngã*”, *Tôi-Anh* giả tạo của quyền lực muốn thống trị của “*ngã chấp*”, nay được trả lại sự công chính nguyên sơ của nó trong sự cứu độ của Chúa Kitô.

Phúc cho Kitô-hữu, vì trong đức tin họ biết được “*Ta*” chân thật đã xuất hiện trong nhân thế. Tuy nhiên “*Ta*” đó vẫn vượt lên mọi ngôn ngữ của con người, cũng như sự thỉnh lặng của nó. Cái biết của Kitô-hữu về “*Ta*” chân thật đó luôn là cái biết trong đức tin: “*Các con hãy tin Ta về những lời này.*”

Cuộc vật lộn với Thiên Chúa để biết tên Ngài nơi Giacop, nay là cuộc vật lộn với Chúa Kitô để thấy Thiên Chúa trong Lời Ngài là Đức Kitô. Kitô-hữu bị “*bất bở*” vì “*Ta*” chân thật này, vì “*Ta*” đó là hiện thân tình yêu thương của Thiên Chúa đối với con người. Tình yêu đó hiến thân mình cho toàn nhân loại được Thiên Chúa yêu. Tình yêu đó là “*Ta*

³ Tchouang Tseu. *L'oeuvre complète XXV*, Gallimard Paris, 1980; tr. 293, 294.

cứu độ”, tôn trọng kẻ khác trong nhân phẩm chân thực, không tự vương muốn biến kẻ khác thành dụng cụ của ý muốn và quyền lực của mình. Con người chân thật Kitô không làm một việc gì theo ý mình, nhưng hoàn toàn vâng phục ý Cha Đấng ở trên trời.

Cảnh vực yêu thương, công lý mới này, Đức Kitô đã chinh phục bằng Thánh giá của Ngài. Kitô-hữu nay chịu bắt bớ vì công lý, khi tuyên xưng niềm tin về yêu thương của Thiên Chúa nơi Đức Kitô.

Vui mừng và hoan hỉ

Nơi đây, Matthieu không nhắc lại lời chúc phúc thứ ba: *“Phúc cho những kẻ buồn khổ vì họ sẽ được ủi an.”*, nhưng nói rõ thế này: Các con hãy ở trong vui mừng và hoan hỉ. Đức Kitô đã sống lại, niềm vui thực sự đã xuất hiện trên trái đất, giữa lịch sử nhân loại. Kitô-hữu làm chứng về Công lý-Tình yêu trong sự thông dự vào sức mạnh của niềm vui này.

Nhưng Matthieu còn ghi thêm *“vì phần thưởng các con sẽ lớn ở trên trời.”* Niềm vui sống lại của Chúa đã xuất hiện trong trần thế, nhưng không phải là niềm vui của trần thế. Làm chứng về sự toàn thắng của Chúa Kitô, không phải là thực hiện sự thống trị trên xã hội theo sự hiểu biết và hứng khởi của quyền lực con người. Khổng tử trong sách Luận ngữ nói: *“trên không oán trời, dưới không hận người”* để nói lên thái độ kẻ thực thi Đạo Nhân. Ở đây Chúa Kitô nói một cách tích cực về niềm vui của Đạo Nhân đã thực sự hoàn thành nơi Ngài.

Ngay trong đau khổ, chịu tra tấn, sỉ nhục, bỏ rơi bởi bạn bè, Đức Kitô nơi Phúc âm Matthieu không nói lên một lời oán trách. Và trước đó, Ngài

đã từng dạy kẻ theo Ngài phải tha thứ bảy mươi bảy lần bảy về những xúc phạm của kẻ khác đã ngược đãi mình (xem Mt 18,22). Luca, nhắc lại lời Chúa Kitô khi chịu đóng đinh trên núi sọ: “*Lạy Cha, xin tha cho họ; họ không biết việc họ làm.*” (Luca 23,34)

Ôn nhận biết Chúa Kitô là công lý của Thiên Chúa, chính là ơn nhưng không Kitô-hữu nhận được. Họ sẽ làm chứng niềm vui đó một cách nhưng không. Chúa Kitô không oán trách, trả thù, phê phán kẻ bắt bớ, tra tấn, giết hại Ngài. Phản ứng duy nhất của Ngài là xin Chúa Cha tha cho việc làm đó, vì kẻ làm không biết việc họ làm. Kitô-hữu làm chứng về Ngài cũng không thể có thái độ nào khác hơn.

Trong sự chết của Chúa Kitô, xem ra là sự thất bại, nỗi buồn cùng cực theo công lý con người, nhưng nơi sự thất bại bên ngoài đó, Thiên Chúa Cha đã vinh thăng Ngài trong Phục sinh. Kitô-hữu cũng chịu những bước thất bại bên ngoài như Ngài, chứng kiến những ngày tháng lịch sử của mình, của Giáo hội rất tang thương, nhưng chính đó là dấu chứng Thiên Chúa Cha đang phục sinh lại trần thế trong sự cứu độ của Chúa Kitô.

Vui mừng và hoan hỉ vì niềm vui sống lại của Chúa Kitô còn là niềm hy vọng họ sẽ được sống lại như Ngài, để cùng với cộng đồng nhân loại đến gặp Ngài, nơi Ngài đã hẹn, bên cạnh Thiên Chúa Cha.

Sống đạo : muối đất và ánh sáng thế gian

Muối, là chất làm cho sự sống bình thường của sinh vật ngưng lại. Nó nói lên hình ảnh tiêu cực về tình trạng triệt tiêu sự đổi thay, chóng qua, đồng thời cũng gợi lên sự trường sinh. Muối đất hay ánh sáng cũng là một nội dung với hai cách nói. Cuộc sống

Kitô-hữu trong trần thế để làm chứng về Đức Kitô chủ yếu là làm cho sự chóng qua của lịch sử thắm nhập sự sống trường sinh từ sự sống lại của Chúa Kitô. Ánh sáng họ nhận được cũng không phải thứ ánh sáng mê lầm do trí năng tự mãn của con người, nhưng là Chân lý đến từ Thiên Chúa nơi Chúa Kitô.

Làm chứng, theo Matthieu, không phải chủ yếu nơi việc thuyết giảng suông, nhưng trước hết do chính cuộc sống của mình, nơi việc làm ngay lành của mình. Vì Lời Thiên Chúa nói với nhân loại là Ngôi Hai làm người, hiến thân mình cứu độ.

Không ai làm chứng bằng sự cưỡng bức kẻ khác nhận chân sự thật bao giờ. ***Làm chứng là để sự thật hiện diện trong lời nói của mình, để người nghe tự do trước Chân lý.***

Cộng đồng Kitô-hữu hay Giáo hội hữu hình cũng làm chứng Tin Mừng như thế. Cộng đồng đó khác với cộng đồng xã hội trần thế, vì không một yếu tố nào của trần thế ràng buộc, chế tài họ, buộc họ phải gia nhập vào thân thể của Chúa Kitô, ngoài sự tự do của mỗi người.

Làm chứng cho chân lý tình yêu là thực thi tình yêu của Chúa Kitô trong hành động của chính mình, thể hiện ra trong xã hội của mình.

Và như thế, ánh sáng của các con phải sáng lên trước mắt mọi người để, khi thấy việc làm tốt lành của con, họ thấy được vinh quang của Cha các con Đấng ở trên trời. (Mt 5,16)

Nói cách khác, làm chứng Công lý-Tình yêu không thể không chân nhận tự do của kẻ khác. ***Làm chứng cho Đấng đem lại tự do toàn vẹn cho con người khởi đầu từ việc tôn trọng tự do của kẻ khác cạnh mình.*** Vì Nước Trời của Chúa Kitô không có

ai là tôi tớ của ai theo nghĩa trần thế, nhưng “*Các con là bạn hữu của Ta*” (Gioan 14,14)

Tóm lại phúc của Kitô-hữu là bạn Chúa Kitô, chia sẻ sự sống của Ngài, cộng tác với Ngài hoàn thành Nước của Thiên Chúa. Trong cuộc sống làm chứng nhân này, hơi thở Thiên Chúa, Thánh Thần là sự sống của Chúa Kitô sẽ chiến thắng yếu hèn của con người họ, để qua chính cuộc sống của họ, mọi người nhận ra phúc làm người trọn vẹn, tức là làm con Thiên Chúa, chia sẻ sự sống thần linh của Con Ngài. Sự sống đó là “yêu Thiên Chúa và yêu con người trong Đức Kitô.”

Chương III

Thực hiện Nước Trời thuộc về những người nghèo ⁴

Tin Mừng cho con người trần thế, Lời của Thiên Chúa nói với nhân loại, là chính Chúa Giêsu-Kitô đã nhập thể làm người, đã chịu khổ nạn và đã được Chúa Cha phục sinh.

Nước Trời là chính Chúa Giêsu-Kitô, Đấng đã thực hiện sự sống của Ba Ngôi Thiên Chúa nơi trần thế.

Mang thân phận con người trần thế như chúng ta, Chúa Giêsu-Kitô loan báo **Hạnh phúc của thân phận làm người** ù là **Kẻ Nghèo**, người đói khát Thiên Chúa.

Thánh tông đồ Gioan đã viết:

*Biết rằng mọi sự từ nay đã hoàn tất, Chúa Giêsu nói, để mọi lời Kinh thánh được thực hiện đầy đủ: **Ta khát**. (Gioan 19,28).*

Con người sống trong lịch sử, trong thời gian, tưởng rằng mọi sự chỉ có « *bánh* » làm no đầy, chỉ

⁴ Trích trong cuốn *Bài Giảng Trên Núi* của tác giả.

được giải quyết theo sức lực con người theo tiêu chuẩn của « *bánh* » này. Và mỗi cuộc sống con người, cũng như vận mệnh của toàn nhân loại *kỳ cùng* rồi cũng rơi vào vòng *vi* của bánh đó.

Dừng lại nơi thời trần thế, tìm kiếm cứu cánh, ý nghĩa đời mình chỉ với chất liệu, phương tiện trần thế: quyền lực, tài trí, vật chất, tiền của... là đủ lắm rồi, đó là người “giàu”, là tự mãn mù quáng, và kiêu căng.

Chúa Giêsu-Kitô, Lời Thiên Chúa, đến để nói một chân lý khác: *Ngài khát*.

Cuộc đời con người, lịch sử nhân loại trong thời gian, là sự thèm muốn một cái gì Tuyệt đối vượt lên trên khung bầy giờ và ở đây của trần thế.

Ngài không những chứng thực những khát vọng Tuyệt đối nơi con người từ ngày tạo dựng cho đến ngày tận thế, nhưng còn biểu lộ hạnh phúc của những kẻ nghèo trong thân trí. Ngài còn mặc khải thêm rằng tất cả những khát vọng đó phát xuất từ chính Ngài và sẽ được thỏa mãn do ơn cứu độ của Ngài: Kẻ khát trên thánh giá đã được no thỏa khi được Cha Ngài cho sống lại và vĩnh viễn ở bên Cha Ngài.

Tin Mừng về người nghèo trong trần thế được hoàn thành trong niềm vui sống lại này.

Sự sống lại của Chúa Giêsu-Kitô, cứu cánh của kẻ nghèo trong thân phận làm người nơi trần thế, nay là nguồn hy vọng cho mỗi một thành phần của nhân loại.

Khi Ngài sống lại, Ngài nói với các người phụ nữ thăm viếng mộ Ngài rằng :

Các con đừng sợ, các con hãy loan báo cho anh em Ta rằng họ phải đi về Galilêa và ở đó họ sẽ gặp Ta. (Mt 28,10)

Và các tông đồ đã nghe theo lời này :

Về phần mười một môn đệ, họ đã về Galilêa, nơi miền núi mà Chúa Kitô đã hẹn gặp. (Mt 28,16)

Giáo hội, cộng đồng Kitô-hữu được Chúa Kitô sống lại hẹn gặp ở núi vùng Galilêa. Matthieu đặt nổi vùng đất Galilêa này, *trời mới, đất mới* của cuộc sống Kitô-hữu:

- Galilêa của các dân tộc, nơi ánh sáng mọc lên từ cõi chết (xem Mt 4,2-10)
- Galilêa nơi khởi phát Tin Mừng cứu độ: “*Các ngươi hãy hoán cải, vì Nước Trời ở gần.*” (Mt 4,17)
- Galilêa nơi Thiên Chúa đi tìm con người, gọi họ làm môn đệ, cộng tác với Ngài. (xem Mt 4,19)
- Galilêa nơi Chúa Kitô loan báo Tin Mừng Nước Trời và chữa lành con người. (xem Mt 23)
- Galilêa trên núi, nơi Chúa Kitô mặc khải về Ngài là Kẻ Nghèo, là Phúc cho những ai chia sẻ cuộc sống của Ngài. (xem Mt 5,1-16)
- Galilêa là Giao Ước mới giữa con người và Thiên Chúa, thể hiện nơi Đấng Kitô phục sinh. Galilêa, nơi môn đệ Chúa Kitô phải đến để gặp Đấng đã Phục Sinh (Mt 28,10); và là nơi các tông đồ, giáo hội « tông truyền » đã đến để gặp Chúa Kitô (Mt 28,16).

Nơi Galilêa, ánh sáng mọc lên

Trong đêm tối, Giacop đã vật lộn không ngơi nghỉ để “Kẻ Giấu Mặt” nói lên tên mình. Vì khao khát tìm Tuyệt-đôi hết sức lực mình nên Giacop được đổi tên thành Israel :

Người ta sẽ không gọi người là Giacop nữa, nhưng là Israel. Vì người đã can cường trước Thiên Chúa, và người sẽ thắng mọi người. (St 32, 29)

Giacop đã vẫn xin :

Xin Ngài mặc khải cho tôi tên Ngài. (St 32,30)

Và ở Galilêa, Thiên Chúa đã hoàn thành ước nguyện của toàn nhân loại khao khát tìm Ngài qua hiện thân của Giacop-Israel. Thiên Chúa nay đã đáp trả nỗi mong chờ: **Giêsu-Kitô, Kẻ Nghèo là TÊN của Thiên Chúa làm người**, để từ ánh sáng này mỗi người gọi **Thiên Chúa là Cha mình**.

Sau khi Chúa Kitô sống lại, Kitô-hữu, cộng đồng dân Thiên Chúa, là cộng đồng những con người lữ hành về núi Galilêa, nơi những con người nghèo được chúc phúc, nơi Kẻ Nghèo của Thiên Chúa là Chúa Kitô hẹn để gặp những người con Thiên Chúa.

Trong cuộc lữ hành đó, Chúa Kitô đi bên cạnh con người, như Ngài đã hứa :

Và Ta, Ta ở với các con mãi mãi cho đến ngày tận thế. (Mt 28,20)

Nơi Galilêa, Kẻ Nghèo Giê-su-Kitô mời gọi con cái Israel thống hối, canh tân

Giacop nghèo, kẻ suốt đời tìm kiếm Thiên Chúa không còn nhận ra hình ảnh mình nơi con cái “Israel”. “Israel” bây giờ trở thành một dân tộc tìm vinh quang và quyền lực của mình dựa trên tiêu chuẩn trần thế.

Gioan Tẩy giả đã thức tỉnh họ :

Các người hãy nảy sinh một quả xứng hợp với sự thống hối và đừng tự nghĩ rằng: Chúng tôi có Abraham là tổ phụ. Vì tôi nói cho các người hay, Thiên Chúa có thể, từ những viên đá này đây, làm mọc lên những con cái thuộc về Abraham. (M63,9)

Thống hối, trở về là vượt qua cuộc sống, công lý của Israel cũ :

Nếu công lý của các con không vượt lên công lý của người ký lục và biệt phái, các con chắc chắn sẽ không vào được Nước Trời. (Mt 5,20)

Không những thế, Chúa Kitô còn nêu lên rằng cuộc sống cũ của Israel đó đáng nhận bảy lần, nghĩa là vô số những lời chúc dữ:

Khốn cho các người, ký lục và biệt phái giả hình, các người đã cản không cho những con người đến với Nước Trời...

Khốn cho các người, ký lục và biệt phái giả hình, các người giống những mã tâu voi... (Mt 23,12; 27)

Ai là ký lục và biệt phái, nếu đó không phải là Kitô-hữu chúng ta hôm nay?

Hãy đối chiếu cuộc sống của Chúa Kitô trong trần thế với nếp sống của ký lục và biệt phái đương thời của Ngài, và hãy đối chiếu cuộc sống mỗi một chúng ta, của nếp sống đạo trong cộng đồng chúng ta với nội dung bài giảng trên núi, chúng ta sẽ thấy ngay cuộc sống chúng ta thực sự đang rập theo khuôn mẫu nào:

- Chúng ta bước đi theo Một Đức Kitô, chết trên tròng trên thánh giá, Đấng đã từng nói về vương quốc của mình: *“Những con chồn có hang và chim trời có tổ, Con người lại không chỗ tựa đầu.”* (Mt 8,22), Đấng đến để thực hiện lòng thương xót của Chúa Cha, gọi kẻ tội lỗi (xem Mt 9,13), Đấng đến để hầu hạ. (xem Mt 20,18)...

hay

đã từ lâu, chúng ta là hình ảnh của những con người cũ mà Chúa Kitô phiến trách :

Họ buộc những gánh nặng và đặt vào vai người ta, nhưng chính họ, họ không dám đụng đến đầu ngón tay. Trong mọi sự họ làm là để người ta lưu ý. Vì thế họ làm lớn cái hộp đựng Lễ Luật buộc trên tay và nói dài tua áo ghi chép Lời Kinh Thánh. Họ thích chiếm chỗ cao trong các bữa tiệc, ngồi ghế đầu trong các nhà hội, sum soe trên các công trường và muốn người ta gọi mình là ‘Rabbi’. (Mt 23,4-7)

- Chúng ta sống trong sự sợ hãi của con người cũ

hay

chúng ta tin tưởng, an bình, hiên ngang trong ơn sống lại của Chúa Kitô: làm con Thiên Chúa và anh em với mọi người.

Các con đừng sợ gì những người giết thân xác nhưng không thể giết được linh hồn... Vì thế các con đừng sợ hãi. (Mt 10, 28; 31)

Phần các con, các con đừng để ai gọi mình là thầy; vì các con chỉ có Một Thầy, và tất cả chúng con đều là anh em. (Mt 23,8)

- Chúng ta tưởng sống đạo là chỉ xây cất những thánh đường nguy nga, tổ chức những ngày hội hè ngoạn mục, và bắt cháp những người khôn khổ, tù đầy, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu học, thiếu tình thương vây quanh chúng ta.

Người nghèo của Thiên Chúa là Đức Kitô sẽ hô to bên tai chúng ta :

Khôn cho các người, ký lục và biệt phái giả hình, các người xây mộ cho các tiên tri và trang trí các mộ phần của các kẻ công chính, và nói rằng: Nếu chúng tôi được sống trong thời tổ tiên chúng tôi, hẳn chúng tôi sẽ không hùa theo họ mà đổ máu các vị tiên tri. (Mt 23, 29-30)

Và :

Ta nói thật với các con điều này, khi các con làm việc đó (cho kẻ đói ăn, cho kẻ khát uống, cho kẻ rách có áo mặc, thăm viếng kẻ đau yếu, tù đầy...) cho một trong những kẻ bé mọn này trong anh em Ta, là các con đã làm cho chính Ta. (Mt 25,40)

- Chúng ta tưởng đỉnh cao của sống đạo là chiếm cho được một chút quyền nào đó trong Giáo hội theo như mẫu mực trần thế, là hô to lạy Chúa, lạy Chúa suốt ngày ngoài miệng, là làm đủ thủ tục lễ nghi tôn giáo, xem như đi xin một thẻ thông hành để cầu cho phần rỗi riêng cho mình trong tương lai.

Nhưng Kẻ Nghèo từ núi Galilêa cảnh tỉnh cho chúng ta hay rằng :

Không phải cứ nói với Ta: Lạy Chúa, lạy Chúa mà người ta sẽ vào được Nước Trời, nhưng là làm theo ý Cha Ta Đấng ở trên trời. Nhiều người ngày đó sẽ nói với Ta: Lạy Chúa, lạy Chúa, không phải chúng con đã không nhân danh Thầy mà nói tiên tri sao? Không phải chúng con đã không trì quý nhân danh Thầy sao? Không phải chúng con đã không nhân danh Thầy để làm nhiều phép lạ sao? Bây giờ Ta sẽ nói thẳng với họ: “Ta chưa bao giờ biết các ngươi, hãy đi xa Ta, các ngươi là những kẻ bất chính. » (Mt 7,21-23)

Kẻ nghèo, nước Thiên Chúa trong trần thế, Đấng Cứu độ Giê-su-Kitô đã tự hủy thân mình, trước vị Thần thánh của mình, vì yêu thương và thực hiện lòng nhân hậu của Chúa, đã mang hết tội kẻ khác, không tìm gì cho mình hơn là cho và cho đến cả mạng sống mình.

Và khi đã cho hết vì yêu thương, thì Chúa Cha ban cho Ngài sự sống lại.

Chúa Kitô, kẻ nghèo, kẻ yêu thương đến chết cả thân mình, đó chính là Thiên đàng nơi trần thế. Và trong Tình yêu Chúa Kitô, Phaolô đã thấy **vinh quang cuộc sống đạo của tông đồ Chúa chính là người anh em mình.**

Anh em rất yêu mến và lòng tôi ao ước, niềm hân hoan và triều thiên của tôi...(Phil 4,1)

Thiên đàng có thể ở đâu ngoài Thiên Chúa và người anh em mà ta thèm khát và yêu thương!

Trên bước đường lữ hành về Galilêa, nơi Chúa Kitô hẹn, mỗi Kitô-hữu cũng như toàn cộng đồng dân Chúa từng bước lắng nghe tiếng nói của Thánh Thần để canh tân cuộc sống mình và thực hiện Nước Thiên Chúa nơi con người nghèo Giêsu-Kitô khát khao Thiên Chúa và con người:

Các người hãy hoán cải, vì Nước Chúa ở thật gần. (Mt 4,17)

Phúc cho các người nghèo trong thần trí, vì Nước Trời thuộc về họ. (Mt 5,3)

Chương IV

Giáo hội công giáo và nhân quyền

« Ngày nay, nhân quyền được tuyên dương như một ‘đạo lý mới’ của thế giới».⁵

Nhân định đó của Walter Kasper, nay là Hồng Y chủ tịch Hội Đồng Giáo Hoàng Cổ Võ Hiệp Nhất Kitô Hữu cho thấy ngày nay nhân quyền được xem là chuẩn mực hướng dẫn nếp sống cá nhân và các cộng đồng trong đại gia đình nhân loại. Trong mọi ngành sinh hoạt từ văn hóa, chính trị, tôn giáo, báo chí truyền thông kể cả thể thao, kinh tế, cuộc sống gia đình v.v. nhân quyền được nêu lên như một mục tiêu sinh hoạt, một giá trị tối thượng để đánh giá tốt xấu, để tuyên dương hay trừng phạt, ngay cả bằng biện pháp chiến tranh.

Nhưng đằng sau lớp áo Nhân quyền nặng tính ‘truyền thông đại chúng’ đó, biết bao người đã là nạn nhân của bạo lực chà đạp nhân quyền sau hơn

⁵ **Walter Kasper**, *Nền tảng thần học của nhân quyền*, trong *NHÂN QUYỀN VÀ GIÁO HỘI*, HĐGH Công Lý Và Hòa Bình, Vatican, xb, 1990, Định Hướng chuyển dịch và xb 1999, trang 69

nửa thế kỷ Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân quyền được Liên Hiệp Quốc công bố; một vài sự kiện nổi bật như - các vụ tàn sát ở Cambốt vào cuối thập niên 70, - hàng triệu người bị thảm sát, lưu lạc tại Rwanda trong thập niên vừa qua, - đàn áp tôn giáo, văn hóa, chính trị... tồn tại nhiều nước trên thế giới, ngay cả sau thời điểm Bức Tường Bá-Linh sụp đổ, - nạn nghèo đói, kém phát triển, chênh lệch cuộc sống không những giữa các quốc gia mà ngay trong mỗi cộng đồng dân chúng của mỗi quốc gia. Nhân quyền vẫn không được lắng nghe và áp dụng, mà đáng lo ngại hơn nữa là nội dung của nhân quyền chưa kịp đem ra áp dụng thì sự kiện nhân danh Nhân quyền để chà đạp nhân quyền lại phổ biến: nhiều người mẹ nhân danh quyền của mình để chà đạp quyền sống của con trong bụng mình, nhân danh quyền tự do truyền thông một cách khách quan bất chấp danh dự cá nhân kẻ khác và lợi ích chung .v.v

Trong một mức độ nào đó, mối liên lạc văn hóa giữa nền văn minh Tây Phương tân tiến và các tôn giáo, đặc biệt là giáo hội công giáo, trong lối cảm nhận về nhân quyền có vẻ như không còn kháng khí như thời kỳ tiếp liền theo Công Đồng Vaticanô II; đây đó dư luận lên án thái độ đạo đức của giáo quyền Roma là thủ cựu, như ngầm hiểu là chống lại nhân quyền (đặc biệt là các vấn đề liên quan đến tính dục, gia đình); hơn thế nữa nhiều quốc gia tuy có số lượng người công giáo chiếm đa số tuyệt đối đã ban hành nhiều đạo luật (phá thai, hôn nhân đồng tính, can thiệp giúp bệnh nhân tự tử...) đi ngược lại với giáo huấn đạo đức mà giáo hội công giáo chủ trương; kết quả là phía bên này bên kia, đạo và đời đều có những nhóm ngầm cho rằng nhà cầm

quyền hoặc giáo hội công giáo là tác nhân vi phạm Nhân quyền.

Như thế đằng sau chữ nhân quyền tưởng chừng như ai cũng am tường đầy đủ nội dung, thật sự còn có nhiều nội dung văn hóa căn cơ hơn, có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng không thiếu những nét dị biệt. Một phần chính các mối căng thẳng đôi bên không phải phát xuất từ việc thiếu thiện chí thực thi nhân quyền, nhưng phát xuất từ phương cách định giá nhân phẩm và các chiều kích trọn vẹn của nhân tính.

1/ Mạc Khải Kitô giáo và quan điểm của văn hóa tân kỳ về nhân quyền

Tác giả Walter Kasper trong tài liệu Nền tảng thần học của nhân quyền đã nhận định về việc xây dựng nền tảng cho Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền một cách tương đối bi quan như thế này:

‘ Nhưng vấn đề đặt ra là xem cái gì tạo nên sự vững bền cho nền tảng chung đó. Người ta kể rằng một thành viên của một trong ủy ban soạn thảo Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền tại Liên Hiệp quốc có lần như từng phát biểu rằng: ‘Chúng ta đồng ý về các quyền ấy, với điều kiện là đừng ai hỏi tại sao!’. Sự hững hờ về việc đặt nền tảng của Nhân quyền khai lộ cho thấy nhược điểm nào

đó của những lối biện minh cho sự chính đáng của các quyền ấy⁶..’

Nói cách khác, nền tảng xây dựng nội dung ý nghĩa nhân quyền trong Bản Tuyên Ngôn này như dựa trên một cảm nhận chung chung của con người thời đại, cảnh giác những vi phạm đến cá nhân mà lương tri không cho phép (con người nhìn nhận có tiếng nói tự nhiên nơi tâm hồn mọi người : *’không được phép làm điều này hay điều kia ...’*). Người ta đã dừng lại đoạn đường ấy có lẽ vì muốn có sự đồng thuận tối thiểu về một số biện pháp cấp bách tiếp sau những tang thương kinh hoàng của đệ nhị thế chiến, hoặc để giảm bớt những chống đối của các quốc gia không thuộc vào truyền thống văn hóa mà GS Joseph Joblin, S.J. gọi là *truyền thống văn hóa Địa Trung Hải*⁷. Và cũng trong bối cảnh của thời sự có

⁶ SD tr 69-70

⁷ « Nhưng dư luận và các nước tỏ ra tha thiết với nhân quyền như thế, xem ra chỉ là hình thức bên ngoài. Sự kết ước của họ không nhất thiết hàm ngụ cùng một ý nghĩa. Trong khung cảnh của **truyền thống Địa trung hải**, chủ thuyết về nhân quyền được hiểu như cái gì hiển nhiên, dựa vào lý chứng của một nền triết học đề cao cá nhân; nhưng các vùng văn minh khác lại không có cùng quan điểm có tính cách tây phương như vậy. Các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa đã ưu tiên nhấn mạnh đến quyền tập thể của con người chứ không phải các quyền cá nhân; và nhất là các nhóm quốc gia thuộc vào những truyền thống tư tưởng ngoài Âu châu, họ khó mà đồng ý về bản văn tuyên ngôn nhân quyền; họ quan niệm những loại quyền riêng thuộc mỗi nền văn hoá (các nước Hồi giáo, các nước thành viên của O.U.A); không nói đến những xứ Á châu mà nhiều luật gia tại đây cự khước những nội dung của tuyên ngôn nhân quyền và cho rằng chúng ngoại lai đối với truyền thống văn hoá của họ; kỳ thực, tại các nước này của thế giới, "nhiều hệ thống pháp luật và xã hội đã lấy ý niệm về bốn phạm và các

tính cách ứng dụng thực tiễn và thúc đẩy bởi tình thế cấp bách mà các tôn giáo, đặc biệt là giáo quyền công giáo, đã công khai nhìn nhận giá trị tích cực của Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, mặc dầu có những ngại ngùng của nhiều tín đồ trong giáo hội này⁸. Người ta ngại ngùng vì không những quá khứ có những tranh chấp có tính cách xã hội chính trị giữa đạo đời, mà ngay ở mức độ nền tảng xây dựng quan điểm về nhân tính và phẩm giá con người, đôi đường có những cách biệt sâu xa.

Mặc khải tích cực Kitô giáo khai mở cho thấy con người được định nghĩa, được đánh giá từ Thiên Chúa: là hình ảnh Thiên Chúa, là con Thiên Chúa, là bạn hữu của Con Một Thiên Chúa, là chi thể mà Con Thiên Chúa là đầu, là giá trị tốt bậc đến nỗi Thiên Chúa đã hy sinh Con Một mình để cứu chuộc, đã được Thiên Chúa yêu thương đến độ hứa ban vinh dự mãi mãi sẽ ở cạnh Ngài... Nhân tính và phẩm giá đó đã chứng thực trong lịch sử và hoàn thành nơi Đức Kitô: Đức Kitô yêu Thiên Chúa trọn vẹn nơi con người và yêu con người trọn vẹn đầy

trách nhiệm là ý niệm nền tảng, hơn là dựa vào ý niệm các quyền"; và việc tôn trọng luật pháp ở vùng đất đó được quan niệm một cách hoàn toàn khác với phương cách Tây phương, bởi vì "nó còn lệ thuộc vào một số lớn yếu tố bên ngoài nội dung thuần pháp luật như các giá trị xã hội và đạo đức, các niềm tin tôn giáo, tập tục địa phương, tôn trọng quyền bính..."
Rev **Joseph Joblin SJ**. SD tr17

⁸ **Hervé Carrier SJ** *Một cái nhìn mới về học Thuyết xã hội công giáo*, Quyển một, Bản dịch Việt ngữ Định Hướng 1999 tr 53 « Nhiều người công giáo đã từng ngại ngùng để hoàn toàn đồng ý với Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền (1948) vì họ tiếc rằng bản văn ấy không nhìn nhận những quyền căn Bản của Thiên Chúa »

trong Thiên Chúa. Nhân tính và nhân phẩm đó làm cho trí khôn tự nhiên của con người hụt chân. Không một sự vật nào, một ý niệm nào từ sức con người nghĩ ra được tính 'linh u vạn vật kỳ diệu' đó. Hai chiều kích tương quan chân thật với Thiên Chúa và tương quan huynh đệ nhân loại không thể tách rời nhau bất cứ vì một lý do gì hay một giây phút nào. Toàn bộ Kinh Thánh bất cứ trang nào, dòng nào cũng qui chiếu vào Đức Kitô, Đấng hoàn thành hai chiều kích ấy.

Người Kitô hữu ngày nay khi đọc lại Phúc Âm rồi đọc toàn Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, hoặc đối chiếu với châm ngôn Tự do - Bình đẳng - Huynh đệ của Cách Mạng 1789 hẳn sẽ ngạc nhiên vì không thấy có những nội dung nào giữa đôi bên quá mâu thuẫn, tại sao lại có xung khắc lên án nhau, hoặc phải ngại ngùng dè dặt. Kỳ thực đằng sau những dòng chữ này có những nội dung hướng dẫn khác biệt đưa đến những lối hiểu, những phương cách giải thích và áp dụng khác nhau; chưa kể đến những tranh chấp quyền lực chính trị xã hội tạo ra những tiền kiến và nghi ngại đến độ lên án và khai trừ nhau.

Thành ngữ nhân quyền với âm hưởng tân thời xuất hiện (lần đầu được tìm thấy trong các tài liệu là vào năm 1537)⁹ rất muộn trong bối cảnh văn hóa Thời Phục Hưng Âu Châu. Walter Kasper cho rằng sự xuất hiện nội dung mới về nhân quyền là hiện tượng khủng hoảng¹⁰ I; khủng hoảng toàn bộ cơ

⁹ M. Villey, *Le droit et Les droits de l'homme* Puf, Paris 1983, 174.

¹⁰ Walter Kasper *sd* tr 75 « Thật thế, về mặt lịch sử, các thành ngữ tân thời về nhân quyền là những hiện tượng của **khủng**

cấu xã hội sau trật tự Thời Trung Cổ Âu Châu sụp đổ. Trước đó Kitô giáo quán xuyến quyền đời, quyền đạo như một bà mẹ nuôi con dại. Tương quan con người với Thiên Chúa và tương quan huynh đệ nhân loại được hiểu là đạo và đời quyện lẫn vào nhau, nếu không nói là quyền bính tôn giáo được đồng hóa với tầng lớp giáo sĩ luôn được ưu tiên vật chất lẫn tinh thần. Tuy không hoàn hảo, nhưng cơ cấu và trật tự xã hội thời Trung Cổ ổn định trong khung cảnh lịch sử Âu Châu thời ấy. Qua đến thời Phục Hưng, tất cả dường như bể bùng chờ đợi một cuộc lột xác: của cải vật chất nay thay chủ, giai cấp giáo sĩ và quý phái, điền chủ nhường địa vị ưu thắng cho giới thương gia và kinh doanh; kiến thức văn hóa không còn giới hạn trong các tu viện, nhưng phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhờ phương tiện đi lại và máy in. Các nhà trí thức hướng về việc nghiên cứu văn hóa cổ Hy Lạp và khám phá lại kiến thức nhân bản thời các nhà 'khôn ngoan' (người ta còn dịch là ngụy biện = sophistes) để tin vào khả năng lý trí tự nhiên nơi mỗi cá nhân và làm quen với một lối điều hành nếp sống cộng đồng trong tinh thần dân chủ của Nhã Điển. Nói tóm, xã hội thời Phục Hưng chuẩn bị đẩy lui các chuẩn mực và quyền hành ở bên ngoài để chỉ còn nhìn thấy uy thế tối thượng của lý trí cá nhân như một chuẩn mực duy nhất. Về mặt văn hóa, nếu Thiên Chúa còn được nhắc đến thì hoặc được đồng hóa với lý trí phổ quát mà con người xác quyết là ở trong quyền lực sử dụng của mình rồi, hoặc chỉ là một ý tưởng điều hành mà lý trí nêu lên như một giả thiết để xây dựng hệ thống kiến thức của mình mà thôi. Với nền hữu thể học truyền thống Hy Lạp định

hoàng. Các hiện tượng khủng hoảng như thế phát sinh trong lịch sử từ khi trật tự thời Trung cổ sụp đổ. »

nghĩa toàn hảo, linh thiêng là một cái gì độc lập, tự đủ cho mình, và với khám phá lý trí quyền năng vô tận mà mỗi người sẵn có trong mình, từ nay những ý niệm tự do, tự chủ trong bối cảnh văn hóa này (thường được gọi là thời tân kỳ) trở thành những giá trị tối thượng, chuẩn mực cho đạo đức và phẩm giá con người.

Trong bối cảnh lịch sử xã hội Âu Châu thời bấy giờ, *độc lập tự chủ* trước mắt là giải thoát khỏi các cơ cấu ràng buộc bên ngoài tức là tổ chức Kitô giáo và các luật lệ tôn giáo liên hệ. Vì trước đó giáo hội đã tự đồng hóa là hàng giáo phẩm, giáo sĩ, và đồng thời xem mình là hiện thân của Thiên Chúa nơi trần thế, nên nay việc loại bỏ ảnh hưởng của giáo hội cũng được cả đôi bên, đạo cũng như đời, xem là loại bỏ yếu tố thần thánh, thiêng liêng nơi sinh hoạt con người và xã hội, là tách rời và sau đó là quên hẳn chiều kích tương quan giữa con người và xã hội với Thiên Chúa. Cuộc tranh chấp căng thẳng từ văn hóa đến quyền uy xã hội này trở thành nghiêm trọng dần và nổ bùng qua cuộc cách mạng Pháp năm 1789 và với ảnh hưởng phổ biến của trào lưu Triết học Ánh sáng. Nội dung nhân quyền trong bối cảnh lịch sử đặc biệt của văn hóa và xã hội Âu Châu như thế đã ảnh hưởng rất nhiều trong diễn tiến lịch sử qua hơn hai thế kỷ cho đến ngày nay, không những tại Âu Châu mà lan rộng trên thế giới, đi kèm với cái nhìn lạc quan hầu như ngây ngô về tiến bộ khoa học kỹ thuật và trào lưu dân chủ như chìa khóa giải quyết mọi vấn đề nhân sinh.

2/ Những mối căng thẳng giữa giáo hội công giáo và xã hội dân sự về nhân quyền

Hệ quả của Cách Mạng Pháp đi kèm với Bản tuyên ngôn 1789 là sự căng thẳng liên tục đạo đời về quan điểm nhân quyền. Đôi bên, giáo hội công giáo và các trào lưu tân kỳ chi phối xã hội, không những cố thủ lập trường của mình mà có khuynh hướng đi quá xa. Phía Cách Mạng xem kitô hữu và giáo hội công giáo đương thời là thành phần ngoan cố của chế độ cũ, bảo thủ và phản động, và lập tức vi phạm ngay điều mà Bản Tuyên Ngôn đề xướng : quá nhiều chém giết huynh đệ tương tàn, loại trừ tự do tư tưởng bằng bạo lực hoặc bằng các phương thức gián tiếp tinh vi, hạn chế tự do hành đạo...; phía giáo hội công giáo lúc bấy giờ chưa có thể quan niệm được sự phân cách giữa trách nhiệm dân sự và những giới hạn của phạm vụ tôn giáo (chưa thể quan niệm được sứ mệnh đặc loại của mình và quyền uy xã hội dân sự) nên đã đi vào đường lối phản đối tiêu cực và thu mình vào thái độ thụ động, lên án :

'Các biện pháp bài tôn giáo của Cách Mạng diễn tiến tuần tự, sự kiện có thể chứng minh được qua lập trường e dè của Giáo hoàng Piô VI; Ngài chần chừ một thời gian dài trước khi lên án Bản Tuyên Ngôn năm 1789 trong Cơ mật hội ngày 19.3.1790; và sau đó là "Qui chế dân sự của giới giáo sĩ '. Rõ rệt hơn nữa trong Tông thư ngày 10.3.1791 Quod Aliquantum: Ngài ' không nhằm cố sù ý việc tái lập lại chế độ cũ của nước Pháp'...

Tuy vậy, chính trong bức thư đó lại có những thành ngữ rất mạnh như « các quyền kỳ quặc » hoặc « quyền ảo tưởng » khi nói về các loại tự do mới. Những loại tự do như thế sẽ cho chúng ta cứ đi tìm để thấy nội dung của sự tranh chấp giữa giáo hội và xã hội tân thời.¹¹

Đến đầu thế kỷ này, Dom Besse tóm kết cho ta thấy tại sao về giáo hội công giáo vẫn e dè đứng ngoài, nếu không nói là ngờ vực chống đỡ những trào lưu nhân quyền dân sự.

*‘Chúng là lời tuyên xưng, là điều răn của chủ nghĩa duy nhiên và chủ nghĩa tự do. Ta tìm thấy trong ấy tất cả những đường nét của các hệ thống này: quyền Thiên Chúa, im lặng không nói đến quyền của Chúa, cứu cánh con người quy hết vào hạnh phúc trần thế, độc lập không lệ thuộc gì vào mọi quyền bình, bình đẳng giữa mọi người, mọi ý kiến có giá trị như nhau (...). Phương cách duy nhất để có cơ may thành công chống lại chủ trương cứu độ con người như thế, là phải luôn mãi trở về với ý niệm Thiên Chúa, vai trò của Ngài nơi trần thế và các quyền của Ngài’.*¹²

Nhưng bên cạnh những cách biệt đạo đời đó, giáo hội công giáo tìm ra được nhiều phương cách thực thi đức bác ái của mình. Giáo hội công giáo không nhân danh nhân quyền với âm hưởng là thoát ly khỏi tôn giáo, nhưng đã can đảm dấn thân phục vụ

¹¹ Rev **Joseph Joblin** SJ SD tr 50

¹² **Dom Besse**, *l’Eglise et les libetés*, Paris, 1913, 122-126

con người và ưu tiên đồng hành với người yếu thế, thăng tiến cuộc sống của họ trong nhiều lãnh vực: các dòng tu chuyên về giáo dục con em nghèo, săn sóc bệnh nhân, các hội từ thiện, các văn kiện giáo hội bên vực giới thợ thuyền và tôn vinh giá trị lao động (TĐ Rerum Novarum của GH Lêô XIII)... Và hơn nữa nhiều Kitô hữu đã dẫn thân ngay vào các tổ chức nhân quyền, hợp tác với những người không cùng quan điểm tôn giáo vượt lên trên những hậu ý lầm lú thiếu căn cơ.

Về phía xã hội dân sự, tuy còn ái ngại về yếu tố tôn giáo trong cuộc sống dân sự, người ta thấy được sự hiện diện tôn giáo, đặc biệt là công giáo không còn là mối đe dọa quyền lực, cũng như thực tế xã hội cho thấy Kitô hữu thật sự là tác nhân thực thi nhân quyền cụ thể và hữu hiệu, những nội dung 'cách mạng theo nghĩa là bài xích tôn giáo' phai dần để trở thành những nội dung tích cực và ít nặng về ý hệ tự do cá nhân triệt để.

3/ Gặp gỡ đạo-đời về nhân quyền

Ngày nay không ai có thể phủ nhận giáo hội công giáo trong mọi mặt là chiến sĩ ở tuyến đầu đấu tranh cho nhân quyền. **Biên cố làm rung chuyển giáo hội công giáo**, - từ thái độ chống đối đến lập trường cổ võ tới mức độ đã đưa nội dung nhân quyền vào giáo huấn như một yêu sách thực thi Tin Mừng, - **biên cố đó là Công Đồng Vaticanô II**. Khai mở cho tinh thần đối thoại đạo-đời, GH Gioan XXIII trong thông điệp *Pacem in Terris* đã nêu lên những chỉ dẫn tích cực :

'Cũng thế, ta không thể đồng hóa những lý thuyết triết học sai trái về vũ trụ tự nhiên, về nguồn gốc và cứu cánh của thế giới và của con người, với những phong trào thực hiện trong lịch sử được thành lập nhằm mục tiêu kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc chính trị, mặc dù các phong trào này đã phát sinh, và còn chịu ảnh hưởng bởi các lý thuyết ấy. Một lý thuyết, một khi đã định hình và được viết ra, thì không thay đổi nữa, trong lúc các phong trào, vì có đối tượng là những hoàn cảnh cụ thể và đổi thay của cuộc sống, nên không thể nào không chịu ảnh hưởng một cách rộng rãi về biến chuyển này. Ngoài ra, trong trường hợp các phong trào này đồng ý với các nguyên lý tốt lành của lý trí và đáp ứng được những khát vọng chính đáng của con người, ai có thể từ chối mà không nhìn nhận nơi các phong trào ấy có những yếu tố tích cực và đáng hoan nghênh'¹³.

Và các nội dung của nhân quyền được đưa vào giáo huấn, vào bản văn minh định lẽ lối sinh hoạt của giáo hội giữa trần thế; qua Hiến Chế *Gaudium et Spes* chúng ta có thể nêu lên vài nội dung chính yếu như sau :

' (...) Con người ngày càng ý thức hơn phẩm giá cao cả của mình vượt lên trên mọi vật; các quyền lợi và bổn phận của nó có tính cách phổ quát và không thể vi phạm. Vì thế cần phải đem lại cho con người có được tất cả những gì thiết yếu để sống một cuộc sống thật sự

¹³ TĐ *Pacem in terris*, phần 159-313 SD-53-54

xứng đáng là người, như: của ăn, quần áo, nhà ở, quyền tự do chọn lựa bậc sống và quyền lập gia đình, quyền được giáo dục, quyền làm việc, được bảo vệ thanh danh, được kính trọng, được thông tin đúng đắn, quyền hành động theo luật ngay chính của lương tâm, quyền bảo vệ đời sống riêng tư và có được tự do chính đáng, kể cả trong lãnh vực tôn giáo (26, 2).'

'Mọi hình thức kỳ thị liên quan đến các quyền căn bản của con người, dù dựa trên phái tính, chủng tộc, màu da, điều kiện xã hội, ngôn ngữ hoặc tôn giáo, đều phải vượt qua và bãi bỏ, như là trái với ý định của Thiên Chúa (29, 2). Vì thế Giáo hội, dựa vào Phúc âm đã ủy thác cho mình, tuyên dương các quyền của con người, nhìn nhận và đánh giá cao năng động của thời đại hiện đang cố võ những quyền ấy khắp nơi...Chúng ta dễ gặp cám dỗ cho rằng các quyền con người chúng ta có thể duy trì trọn vẹn một khi tước bỏ hết lề luật của Chúa' (GS 41, 3).

Tiếp theo Công Đồng Vaticanô II, các vị giáo hoàng, các hội đồng giám mục liên tục lên tiếng kêu gọi không những tín đồ của mình mà cố võ mọi người, mọi giới thực thi nhân quyền. Giáo triều Roma đã không những phản ứng trước những vi phạm nhân quyền gia trọng trước mắt, mà còn nêu lên từng đề mục với những đề nghị cụ thể nhằm giúp thăng tiến và phát triển con người trong công lý, đặc biệt cho các khối dân cư nghèo khổ: chẳng hạn về nhà cửa cho người nghèo, đất đai cho người canh tác, giải trừ nợ nần cho các nước chậm phát triển... Chỉ trong một vài thập niên sinh hoạt tích cực cho

nhân quyền, đặc biệt là về phát triển và hòa bình, giáo triều Vatican không những được xem là tổ chức có uy thế để can thiệp trong vấn đề nhân quyền, mà được xã hội xem việc can thiệp cho nhân quyền là phận vụ riêng của giáo hội công giáo phải chu toàn trong sinh hoạt cộng đồng thế giới.

Về phía tổ chức, một Ủy Ban Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình và sau đã nâng cấp thành một Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình, được thành lập để đặc trách việc cổ võ và thực thi nhân quyền, phổ biến giáo huấn xã hội công giáo. Ở cấp bậc quốc gia và đôi khi ở cấp giáo phận, các ủy ban liên hệ cũng được khai sinh và sinh hoạt đồng hành với các tổ chức nhân quyền địa phương.

Ngoài việc thừa nhận thiện ích của nhân quyền, soi sáng ý nghĩa sâu xa và toàn bích của ý niệm này trong khuôn khổ mạc khải của Tin Mừng, không những giáo hội công giáo đã dần thân thực thi tích cực mà còn tạo nên một phong thái riêng trong việc thực thi nhân quyền :

a/ Tin thần tự kiểm, thống hối và canh tân

"Ít nhất cũng phải nhớ rằng trước đây nhiều thời kỳ Giáo hội không tôn trọng điều mà ngày nay chúng ta gọi là nhân quyền; chỉ cần nghĩ đến những điều tai ác kéo dài nhân danh Kitô giáo qua nhiều thế kỷ do một số các cuộc Thánh chiến, do Pháp đình thời Trung cổ, chiến tranh tôn giáo, chưa kể đến những yếu tố Kitô giáo để tạo ra những xung đột kỳ thị chủng tộc hoặc bài Do Thái. Nhiều người bên ngoài tôn giáo thực sự đã đi trước

Kitô hữu trong nỗ lực bảo vệ nhân quyền (như Liên minh bảo vệ nhân quyền, một thời gian lâu được xem là đồng nghĩa với chủ trương chống giáo quyền), nên Kitô hữu cần khiêm tốn đóng góp vào lãnh vực này, tránh huênh hoang. Nhất là, sự tín nhiệm cần phục hồi trong việc bảo vệ nhân quyền một cách thành tâm đòi hỏi chúng ta phải đại độ dần thân không có một hậu ý nào"¹⁴.

Không phải vì đã trực tiếp tham gia vào tội ác, không phải vì đã thình lặn hay giữ thái độ tiêu cực trước vi phạm nhân quyền chống lại bất cứ ai (vốn là đã tiếp tay vi phạm) hoặc vì đã không hết mình tạo điều kiện cho mọi người được phát triển nhân cách của mình mà thôi, nhưng như Đức Kitô đã gánh tội nhân loại thế nào, thì cộng đồng kitô hữu cũng liên đới chịu tránh trách nhiệm về tội ác của bất cứ ai trong cộng đồng nhân loại vấp phạm. Ngoài ra, giáo hội trên bình diện là tập thể những con người, đã từng phạm lỗi, và hơn bất cứ ai, giáo hội đó cần phải thú tội để mãi canh tân. Giáo hội công giáo không phải không biết nhận lỗi như báo chí hay lập đi lập lại, nhưng có lẽ vì đã dám làm và làm nhiều lần, nhiều dịp, từ cấp giáo hoàng đến các hàng giám mục vùng, quốc gia, giới trí thức cũng như thành phần dân thân cho nhân quyền...đến độ có thể gây ấn tượng tiêu cực một cách vô cố theo sự thường xã hội là đàng khác.

¹⁴ **J.M. Aubert** *Eglise et Droits de l'homme*, in *Droits de l'homme défi pour la Charité* SoS xb Paris 1983, tr 165-166

b/ Thực hiện nơi chính mình : Nhân quyền trong giáo hội

Hẳn nhiên, ai cũng hiểu rằng không ai cho cái mình không có. Giáo hội công giáo cổ võ Nhân quyền hữu hiệu nhất khi cho thấy tự nơi cuộc sống giáo hội của mình, từ vị giáo hoàng đến người tín hữu bình thường nhất, tất cả xem nhau là huynh đệ trong Đức Kitô chứ không phải là kẻ nắm quyền và người bị trị. Mẫu mực đó là mẫu mực hoàn thành thời chung mãn. Giáo hội ngày nay vẫn là giáo hội lữ hành với bao bất cập và nhiều hy vọng vươn lên. Nhưng trên bình diện xã hội, thế giới chưa bao giờ chứng kiến một cuộc đổi thay nhanh chóng về canh tân nếp sống cho hợp với những tiêu chuẩn nhân quyền lý tưởng nơi các cộng đồng chính trị hay tôn giáo, hơn là cộng đồng công giáo từ sau Công Đồng Vaticanô II.

Không thể kể ra một cách chi tiết tất cả các đổi thay, nhưng một cách chung người tín hữu ở bất cứ cương vị nào cũng không thấy mình bị một quyền lực giáo hội trên đầu trên cổ như một áp lực hay một đe dọa nào đó. Các chức sắc giáo hội càng ngày càng tự cảm thấy mình có bổn phận phục vụ cộng đồng hơn là 'ông quan lớn nắm trong tay chìa khóa nước trời'; phía tín hữu bình thường, đã quen với lối giao tiếp dân chủ với các chức sắc dân sự, nay tiếp cận với các vị trong hàng giáo phẩm hay giáo sĩ như những 'thừa tác viên' hơn là một đẳng bậc. Người tín hữu có quyền đòi hỏi chức sắc giáo hội chu toàn phận vụ cộng đồng để thỏa mãn một nhu cầu tôn giáo của mình, chẳng hạn như có quyền được chuẩn bị hôn nhân công giáo, có quyền đòi linh mục giải tội theo luật giáo hội mà đôi đường phải tuân giữ (

không khác đòi hỏi bác sĩ chữa bệnh hay nhà chức trách hành chánh làm giấy tờ cho mình), chứ không cảm nhận như phải xin xõ một ân huệ của cá nhân nào ban cho. Hơn thế nữa người ta cảm thấy có quyền và bổn phận lên tiếng trong giáo hội. Mặc dầu đây đó từ nhiều cấp độ khác nhau, ở các địa phương khác nhau còn có những đánh giá tiêu cực về việc lên tiếng của cá nhân hay một nhóm tín hữu để biểu lộ quan điểm của mình hay đòi hỏi một vị hay một cơ quan giáo hội làm sáng tỏ một vấn đề. Nhưng việc lên tiếng đã trở thành quen thuộc và dần dần được đánh giá là sự kiện hiển nhiên trong cuộc sống bình thường của giáo hội công giáo...

c/ Nhân chứng đức tin

Người tín hữu công giáo vẫn tiếc rằng đáng lý ra tổ chức giáo hội công giáo phải đi trước xã hội dân sự trong cách đối xử huynh đệ với nhau, tại sao đạo phải đi sau xã hội dân sự trong cách đối xử theo đường lối dân chủ trong những sinh hoạt điều hành và tổ chức? Nếu giáo hội công giáo đã từng áp dụng lối tổ chức và điều hành của đế quốc La Mã, tại sao ngày nay lại ngại ngùng trước lối dân chủ tân thời? Hẳn nhiên không thể rập khuôn theo thể chế dân chủ trong bất cứ sinh hoạt nào của giáo hội vì những lý do mạc khải và thần học, nhưng phải nhận một thực trạng này: người tín hữu chờ đợi nhiều cải cách làm sao để công việc chung của giáo hội không phải là ưu lo riêng, phận vụ riêng của một giới, một bậc sống mà của mọi tín hữu. Và không phải trong nguyên tắc nhưng trong thực tế áp dụng với những điều kiện thực hiện được.

Giáo hội công giáo trong tinh thần tự kiểm và canh tân không tìm cách biện minh, nhưng không vì một số những vấn đề cần canh tân liên tục của mình mà quên đi sứ mạng nói lên Sự Thật, vốn không phát xuất từ 'những con người', nhưng từ Thiên Chúa mà giáo hội tuyên xưng đức tin¹⁵.

Như giáo hội đã từng lưu ý về mối liên hệ không thể phân ly giữa mến Chúa và yêu người, việc cổ võ Nhân quyền của giáo hội không có nghĩa là tôn vinh tự do, tự chủ cá nhân bất chấp đạo lý (nghĩa là các mối tương thuộc với Thiên Chúa và tha nhân). Trong khung cảnh văn hóa tân thời với tự do được hiểu là làm theo trí năng tự mãn theo lối nói của Fr. Nietzsche : « cái gì có thể làm được đều được phép làm », giáo hội lại thấy mình có lúc cần phải đi ngược trào lưu thế tục để bảo vệ nhân phẩm và nhân quyền đích thực. Lập trường của giáo huấn về sự sống, về tương quan chân lý và tự do, về chiều kích đạo lý và giới hạn của sinh học, về phẩm giá đích thực của người phụ nữ, số phận thai nhi, ý nghĩa và giá trị gia đình và tính dục.. thường gây phẫn uất trong nhiều giới tự nhân là tiên bộ. Ngay trong nội bộ công giáo người ta cũng lên tiếng dựa trên nhiều tiêu chuẩn khác nhau, với nhiều lối đánh giá, xếp loại tiên bộ, bảo thủ này khác. Quyền phát biểu là một nội dung nhân quyền, tuy nhiên chúng ta biết rằng: nếu thiên hạ ai ưa gì làm đó thì đâu cần đến mặc khải Chân Lý đến từ trời cao !

¹⁵ Xem *TĐ Hòa Quang Chân Lý* của GH Gioan Phaolô II

4/ Nhân quyền và giáo hội Việt Nam

‘Bây giờ không phải lúc đọc diễn văn hoặc lặp đi lặp lại không ngừng trên môi miệng các quyền của con người, nhưng bây giờ là lúc cần khiêm tốn thực tập, thi hành mỗi ngày và không bao giờ dứt.’¹⁶

Trên đây là nhận định của Hồng Y Roger Etchegaray trong lời tựa cho tập tài liệu Nhân Quyền và Giáo Hội do Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý Hòa Bình mà lúc đó ngài là vị chủ tịch đương thời, xuất bản năm 1990. Người ta đã nói đến nhân quyền rất nhiều và các tài liệu không thiếu. Những phần trình bày ở các mục trên đây chỉ nhằm qui chiếu vào hoàn cảnh kitô hữu Việt Nam chúng ta trong phận vụ sống và làm chứng Tin Mừng cho người bên cạnh, đặc biệt là đồng bào chúng ta.

Với Công Đồng Vaticanô II, chúng ta không có quyền biện minh cách này hay cách khác để đi ngược lại giáo huấn và sự hiệp thông giáo hội khi nói rằng cổ võ và thực thi nhân quyền là một thái độ tùy nghi. Giáo huấn liên tục nhắc nhở cho mỗi tín hữu, cho từng cộng đoàn, mỗi trách nhiệm trong giáo hội rằng sống đạo trọn nghĩa, trưởng thành, trách nhiệm, trung tín với lời mời gọi của Thiên Chúa là phải liên kết chặt chẽ giữa mến Chúa và yêu người. Giáo hội và Công Đồng không tự suy diễn ra, nhưng nhắc lại lời dạy rõ ràng của Chúa Kitô được ghi chép trong Phúc Âm. **Cổ võ và thực thi nhân quyền là phương cách yêu người cụ thể, là một nghĩa vụ của người đã chịu phép rửa.**

¹⁶ Roger Etchegaray, *Lời tựa SD*

Chúng ta đều biết rằng dù không nói đến chữ nhân quyền, dù không cổ võ nhân quyền theo phương cách của các quốc gia và giáo hội tây phương, nhưng ngày ngày biết bao kitô hữu Việt Nam đã âm thầm hy sinh mình để thăng tiến cuộc sống cho người cạnh mình, giúp tha nhân sống phát huy phẩm giá mình. Nhưng kể ra như thế và dừng lại đó để mặc ngày tháng trôi qua xem như xã hội đã quá tốt đẹp, hoặc lấy có tây phương và chúng ta hai nền văn hóa khác nhau, đó và đây có những hoàn cảnh xã hội hoàn toàn trái nghịch, để dậm chân tại chỗ đến độ xem như cổ võ cho nhân quyền chỉ là thái độ điên rồ vô lối, một sở trường của giới làm chính trị nào đó, thì có lẽ đến lúc phải kiểm điểm tâm thức sống đạo của mình.

Nhưng giáo hội công giáo Việt Nam là ai ?
Và ai có tư cách để cổ võ nhân quyền ?

Tâm thức chúng ta phải chăng còn cho rằng giáo hội là hàng giáo phẩm, các giáo sĩ tu sĩ mà thôi nên mãi ngồi chờ các ngài cổ võ và thực thi nhân quyền thay cho mình ? Không phải giáo huấn giáo hội đã chỉ dẫn rằng giáo dân phải ở tuyến đầu để dẫn thân vào các lãnh vực trần thế hay sao? Nhưng mặt khác, hàng giáo phẩm có biểu lộ (chưa nói đến nghĩa vụ giáo huấn và thực hiện trước như giáo triều Roma và các giám mục các nơi đã thường xuyên thực hiện) cho tín đồ của mình xác tín rằng việc cổ võ và thực thi nhân quyền, bất cứ ở cương vị hay thân phận nào, là sống đạo hay không?

Nếu xã hội dân sự Việt Nam đã từng chịu cơn rung động về đổi thay tâm thức và canh tân lối cư xử ăn khớp với những đòi hỏi của nhân quyền qua các trào lưu cải cách thời tiền chiến, đặc biệt của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, thì phía cộng đồng các tôn giáo Việt Nam, trong đó có công giáo, dường như

chưa hề biết đến những nỗ lực đổi thay và canh tân nội bộ như thế. Hẳn nhiên ảnh hưởng xã hội, các giáo huấn giáo hội và hình thức nghi lễ thấm nhập một phần nào đó và cải biến tâm thức của hàng giáo sĩ cũng như giáo dân, nhưng ý chí chung muốn có những cải cách có phương pháp, qui mô và phổ biến thì thú thực chưa ai nghĩ đến. Người giáo dân, không ai ép uổng để làm tỉnh hay thụ động đứng xa hoặc không dám nhắc đến việc điều hành cộng đồng, nhưng quyền hạn đó họ cam nhận như là thuộc bề trên là thành phần giáo sĩ. Nhân danh sự tôn trọng bậc bề trên là một giá trị văn hóa tôn giáo và truyền thống Á Đông mình, nhân danh sự kiến hiệu nhất thời (khỏi phải bị hạch sách thêm rắc rối!), cộng đồng chúng ta bằng lòng với mẫu mực đặt đâu ngồi đó, âm thầm trở thành con chiên ngoan ngoãn, vô tình nép an bình giả tạo ấy đánh mất **quyền tham gia của tín hữu một cách tích cực** vào sinh hoạt của giáo hội.

Trong nỗ lực cổ võ nhân quyền một cách vị tha đúng theo tinh thần Phúc âm, không phải chỉ đấu tranh cho quyền lợi của giáo hội mình và hạn chế trong sinh hoạt phụng tự của cộng đồng mình; nhưng cảm nhận những khó khăn oan ức của người cạnh mình, lên tiếng để công lý được thực hiện cho bất cứ người nào, đoàn thể, tổ chức, sinh hoạt nào, khi quyền tự do của họ bị vi phạm. Trong ý hướng và nội dung nhân quyền như thế, thì chúng ta thành thực nhận rằng trên bình diện tổ chức cộng đồng chưa có nhiều những cử chỉ quảng đại, can đảm để lo cho kẻ khác mình.

Thay lời kết

Ngày nào còn con người thì còn có những tương quan khó khăn gây ra nhiều vi phạm chà đạp phẩm giá con người ; những kẻ bị xúc phạm đến phẩm giá của mình, hơn ai hết, họ phải là ưu tư hàng đầu của người tin vào tình yêu Thiên Chúa nơi Đức Kitô. Họ là những người nghèo mà giáo hội phải phục vụ chứ không chỉ là người nghèo đói vật chất mà thôi. Chúng ta không thể « bắt nạt » khi muốn thực hiện nước Trời. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam, một xã hội mà không ai dám nói là nhân quyền được tôn trọng, thì thờ ơ hay tránh né cổ võ và thực thi nhân quyền làm sao có thể biện minh được khi mình được Đức Kitô mời gọi làm nhân chứng của yêu thương. Và cũng trong bối cảnh xã hội Việt Nam như thế, việc nêu lên nhận xét cho rằng phận vụ dẫn thân cho nhân quyền là thiếu hiểu biết, xa xỉ hoặc tùy nghi, thì việc làm đó đáng đặt cho lương tri người công giáo Việt Nam thách đố tự kiểm.

Và để kết luận chúng tôi xin chép lại lời của Walter Kasper khi vị này trình bày về nền tảng thần học của nhân quyền¹⁷:

‘ Đức Giáo hoàng Phaolô VI từng nói: giáo hội là chuyên gia về các vấn đề nhân tính¹⁸ Từ tước vị đầy vinh dự đó, giáo hội phải là một gương sáng về công lý¹⁹. Những tương quan

¹⁷ **Walter Kasper** *SD* tr 104

¹⁸ **Đức Phaolô VI**, *Sứ điệp gửi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc* (.10.1965) AAS LVII (1965), 8,78.

¹⁹ **Đức Gioan Phaolô II** *Aux membres de la Sacra Romana Rota* (17.2.1979); AAS LXXI (1979), 422 (trích trong O. Hoffe e.a [Edit], *Johannes Paul II* (chú thích 49, 113 tiếp theo).

giữa các tín hữu, giữa các thừa tác vụ khác nhau và tín hữu, giữa quyền giáo huấn của giáo hội và các nhà thần học, trong giáo hội, cần có được một bầu khí tự do, khoan dung và tin cậy nhau. Giáo hội phải là một giáo hội với khuôn mặt nhân đạo. Nên, việc phục vụ mà giáo hội có thể thực hiện cho nhân quyền không phải chỉ bằng lời huấn dụ, dù quan trọng đến thế nào đi nữa, nhưng cũng bằng gương sáng công việc làm của mình. Giáo hội có bốn phận phải biện minh, giải thích, bảo vệ nhân phẩm và nhân quyền không chỉ bằng lời nói, nhưng hơn nữa còn phải bằng hành động và cuộc sống của mình. Hơn ai hết, giáo hội không được làm cho thế giới chúng ta ngày nay phải thất vọng về nỗi khao khát công lý và ước muốn sôi nổi tìm về nhân tính của mình.'

Tài liệu tham khảo

Các tài liệu công đồng Vaticanô II đặc biệt chương hai của Hiến chế vui mừng và hy vọng (*Gaudium et Spes*) và Tuyên ngôn về tự do tôn giáo (*Dignitatis Humanae*)

Các văn kiện quan trọng liên quan đến cuộc sống xã hội của các Giáo Hoàng Piô VI (*Thư Quod aliquantum, thông điệp Adeo Nota*), **Piô VII** (*Tông Thư Post Tam Diuturnas*), **Grêgôriô XVI** (*Thông điệp Mirari Vos*), **Piô IX** (*Thông điệp Nostis et Nobiscum* và *Quanta Cura*), **Lêô XIII** (*Immortale Dei, Sapientiae Christianae,*

Libertas và nhất là Rerum Novarum), Piô XI (TĐ *Divini Redemptoris*), Piô XII (Sứ điệp truyền thanh ngày Noel 1944), Gioan XXIII (TĐ *Pacem In Terris*), Phaolô VI (TĐ *Populorum Progressio*, Tông Thư *Octogesima Adveniens*), Gioan Phaolô II (TĐ *Sollicitudo Rei Socialis**, Tông Thư *Tertio Millennio Adveniente*..*)

Tài liệu của Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1971 về ‘Công Lý trên Thế giới’
Các tài liệu của Văn Phòng và sau đó là Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý Hòa Bình :

- *L’Eglise et les droits de l’homme* (Documents de travail N- 1, 1975)
- *La Liberté Religieuse* (Textes de Jean-Paul II, présentés par le père Roger Heckel)
- *Pourquoi et comment l’Eglise intervient en matière socio-politique* (Textes de *Les droits de l’homme* (Textes de Jean-Paul II, présentés par Dr Giorgio Filibeck)
- *Les droits de l’homme et l’Eglise** (Réflexions historiques et théologiques), 1988
- Jean-Paul I I, présentés par le père Roger Heckel)
- *La liberté religieuse et l’Acte final d’Helsinki*, Jean-Paul II
- *Le droit au développement* (Textes conciliaires et pontificaux -1960-1990-, présentés par Dr Giorgio Filibeck)

- *Nouveau regard sur la doctrine sociale de l'Eglise** par Hervé Carrier, S.J.
- *Cardinal Roger Etchegaray, l'Eglise face au racisme*, Ed. du Centurion, Paris 1989
- *N. Singh, L'Asie et les droits de l'homme*, in *K. Vasak, Les dimensions internationales des droits de l'homme*, Unesco, Paris 1978
- *Groupe d'auteurs, Droits de l'homme défi pour la charité?* éd. SOS, Paris 1983
- *Dom Besse, L'Eglise et les libertés*, Paris 1913
- *G. Thils, Droits de l'homme et perspectives chrétiennes*, Louvain-la-Neuve 1981
- *M. Villey, Le droit et les droits de l'homme*, Puf, Paris 1983
- *The international Bill of Human Rights (Luật quốc tế Nhân quyền)* luật sư Nguyễn Hữu Thống phiên dịch và diễn giải, Mạng lưới Nhân quyền Việt Nam ấn hành, 1998

* Đã được Định Hướng Tùng Thư dịch ra Việt ngữ và xuất bản

Phụ Lục

Liệt kê các nội dung về tự do tôn giáo trên bình diện cá nhân và trên bình diện cộng đồng trong bức thư ngày 1 tháng 9 năm 1980 của Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đích thân gửi cho từng vị nguyên

thủy các quốc gia đã ký tên vào Bản văn kết thúc Hội nghị Helsinki về an ninh và hợp tác ở Âu Châu năm 1975.

Trích số 4 của Bức Thư.

4. Dựa vào các tiền đề và nguyên tắc nêu trên, Tòa Thánh cho rằng mình có quyền và bổn phận đưa ra một bản phân tích các yếu tố đặc loại liên quan đến ý niệm về « tự do tôn giáo » cũng như về phương cách áp dụng trên bình diện cá nhân và cộng đồng trong những sinh hoạt cụ thể. Trong cách nói cũng như trong việc ứng dụng tự do tôn giáo, người ta đều nêu lên sự hiện diện của các bình diện cá nhân và các bình diện cộng đồng, tư và công; hai yếu tố đó luôn gắn bó mật thiết với nhau để cho việc thực thi tự do tôn giáo đạt được những chiều kích bổ sung và tương thuộc :

a/ Trên bình diện cá nhân, phải tôn trọng:

- *tự do gia nhập hay không gia nhập vào một niềm tin và vào một cộng đồng tôn giáo liên hệ;*
- *tự do thực thi các hành vi cầu nguyện và phụng tự, bằng phương cách cá nhân hay tập thể, nơi riêng tư hay một cách công khai, và có được những nhà thờ hoặc những nơi thờ tự theo nhu cầu của tín đồ đòi hỏi ;*
- *tự do của bậc phụ huynh giáo dục con cái mình theo niềm tin tôn giáo mà họ ôm ấp, và có thể đưa con cái học giáo lý và các nội dung tôn giáo do cộng đoàn đảm trách ;*

- tự do của các gia đình trong việc chọn lựa trường học hoặc các phương cách khác để bảo đảm cho con cái mình về việc giáo dục tôn giáo mà không trực tiếp hay gián tiếp chịu thêm những gánh nặng phụ thuộc làm ngăn cản việc thực thi quyền tự do này;
- tự do dành cho những người cần được sự trợ giúp về mặt tôn giáo bất cứ ở đâu, đặc biệt nơi trong các cơ sở y tế công cộng (dưỡng đường, nhà thương), trong các trại lính và trong các dịch vụ bó buộc của nhà nước, cũng như trong các trại giam;
- tự do không bị ép buộc phải làm những điều trái với niềm tin tôn giáo của mình, trên bình diện cá nhân, công dân hoặc xã hội, cũng như không bị ép buộc phải chấp nhận một lối giáo dục, hoặc tham gia vào những nhóm hoặc hội đoàn có những nguyên tắc đi ngược với những niềm tin tôn giáo của riêng mình;
- tự do không phải vì những lý do tôn giáo của mình mà chịu những hạn chế hoặc những kỳ thị trong những lãnh vực sinh hoạt của đời sống (liên quan đến sự nghiệp cũng như học vấn, việc làm, nghề nghiệp; tham gia vào các trách vụ công dân và xã hội, v.v.) so với các thành phần công dân khác.

b/ Trên bình diện cộng đồng, phải xem các tôn giáo, từng qui tụ các tín đồ thuộc một niềm tin tôn giáo nhất định, thực sự hiện hữu và hành động

như những cơ năng xã hội được tổ chức theo những nguyên tắc về tín lý và dựa vào những cứu cánh liên hệ mật thiết với các định chế đặc loại của họ.

Như vậy, Giáo hội, cũng như các cộng đồng tôn giáo nói chung cần hưởng những quyền tự do nhất định, để sống và theo đuổi các cứu cánh riêng của mình; trong các quyền tự do như thế, đặc biệt phải nêu lên :

- *tự do có một hàng giáo phẩm riêng của mình hoặc các thừa tác viên liên hệ được hàng giáo phẩm của mình tự do chọn lựa theo những qui thức của cơ chế tôn giáo mình;*
- *tự do cho các người hữu trách các cộng đồng tôn giáo - và trong giáo hội công giáo là các giám mục và các cấp lãnh đạo khác trong giáo hội -, thực thi một cách thanh thản thừa tác vụ của mình, phong chức các linh mục hoặc các thừa tác viên, bổ nhiệm vào các phận vụ của giáo hội, liên lạc và tiếp xúc với những tín đồ;*
- *tự do có những học viện đào tạo tôn giáo và thần học riêng; trong các học viện ấy, tự do tiếp nhận các ứng viên vào chức linh mục và tận hiến trong dòng tu;*
- *tự do nhận và phổ biến các sách tôn giáo liên quan đến niềm tin và nghi lễ; và tự do sử dụng;*
- *tự do loan truyền và thông tri giáo huấn đức tin, bằng lời nói và bằng chữ viết, kể các bên ngoài những nơi phụng tự, và tự do phổ biến quan điểm đạo đức liên quan đến các sinh hoạt con người và tổ chức*

xã hội: điều này ăn khớp với cam kết của Bản văn kết thúc Hội nghị Helsinki về việc tạo dễ dàng cho việc quảng bá thông tin, văn hóa và các hình thức trao đổi kiến thức và kinh nghiệm trong lãnh vực giáo dục, và trong lãnh vực tôn giáo; điều này tương hợp với việc truyền bá Phúc Âm của Giáo hội;

- *tự do sử dụng các phương tiện truyền thông (báo chí, truyền thanh, truyền hình) trong mục tiêu như thế;*
- *tự do chu toàn các sinh hoạt giáo dục, từ thiện, cứu trợ là những sinh hoạt ứng dụng điều răn về yêu thương anh chị em mình, đặc biệt đối với những người ở vào hoàn cảnh khó khăn nhất.*

Ngoài ra :

- *đối với những cộng đồng tôn giáo, như giáo hội công giáo, có một Thẩm quyền tối cao ở trên bình diện phổ quát, thì Thẩm quyền này, theo đòi hỏi của niềm tin của mình, có trách nhiệm bảo đảm sự hiệp nhất trong mối hiệp thông nối kết tất cả các mục tử và tín đồ trong cùng một niềm tin tôn giáo, qua quyền giáo huấn và quản trị : - tự do có những liên lạc qua lại giữa Thẩm quyền này và các mục tử cũng như các cộng đồng tôn giáo địa phương, tự do quảng bá các văn kiện và các tài liệu của giáo huấn (thông điệp, huấn thị..)*

- trên bình diện quốc tế : tự do trao đổi về truyền thông, tự do hợp tác, liên đới có tính cách tôn giáo, đặc biệt là có thể gặp gỡ, hội họp liên quốc gia hoặc quốc tế.
- Cũng trên bình diện quốc tế, tự do trao đổi tin tức và các nội dung về thần học hoặc tôn giáo giữa các cộng đồng tôn giáo với nhau.

(*Bản dịch Tập san Định Hướng*)

Chương V

Các giá trị tinh thần trước những thách đố của kỷ nguyên mới

1. Vấn đề canh tân xã hội của chúng ta trong bối cảnh thế giới ngày nay

Cuối thế kỷ 19 đến tiền bán thế kỷ 20, sau những năm tháng bất đắc dĩ phải tiếp cận với xã hội, văn hóa Tây phương, dân tộc Việt Nam chúng ta, đặc biệt là tầng lớp sĩ phu đã có dịp nêu lên vấn đề canh tân xã hội, thay đổi tâm thức, cập nhật các trào lưu tiên bộ của nhân loại. Từ những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ đến những chủ trương Tây phương hóa của Tự Lực Văn Đoàn, từ việc hình thành các đảng phái chính trị đến việc thành lập các chế độ Cộng hòa và chế độ Mác xít..., dần dà trong nhiều sinh hoạt xã hội, chúng ta như đã rời khỏi khung trời hạn hẹp của một vùng Viễn Đông đóng kín để đặt mình vào trào lưu văn hóa của Tây

phương đang bành trướng, được hiểu là bước tiến phổ quát trong vận mệnh chung của nhân loại.

Vào cuối thế kỷ 20, nghĩa là trong thời buổi hiện tại của chúng ta đang sống, thực trạng khó khăn của đất nước lại buộc chúng ta phải nêu lên vấn đề canh tân xã hội, nhưng vấn đề nêu lên phức tạp gấp nhiều lần. Một mặt thực trạng đó đối chiếu với nhịp sống chung của các dân tộc trên thế giới còn quá tiêu cực, khi sinh hoạt xã hội của chúng ta còn dậm chân, tự trói buộc vào một cơ chế mà lịch sử nhân loại đã chứng thực như một thất bại ê chề. Mặt khác trong bối cảnh chung của sinh hoạt nhân loại mà các môi giao lưu văn hóa, kỹ thuật, chính trị đang ảnh hưởng trực tiếp đến vận mệnh của dân tộc chúng ta, nhiều hiện tượng tiêu cực xã hội xảy đến dồn dập, tiên đoán cho những giai đoạn khủng hoảng. Có người bi quan còn nghĩ đến một tương lai kinh hoàng, nếu con người ngày hôm nay không kịp thời tìm những giải pháp để điều chỉnh và cải cách. Nói cách khác trong nỗ lực nêu lên vấn đề canh tân cuộc sống xã hội đất nước, chúng ta không còn có sẵn hai mẫu mực để chọn lựa và đối chiếu một cách dễ dàng như vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, không chỉ nêu lên các phương cách tổ chức và áp dụng hay hội nhập, nhưng là lúc cần xét lại tận căn những giá trị nền tảng của chính con người và xã hội để can đảm đề xuất những phương cách sinh hoạt thích ứng với các giá trị đó.

2- Những khó khăn và mâu thuẫn của xã hội hôm nay

a- Vấn đề đặc loại của xã hội Việt Nam chúng ta

Tâm thức chung của cách đặt vấn đề canh tân xã hội của chúng ta còn bị giới hạn trong khung cảnh của một cuộc tương tranh thuần chính trị giữa một bên là cơ chế chuyên chính xã hội chủ nghĩa theo học thuyết Mác-xít và bên kia là thế giới tự do. Tình trạng này đã làm cho chúng ta nhớ lại tâm thức của xã hội và triều đình nhà Nguyễn vào thế kỷ 19. Vấn đề canh tân của xã hội thời bấy giờ đã vương mắc vào một sự kiện thực tế do thâm ý thực dân của ngoại bang. Nhân danh bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia, triều đình từ khước luôn những đề nghị canh tân của các minh nho thời bấy giờ. Ngày nay thực trạng của một chế độ chuyên chính đi kèm với một lý thuyết Mác xít đầy ảo tưởng đã làm cho bên này và bên kia hụt chân trước những vấn đề canh tân mà thế giới đang đặt ra và sớm muộn lại ảnh hưởng đến trên cuộc sống của chúng ta trong tương lai.

b- Vấn đề mâu thuẫn của văn minh thế giới

Nói đến tiền bộ văn minh thế giới, một từ ngữ đặc biệt mới xuất hiện là *toàn cầu hóa* nhằm nói đến các dự kiến phát triển trong tương lai gần, nghĩa là vào đầu thiên niên kỷ thứ III. *Toàn cầu hóa* ở đây lại được hiểu là phổ cập hóa nền văn hóa và văn minh đặc loại của Tây phương.

Nếu dùng lại từ ngữ của triết gia Karl Jaspers, chúng ta chứng kiến rằng nhân loại có hai *thời trực* có tính cách quyết định cho hướng phát triển văn hóa nhân loại.

Thời trực đầu : Những xuất hiện của các thánh nhân, triết nhân, văn hào từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ IV trước công nguyên đã tạo nên những nền văn hóa đặc loại của các vùng, như Lão, Khổng tại Trung Hoa, Phật tại Ấn Độ, Héraclite, Parménide, Socrate tại Hy Lạp, các tiên tri Do Thái...

Thời trực thứ hai : Nhưng đến thời Phục Hưng của xã hội Tây Phương và sau đó là các thế kỷ 17, 18, 19, tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiến hóa lịch sử, tính phổ quát của lý trí...cô đọng trong các tiền đề của trào lưu *Triết học ánh sáng* và với các lý thuyết nhân bản khác nhau. Thời trực này như một làn sóng lan tràn dần ra khắp các vùng trên thế giới. Đây là một thời trực đầy lạc quan về khả năng vô tận của lý trí con người, có lúc đi đến độ như ứng dụng câu của Protagoras, một nhà ngụ luận Hy Lạp thời Socrate: “*Con người là thước đo vạn vật*”, mà gần đây chúng ta còn nghe lại các bài hát của chế độ Cộng sản Việt Nam “*Bàn tay ta làm nên tất cả*”. Nổi lạc quan đó, được nữ Giáo sư Chantal Delsol cô đọng lại như sau trong cuốn “*Le Souci contemporain*” (Ed. Complexe) như sau :

“Chúng ta đã từng tin rằng chúng ta có thể cải biến tận căn con người và xã hội: khi thì do triết lý tiến bộ từ Condorcet hứa hẹn với chúng ta rằng chiến tranh, bệnh tật, nghèo đói có thể được khử trừ, có khi do các ý hệ tiên đoán một tương lai rạng rỡ”.

Một cách hầu như chính thức, thế giới của *toàn cầu hóa* ngày nay được hiểu là cộng đồng nhân loại đang sinh hoạt trong khung cảnh giới hạn của một trào lưu văn hóa, văn minh Tây phương này.

Trên bình diện tiên bộ khoa học kỹ thuật, nỗ lực thực hiện một số định chế xã hội, chính trị, không ai có thể chối cãi nhiều đóng góp tích cực của trào lưu văn hóa của thời đại được gọi là *thời tân kỳ* ấy.

Nhưng, nổi lạc quan để thiết định bản tính con người như chỉ là *một sinh vật hiểu biết, khai thác thiên nhiên vật chất, tự sức mình làm nên nhân cách và quyết định vận mệnh của mình*, - (một lối thiết định phẩm giá nhân tính dựa trên cùng một chuẩn mực của bất cứ sinh vật tự nhiên nào trong vũ trụ, nói cách khác là một sinh vật mất hết chiều kích “linh ư vạn vật”, thì thực tại lịch sử ngày hôm nay đang chứng minh ngược lại. Nền nhân bản của con người lao tác (*homo faber*) của Mác-xít đã chứng thực những thất bại với sự sụp đổ của bức tường Bá Linh. Các nền nhân bản vô thần khác của các trào lưu triết lý và một sống tự do cá nhân tuyệt đối, hư vô chủ nghĩa, tương đối chủ nghĩa, con người kinh tế tiêu thụ, con người chơi (*homo ludens*) kế tiếp xuất hiện trong thế giới của tự do kinh tế thị trường... cũng không giải đáp được những ước vọng thâm sâu nơi con người. Và điểm thất bại ê chề nhất của văn hóa được gọi là nhân bản Tây phương là có *quá nhiều thuyết nhân bản*. Những định nghĩa dị dạng và mâu thuẫn nhau về nhân tính đã đưa đến tình trạng tương tranh quyết liệt giữa các khối chính trị, tâm thức hoài nghi về sự hiện hữu của chân lý và về các chuẩn mực đạo đức nền tảng. Hiện trạng xã hội mất hướng ngày nay tố giác giấc mơ võ đoán dựa trên những tiền đề xây dựng nên chính điểm khởi phát của nền văn hóa thời tân kỳ Tây phương.

Một tiền đề then chốt của văn hóa Tây phương phổ quát trong thời tân kỳ của chúng ta đó là tiền kiến cho rằng những giá trị linh thiêng của nhân tính, những giá trị tinh thần, chẳng qua chỉ là những khả năng của lý trí hiểu biết sự vật khách quan. Tiền kiến này đang bị thách thức để đối đầu với những hiện tượng xã hội đang xảy ra, những hiện tượng kinh hoàng vốn là hệ quả của chính nền văn hóa này. Chúng tôi xin chỉ nêu lên một vài sự kiện đặc trưng:

- Người ta đã minh chứng rằng trong việc tiêu diệt những người Do Thái vô tội trong các lò sát sinh, hơi ngạt, là kết quả của một cuộc vận dụng trí năng đến mức tối đa, với những kỹ thuật hết sức tân thời.
- Khoa học kỹ thuật lý trí đã dồn nỗ lực để hình thành ra bom nguyên tử, cũng như các loại vũ khí vi trùng có thể tiêu diệt trọn bộ nhân loại.
- Có rất nhiều phát minh trong lãnh vực truyền thông tân kỳ nhằm rút ngắn khoảng cách không gian, xóa dần khoảng cách thời gian; nhưng chưa bao giờ con người cảm thấy cô đơn và lạc lõng hơn lúc này, nhất là những vùng dân cư được hưởng những phương tiện văn minh vật chất cao độ nhất.
- Trình độ hiểu biết được nâng cao đồng nhịp với những sáng kiến của khoa học kỹ thuật, sản xuất lương thực và của cải vật chất, nhưng các mối tương quan xã hội trên bình diện phối trí lao động, phân phối các sản phẩm, phẩm chất của các sinh hoạt văn hóa và cộng đồng ngày càng trở nên

khó khăn, và đôi lúc hầu như không còn được lưu ý đến nữa.

- Và lấy một hiện tượng tiêu biểu về sự mâu thuẫn của nền văn hóa, văn minh ngày nay làm thí dụ có tính cách điển hình: Chúng ta chứng kiến nỗ lực của các nhà khoa học, các chương trình quy mô của các chính phủ, các tổ chức đại học và y tế, các hệ thống bảo hiểm đang tích cực để kéo dài tuổi thọ của con người. Nhưng sự gia tăng tuổi thọ lại đi kèm với phẩm chất tiêu cực trong từng giây phút sống của con người. Con người thời đại của chúng ta càng ngày càng cảm thấy cô đơn, chán chường, như ý nghĩ cuộc sống đã trốn thoát đi đâu rồi ! Hiện tượng tự tử trong giới trẻ gia tăng, đặc biệt các thành phố lớn và phát triển về mặt kinh tế, chưa kể đến những cuộc tự sát tập thể trong một số các giáo phái đã từng xảy ra trong các thập niên gần đây...

3 - Các phản ứng trước những khó khăn và mâu thuẫn của văn minh ngày nay

Ý thức về những hiện trạng tiêu cực của xã hội mình đang sống, những phản ứng của cá nhân hay từng nhóm, từng lứa tuổi, từng lớp quần chúng nhằm ly khai chống đối nếp suy tư, tập tục, cơ chế, trật tự ưu thắng của xã hội đương thời... luôn hiện hữu trong mỗi giai đoạn của lịch sử loài người. Thông thường hơn nữa, mỗi một thời đại đều quay nhìn lại thực trạng xã hội mình và xem đó là tình trạng nguy kịch hơn cả, kèm theo những giải pháp

tưởng chừng có thể giải quyết dứt khoát những sai lầm của quá khứ cũng như hiện tại.

Những phản ứng có tính cách xã hội trước nền văn minh và nếp sống văn hóa ngày nay cũng mang những đặc tính tương tự.

Thêm vào đó, chúng ta nhận ra rằng thường các giải pháp đưa ra là *cái nhìn đối nghịch* với những nếp sống và quan điểm đang chi phối cuộc sống xã hội hiện tại.

-Trước trào lưu *toàn cầu hóa* về mặt không gian qua mẫu mực của văn minh Tây phương đang thịnh hành, phong trào quốc gia quá khích tôn vinh chủ nghĩa chủng tộc, độc tôn vùng miền, quốc gia đi kèm với việc bài xích sự hiện diện của người dị chủng trong môi trường sống của mình.

-Một số giáo phái đi tìm những nơi hoang vắng, tạo thành những cộng đồng riêng lẻ sống ngoài lề sinh hoạt chung của xã hội.

-Người ta hoài nghi về niềm tin liên quan đến thời gian lịch sử được xem như cuộc thăng tiến không ngừng và đồng bộ trong cuộc phát triển kinh tế, xã hội và cuộc sống tinh thần. Từ tôn giáo, triết học, nghệ thuật...nhiều phong trào quay lại với quá khứ thật xa xưa, hoặc truy tìm những giá trị văn hóa, tôn giáo mà khởi thủy của thời tân kỳ xem là lạc hậu, man rợ, thiếu ý thức...

-Đặc biệt trong một số tôn giáo lớn, nhiều khuynh hướng gọi là nguyên tuyền (*intégriste*) cơ bản (*fondamentaliste*) nuôi tiếc một thời vàng son của thời tôn giáo toàn trị về mặt trần

tục đã đẩy lên những vùng ảnh hưởng, những phong trào chống lại nếp sống tân kỳ, tạo ra những xung đột bạo lực, bất tương dung, vượt ra ngoài các sứ điệp yêu thương và giải thoát của các niềm tin tôn giáo.

-Trong khuynh hướng phản ứng ngược lại với trật tự hiện hữu của xã hội, người ta dần dần dừng dung hoặc chống đối các giá trị và định chế truyền thống; người ta thường nhắc đến tình trạng mất niềm tin vào các tôn giáo lớn, thiếu hứng khởi trong sinh hoạt chính trị, nhưng ngay cả ý thức đạo đức và nỗ lực trau dồi văn hóa cũng không còn được quan tâm. Điều đáng ghi nhận hơn nữa, là sự xuất hiện của nhiều nhóm trẻ tôn vinh các giá trị tiêu cực, đôi lúc đi đến những hành vi bạo loạn và tội ác: Những nhóm suy tôn Satan, phá tán các mồ mã, đập phá các nơi thờ tự của các tôn giáo...

-Về các sinh hoạt định chế hiện hành đang chi phối sinh hoạt chính thức của xã hội, phản ứng rất đa dạng, nhưng khung cảnh chung cho chúng ta thấy một tình trạng bất cập để giải quyết vấn đề :

○ Những phản ứng còn nằm trên bình diện điều chỉnh hoặc khử trừ *có tính cách kỹ thuật*. Nói cách khác, các hiện tượng chống kháng lại các định chế, và đằng sau đó là sự mong chờ những giải đáp trung thực và thích hợp với ước vọng và bản tính con người, chỉ được nhìn như những hiện tượng hoàn toàn tiêu cực về mặt xã hội. Lý do thâm sâu là các định chế hiện hành, kể cả tôn giáo, không vượt ra khỏi tiền kiến về nền tảng được xem là vững chắc, phổ quát của vũ trụ quan, nhân sinh quan

xây dựng nên thời đại tân kỳ ngày nay. Tôn giáo và tầng lớp trí thức không còn đóng vai tiên tri hay còn gọi là khai sáng ; nếu còn giữ khoảng cách không trở thành công chức cho các định chế chính trị, xã hội, thì cũng không vượt ra khỏi những tiền đề văn hóa của một thời kỳ lịch sử rất giới hạn tạo nên nền văn minh tân kỳ.

○ Trong dư luận và nơi cảm nhận của quần chúng, các định chế, tầng lớp trí thức và các tôn giáo còn loay hoay trong cuộc tương tranh giữa *khuyh hướng tiến bộ* nghĩa là tôn vinh nền văn hóa văn minh tân kỳ hiện hành, và *khuyh hướng bảo thủ*, quay về một quá khứ được xem là vàng son nhằm chống lại nền văn minh được xem là một *xã hội quá tục hóa*. Hậu quả là các hiện tượng bất thường của xã hội ngày nay hoặc được đánh giá là do hậu quả của xã hội văn minh tân thời, hoặc bị lên án là tác dụng của khuyh hướng phản động, bảo thủ mà phát sinh.

○ **Tình trạng bất cập và hụt chân của các định chế trước những khám phá của khoa học kỹ thuật.** Cuộc hội thảo của các nhà khoa học và triết gia tại Tokyo, Nhật bản năm 1995 đã đồng thanh lên tiếng báo động :

“Lần đầu tiên, các nhà khoa học và triết gia đồng thanh quả quyết rằng chúng ta đã đi vào thời đại sống còn của nhân loại và thúc đẩy các giới hữu trách có biện pháp thích ứng cho một hoàn cảnh đang bùng nổ” (trích phúc trình của triết gia Michel Random về cuộc hội thảo tại Tokyo, 1995 đăng trên tạp chí Le Nouvel Observateur – hors-série số 28, tr.52).

Hoàn cảnh xã hội bùng nổ khi khoa học tiếp cận sự sống và bản chất của con người không còn nêu lên phẩm giá đặc loại của nhân tính : người ta khai thác thân xác và tinh thần con người như khai thác các vật thể trong thiên nhiên. Người ta khai thác những khám phá về di truyền học, miễn dịch học bất chấp những nguy cơ trong việc áp dụng và đưa ra thị trường. Gần đây sự kiện con cừu Dolly được “*biến chế*” từ một tế bào vô tính do viện Roslin đã làm cho dư luận choáng váng...

Mọi người choáng váng vì hai lý do :

-Thứ nhất, những tiên liệu bảo chứng cho giá trị của khám phá khoa học nay đã vượt qua. *Tương quan giữa tiến bộ khoa học và hạnh phúc con người* không còn nền tảng nào chắc chắn nữa khi khoa học đang trên đường tác tạo một giống người như một sinh vật nào khác vượt lên trên mọi dự đoán.

-Thứ hai, giá trị tối thượng của con người vốn là nhân tính “*linh u vạn vật*”, giá trị linh thiêng ấy đã bị thời tân kỳ chuyển thành khả năng lý trí để hiểu biết các sự vật. Nay chân lý và phẩm giá về nhân tính phải chăng chỉ được đo lường qua *sự hữu hiệu* của việc áp dụng sự hiểu biết này vào việc làm chủ thiên nhiên và hưởng dụng những sản phẩm vật chất do bàn tay và trí năng con người làm ra ?

Tiền đề văn hóa nền tảng đó của thời đại tân kỳ, vốn được xem là một giá trị thần thánh mới mặc nhiên cho phép khoa học có thể

mạnh dạn khẳng định “*Cái gì có thể làm được trong lãnh vực khoa học đều có thể được phép làm*”. Và khi các định chế xã hội, từng lớp trí thức và tôn giáo cũng đang nằm trong khung văn hóa được xem là phổ quát, là một định mệnh không cưỡng lại được của lịch sử nhân loại, thì xã hội khó lòng tìm được một giải pháp thỏa đáng.

-Mặt khác, ngoài tình trạng bế tắc về việc canh tân nền tảng các định chế, những hiện tượng xã hội tiêu cực như thất nghiệp, phát triển nghịch chiều giữa tiến bộ khoa học-kỹ thuật và phẩm chất đời sống của cá nhân và xã hội... dần dà đưa quần chúng đi vào tình trạng thu mình lại, cá nhân chủ nghĩa, để mặc, hoặc thực hiện một nếp sống dựa trên “*chủ nghĩa tương đối về các giá trị*”. Ý thức về công ích và dân thân phục vụ đồng loại nhường chỗ cho những ưu tư giải thoát cá nhân. Các giá trị linh thiêng, đạo đức nay chỉ được xem như là một cảm nghiệm riêng tư của lòng mình, đôi lúc bất chùng và tùy hứng, để phản ứng lại những dự phóng ảo tưởng của các ý thức hệ đang chi phối nhân loại.

4. Đôi điều suy nghĩ

a - Trước những dự án cải cách của nhà nước Cộng sản Việt Nam hiện nay

Dự án cải cách của nhà nước Cộng sản Việt Nam (CSVN) muốn tìm một lối thoát để sống còn, dựa trên một tổng hợp rất kỳ lạ: đó là hạ tầng cơ sở kinh tế theo chế độ

thị trường bên cạnh một chế độ chính trị đối nghịch là chế độ CS chuyên chính. Trong khuôn khổ cuộc trao đổi này, chúng tôi không bàn đến vấn đề khả thi hay những hậu quả kinh tế, chính trị của cuộc tổng hợp đó. Nhưng trên bình diện văn hóa, chúng ta nhận thấy rằng việc tổng hợp này ngay từ đầu bị chi phối bởi những tiền đề cố hữu :

- Con người và xã hội được định nghĩa là sinh vật được làm nên bởi vật chất, biến đổi vật chất bằng lao tác và hưởng dụng vật chất.

- Những tiền đề về con người và xã hội như thế dựa trên tính khách quan của lịch sử.

Thời gian qua đi, niềm tin về một thiên đàng trần thế sẽ được thực hiện nhờ cuộc cách mạng CS đã không thể biện minh được nữa trước những thực tế lịch sử khách quan mà nhân loại đã trải qua.

Và trong ý hướng ứng dụng kinh tế thị trường vào xã hội Việt Nam, nhà nước CS như chỉ biết có quá khứ và không hề biết đến những khủng hoảng, ít nhất về mặt văn hóa, mà các quốc gia đang phát triển nhờ kinh tế thị trường phải đối đầu.

Cuộc khủng hoảng đó, hàn lâm viện Jacques-Yves Cousteau đã cô đọng trong lần phát biểu tại Tokyo, 1995:

“*Một nhà độc tài vô danh và vô hình rất tàn nhẫn, Ông Thị Trường, đang hành xử một loại uy quyền độc đoán. Sự thay đổi quyền uy nguy hiểm này biểu lộ một sự suy thoái của nếp sống văn minh, đi đến tình trạng man rợ, từ dân chủ đi đến một nền độc tài không thể xác định*” (Tạp chí *Nouvel Observateur* số 28, tr. 53).

b – Khủng hoảng các giá trị phát xuất từ đâu?

Một số những hiện tượng xã hội tiêu cực, hoặc đáng lo ngại đang xảy ra cho thời đại chúng ta, không có nghĩa là xã hội hiện nay chúng ta đang sống là một hỏa ngục. Và chúng ta cũng không vội vàng phi bác một cách hồ đồ và đồng loạt những giá trị tích cực mà thời đại tân kỳ đã cống hiến cho lịch sử nhân loại. Nhưng những giới hạn và bế tắc của những tiền đề xây dựng nên nếp văn minh của thời đại tân kỳ đó buộc ta phải đặt lại vấn đề. Những giới hạn và bế tắc có thể được nêu lên, vì khi đối chiếu những thành quả của nền văn minh đó đem lại với những hứa hẹn có thể đáp ứng trọn vẹn tất cả những yêu sách và khát vọng của con người, thì có sự bất tương hợp.

Trong dòng phát triển văn hóa của Phương Tây Hy Lạp, các giá trị sinh hoạt con người được qui chiếu vào nhận thức về nhân tính như là một *sinh vật có lý tính*. Nhưng thờ bình minh của nền văn hóa đó, *con người có lý tính* nghĩa là được tham dự vào sự sống vượt lên trên các sinh vật, sự sống đó gọi là “*Logos*”. Héraclite nêu lên “*Logos*” này, nhưng đồng thời nhấn mạnh không ai trong cõi người ta có thể sở

đắc hay hiểu thấu đáo được “*Logos*” là gì. Socrate cũng nêu lên câu châm ngôn khác trên đền thờ Delphes “*người ơi hãy tự biết mình*”, đề cao sự hiểu biết như là giá trị tối thượng của nhân tính, nhưng đi đôi với châm ngôn đó, vị thầy của văn hóa Tây phương cũng cho rằng “*điều mà ông biết, đó là ông không biết gì cả*”.

Nhưng cái mới trong giòng lịch sử văn hóa Tây phương và hiện nay đang phổ biến tràn lan trên thế giới làm khởi phát thời đại tân kỳ, là “*Logos*” mà con người thoáng nhận ra và luôn mãi phải lắng nghe và đi tìm của Héraclite và Socrate, nay được hiểu là khả năng hiểu biết của con người về bản chất sự vật và còn hơn nữa là biến đổi sự vật. Đồng thời cũng nhờ có khả năng lý trí này, con người có được phẩm giá của mình nơi quyền tự do và tự lập. Vì thế cũng có thể là đã lo âu cho một tương lai đen tối của thời đại tân kỳ đang mở ra, hoặc có thể là để tuyên dương cho những khám phá mới mẻ của nhân loại. F. Nietzsche dùng miệng một người mất trí mà hô to giữa công trường “*Thượng Đế đã chết, tất cả chúng ta đã là những tên đồ tể sát thân*”.

Tiêu chuẩn để đo lường các giá trị từ nay không còn là Chân lý vượt lên trên khả năng của con người mà con người phải biết lắng nghe, đối chiếu và tự kiểm, nhưng nay giá trị được đo lường và thiết định dựa trên sự hữu hiệu của các nỗ lực hiểu biết và thể hiện tự do, hạnh phúc, mà khả năng con người lý trí, vốn được xem như vô hạn, có thể triển khai.

Thực tế cho thấy rằng lý trí phổ quát mà mỗi cá nhân đều sở đắc không phổ quát như nổi lạc quan của các nhà tư tưởng thời tân kỳ chủ xướng: những ý

hệ nhân tăng mâu thuẫn nhau, những nền nhân bản liên tục thay nhau xuất hiện ; việc sở đắc các kiến thức khoa học cũng không đem lại trọn vẹn những ước mong hoàn thành nhân tính con người. Và bế tắc của thời đại tân kỳ như điều mà F. Nietzsche đã tiên đoán là con người đang mệt mỏi về thân phận làm người, con người đang phiêu lưu vào sa mạc của hư vô chủ nghĩa, mà ngôn ngữ ngày nay gọi là *khủng hoảng* tận căn các giá trị.

Trước tình trạng này, nhiều nhà tư tưởng Tây phương đã giật mình tự vấn về “*con người suy tư*” của truyền thống văn hóa; và một trong những triết gia đã mạnh dạn nói rằng:

“Điều làm cho chúng ta suy tư hơn cả trong thời đại của chúng ta, một thời đại làm ta phải suy nghĩ, đó là chúng ta chưa từng suy tư”
(Heidegger – Qu’appelle-t-on penser? Bản dịch của Aloys Becker và Gérard Granel. PUF. Paris 4è éd, 1983. tr.24)

Tại sao chúng ta chưa từng suy tư?

Các giá trị tinh thần nằm trong khuôn khổ của bản tính con người “*linh u vạn vật*”. Nhưng nếu đặc tính thiêng liêng là suy tư lại được xây dựng trên sự hiểu biết về sự vật và từ sự hiểu biết này xây dựng lại bản tính con người và thần thánh; phải chăng đây là sự hiểu lầm và sử dụng lầm tận căn hay không? Các nền *thần học, đạo đức, nhân bản* ngày nay đã không đặt vấn đề con người, Thượng đế là “*cái gì*” hay sao? Làm sao một nền văn hóa có thể đi xa những kinh nghiệm thông thường của con người dưới phổ khi đặt câu hỏi “*con người là gì?*”, “*cha*

tôi là gì?”, “*mẹ tôi là gì?*” Và nếu phải đề cập đến các giá trị thiêng liêng, đạo đức về nhân tính, thì nền văn hóa dựa trên tiền đề về sự hiểu biết sự vật (về *những cái gì*) làm nền tảng khởi phát liệu sẽ công hiến được những nội dung nào cho khát vọng tự nhiên của tâm hồn con người ?

Từ “*cái gì*” đến “*ai*” như trọng tâm của suy tư, phải chăng là một thách đố của văn hóa nhân loại cho Thiên niên kỷ sắp đến ?

5- Câu chuyện của chúng ta

“*Ôn cố tri tân*”. Chúng ta tự hào về nền văn hiến dân tộc, chúng ta muốn đóng góp phần mình vào sinh hoạt chung của nhân loại. Trong muôn vàn điều đáng tự hào và những giá trị tích cực có thể công hiến, có một câu chuyện được lưu truyền phản ánh những thao thức về giá trị gọi là *Cương thường* hay *Đạo làm người*. Đó là câu chuyện Họ Hồng Bàng.

Đế Lai đem theo vợ mình là nàng Âu Cơ nhằm chiếm đất nước của Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân. Đế Lai chỉ nghĩ đến quyền lực của mình và tìm cách vơ vét các tài vật thiên nhiên trong xứ (*những cái gì*), bỏ mặc nàng Âu Cơ và tùy tùng (*những ai*) trong trại.

Âu Cơ trong nỗi cô đơn khắc khoải, được Lạc Long Quân, con người bất tử, cứu thoát và được nâng lên làm người bạn đồng sàng với chàng. Trong cuộc gặp gỡ Đất – Trời – Người này, nàng sinh hạ trăm con và gây dựng nên dân tộc mới.

Nhưng Lạc Long Quân vốn là Thần Thánh, nên sau một năm gần gũi với Âu cơ thì ẩn mặt.

Trong nỗi nhớ nhung về người bạn Thần Thánh Lạc Long Quân, Âu Cơ và các con chỉ còn có duyên gặp gỡ chồng và cha tại Tương Dạ.

Ngày nay con người chỉ muốn sống “*sống bởi bánh*”, nghĩ tới việc sở đắc tài vật và quyền uy cho cá nhân và thực thi bạo lực, con người “*chấp ngã*” đó của Đế Lai phải chăng đã đến lúc nên nhường đất trời cho một thế hệ con người mới. Con người mới ấy sẽ biết ân cần, ưu lo nghĩ đến một Lạc Long Quân rất gần, nhưng luôn ẩn mặt và gặp gỡ mỗi người, muôn người nơi Tương Dạ hay còn gọi là Tâm Linh ./.

Bài thuyết trình tháng 08 năm 1998 tại Luân đôn.

Chương VI

Dân chủ cho Việt Nam trong khung cảnh văn hoá ngày hôm nay

Trong bối cảnh xã hội của Việt Nam hôm nay chúng ta chứng kiến một số hiện tượng nghịch thường :

- Các định chế xây dựng nên bộ máy cai trị Việt Nam hiện nay luôn gắn liền tên nước Việt Nam với thành ngữ *dân chủ*.
- Người dân trong và ngoài nước về phần mình lẫn đấu tranh đòi dân chủ, mặc nhiên không chấp nhận định chế gọi là dân chủ đang cầm quyền (và sự kiện này không phải là kinh nghiệm riêng lẻ của xã hội Việt Nam hôm nay, mà là thực trạng xã hội của các nước trước đây ở trong khối cộng-sản , đặc biệt các nước Đông-Âu).
- Nhân danh quyền bảo vệ truyền thống văn hóa cá biệt của mỗi vùng địa lý chính trị, một số người khởi xướng chủ trương không nên cổ động và phát huy nếp sinh hoạt dân chủ tại các nước thuộc văn hóa truyền thống Á-đông.

Trong khuôn khổ giới hạn của bài này, chúng tôi không đi sâu vào các phân tích lý thuyết, hoặc truy nguyên tận căn cơ sở tư tưởng nền tảng triết học chống đỡ nội dung của dân chủ, nhưng chỉ nêu lên một cách ngắn gọn các nhận xét khách quan dựa vào thực tế lịch sử.

(Để tiện việc đối chiếu và đánh giá thực tế lịch sử, xin xem các bản trích dẫn tài liệu đính kèm trong phần Phụ- đính)

1- Chế độ cộng sản: một định chế tự xưng dân chủ

a- Lý thuyết cộng sản và dân chủ

Trong lý thuyết cũng như trong thực tế, CS chủ trương đồng thời một lối quan điểm dân chủ nào đó đi đôi với một thể chế độc tài đảng trị. Hai điểm nghịch lý ấy qui kết trong khẩu hiệu: *chuyên chính vô sản*.

Sự kết hợp ấy mặc nhiên được biện minh dựa vào *thực tế lịch sử và giá trị hầu như tiên thiên của tương quan lao động, sản xuất và tiêu thụ tài vật* :

- Vào thời kỳ phát sinh lý thuyết CS, giới lao động, vô sản chiếm đa số dân chúng. Dựa vào quan niệm đa số này, chữ dân chủ được Marx, Lênin sử dụng để vận động quyền lực cho giới vô sản .

- Giá trị con người và toàn bộ nhân phẩm hoàn toàn dựa vào tiêu chuẩn lao động - sản xuất và tiêu thụ tài vật. Chỉ có giới lao động vô sản là thành phần không những thực thi giá trị toàn vẹn nhân tính

như thế mà còn mang sứ mệnh cứu độ toàn nhân loại trong đó có thành phần thiểu số sa đọa (nghĩa là ở bên ngoài giai cấp vô sản). Công cuộc cứu độ ấy còn gọi là cuộc đấu tranh giai cấp, một tiến trình được xem cần thiết và khách quan của lịch sử nhân loại. Đi vào vận hành của cuộc đấu tranh này, đứng vào phe người bị áp bức (vô sản, lao động), là ta "*làm ra*" chân lý, ta hành động "*một cách khoa học*"²⁰

Theo quan điểm CS, từ điểm khởi đầu và trong suốt vận hành phát triển của lịch sử, chuyên chính vô sản hay chế độ độc tài đảng trị cũng như chủ trương cách mạng bạo lực không có gì ngược với nội dung vừa lượng vừa phẩm của dân chủ cả.

b- Nhận định

- Ý thức hệ ảo tưởng

Tiếp theo Hegel, Marx muốn dựa vào một số tiền đề rất giới hạn để chủ trương một hệ thống tư tưởng giải thích toàn bộ tư tưởng lịch sử con người cũng như vận hành vũ trụ. Sau Hegel, lịch sử nhân loại chứng thực rằng ý thức hệ của Hegel hay của Marx kỹ thực chỈ là cao vọng *tuyệt đối hóa suy tư hữu hạn của con người trước một hiện tượng xã hội nhất thời thôi.*

Trong ý thức hệ mác-xít, những luận chứng đồng hóa giới lao động với giai cấp vô sản, xung đụng giữa các giai cấp như định luật tất yếu của vận hành lịch sử, đặc biệt là đồng hóa những người

20 Xem *Tự do Kitô giáo và Giải-phóng* - Huấn thị của *Thánh-bộ Đức tin*, bản dịch Định Hướng, 1993, tr. 24.

nghèo, lao động với một nhóm bạo động muốn nắm chính quyền gọi là đảng CS..., không những không dựa trên một lý chứng gì nội tại vững chắc xét về mặt lý thuyết, mà cũng không ăn nhập gì với sinh hoạt thực tế của xã hội trong hai thế kỷ qua. Chúng ta chỉ nhìn vào lịch sử thực sự đã xảy ra, ngay chỉ trên bình diện lao động - sản xuất - tiêu thụ của những nước đã áp dụng ý thức hệ CS để đối chiếu. Ở đây chỉ nêu lên một "*sự kiện lịch sử tiêu biểu đó là Công-đoàn Đoàn-kết*" ở Ba-lan trong thập niên 80, để thấy không thể nào đồng hóa được vận hành lịch sử với đấu tranh giai cấp, giới lao động và đảng CS, chuyên chính vô sản và sinh hoạt dân chủ (theo lối hiểu của người dân Ba-lan và nhân loại ngày nay). Một chủ trương lấy lịch sử và thực tế khách quan làm nền tảng để qui chiếu và hành động như lý thuyết và chế độ CS không thể nào biện minh được trước những sự kiện lịch sử trái ngược này.

- ***Một quan niệm dân chủ quá bất cập***

Đề cao giá trị lao động, với ước mơ xây dựng một xã hội bình đẳng, tự chúng là những giá trị, những ý hướng tích cực và tốt đẹp. Nhưng gián lược toàn thể phẩm giá con người vào khuôn khổ lao động - sản xuất - tiêu thụ, cũng như dựa vào tiêu chuẩn thuần vật chất đó để định chuẩn cách xử sự của con người và cộng đồng xã hội, thì chủ trương đó quá bất cập. *Con người không chỉ sống bởi bánh mì thôi !...*

Thật thế, không cần phải suy tư quá cao siêu để có thể ý thức được rằng quan điểm dân chủ gò bó trong khuôn khổ thuần kinh tế (làm chủ lấy các phương

tiện sản xuất, bố trí lao động cũng như phân phối các sản phẩm tiêu thụ) là một chủ trương què quặt.

Và nếu tiêu chuẩn lao động - kinh tế không đủ để thiết định hết toàn bộ nội dung phẩm chất của dân chủ, thì số lượng người lao động đông đảo cũng không phải là tiêu chuẩn thiết yếu và nền tảng cho dân chủ.

Các thể chế dân chủ (ngoài CS) vẫn dựa vào số lượng, nghĩa là dựa vào đa số thành phần cấu tạo nên một cộng đồng để có những quyết định điều hành cộng đồng ấy. Nhưng quan niệm về số lượng của hai bên dựa trên những nền tảng văn hoá hoàn toàn khác biệt.

Thật vậy, ý thức hệ CS có hai nội dung khác nhau về người: Người như Nhân-loại, một ý tưởng rất trừu tượng hiểu như Một-toàn-thể, mà tất cả các giá trị từ đó phát sinh và qui về đó; và người cũng là con người cụ thể, không có giá trị tự nó, không có thể nào "độc lập, tự do" đi lạc ra ngoài vận hành của ý niệm Nhân loại.

Bấy giờ chúng ta hiểu được tại sao các cuộc bầu cử trong bất kỳ một chế độ CS nào đều chỉ có nghĩa là tuyên dương một quyết định của Đảng, được hiểu là hiện thân ý chí của ý tưởng Nhân loại xét như một Con- người -Tập- thể. Và các cuộc biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, hay bất cứ sinh hoạt nào khác cũng nằm trong khuôn khổ lý luận này: những cuộc diễu hành đồng bộ rợp trời, ca nhạc đồng điệu...

Số lượng trong ý thức hệ CS không phải là dấu chỉ của sự chọn lựa, ưng thuận trong tự do, độc lập của mỗi người kết dệt thành cộng đồng như quan niệm dân chủ truyền thống chủ trương. Nhưng là

một ý niệm trừu tượng có sẵn hàm ngụ trong con người Tập-thể và Toàn-thể mà đảng CS độc quyền sử dụng.

Qua lối lý luận kỳ lạ này, ý thức hệ CS không thấy có gì nghịch thường và quái lý khi gắn liền chuyên chính của đảng CS và dân chủ (được hiểu như tập thể hay toàn thể trong ý niệm về Người = Nhân loại).

Dân chủ trong các chế độ chính trị (ngoài chế độ CS) mặc nhiên coi con người tự do, tự chủ là trọng tâm. Và chính sự tự do, tự chủ của mỗi cá nhân là điều kiện nền tảng thiết yếu để một cộng đồng xã hội được phát sinh và phát triển đúng theo phẩm giá đặc loại của bản tính con người toàn diện, mà tất cả các chiều kích: thân xác, tâm lý, xã hội, tinh thần và cuộc sống siêu nhiên, phải được tôn trọng. Chế độ dân chủ theo nghĩa truyền thống này được xem là phương cách thực hiện sự thuận ý của các cá nhân làm nên cộng đồng. Chế độ ấy, mặc dù còn thiếu sót nhiều mặt, luôn bị những quyền lực bất nhân lạm dụng, đôi lúc còn làm cho ý nghĩa dân chủ nguyên sơ mất ý nghĩa, nhưng nói như Winston Churchill chế độ dân chủ là chế độ ít bất nhân nhất mà nhân loại hôm nay có thể áp dụng. Câu nói đó nhắc nhở rằng tự nó dân chủ không phải là một bản chất vĩnh viễn, một trong những ý tưởng tuyệt đối, ảo tưởng mà các ý thức hệ bày vẽ ra; nhưng là một kỹ thuật điều hành xã hội thích hợp nhất hiện nay, trong khung cảnh văn hóa nhân loại ở các thế kỷ hiện đại, để thực thi sự thuận ý của những con người bằng xương bằng thịt làm nên cộng đồng. Giá trị nền tảng, thiết yếu, vĩnh viễn là phẩm giá con người cụ thể, mỗi người bất kỳ ai, mỗi con người tự chủ và tự do; nhân phẩm đó cao hơn bất cứ một sự đánh giá, định

chuẩn nào của mỗi một triết thuyết, của một nền văn hóa bất cứ vào thời đại nào.

Do ý thức mặc nhiên đi kèm với quan niệm dân chủ như thế (khác với dân chủ mác-xít), một số phong cách dân chủ đương nhiên phải được triển khai: khiêm tốn; nhìn nhận những giới hạn của mình và tôn trọng ý kiến của người kẻ cả những người khác chính kiến và trong thành phần thiểu số; tinh thần tương dung vượt lên trên những lập trường độc đoán, tự tôn, quá khích, bài ngoại; cổ võ và tạo thuận lợi cho những đổi thay nhân sự, cách tổ chức bộ máy công quyền; phát triển giáo dục và truyền thông để huy động sự tham gia thiết thực của mỗi người vào việc quyết định và sinh hoạt cộng đồng; cụ thể hơn cả xét về mặt chính trị là cổ võ và chấp nhận đương nhiên tính đa nguyên chính trị.

2- Dân chủ, một thể chế ngoại lai ?

Sau bao nhiêu năm nhục nhằn dưới sự khống chế của các cường quốc Tây phương, dấu tích khổ đau đương nhiên còn ghi khắc đây đó trong tâm tình, ngôn ngữ của chúng ta. Chữ "ngoại lai" tương quan với các biến cố lịch sử này như một cái gì "căn đế xấu xa". Đây đó người ta chê trách, lối tư duy, cách sống, chế độ chính trị này khác là ngoại lai, có nghĩa là hoàn toàn phản lại dân tộc mình, hoặc hàm ngụ nhiều nội dung tiêu cực khác.

Kỳ thực, tự bản chất của văn hóa, và ngay cả trong truyền thống văn hóa Việt Nam, chúng ta bình tĩnh để chân nhận rằng tinh hoa nếp sống văn hóa không phải là xung đột nhưng là trao đổi, thấu hóa giữa cuộc sống văn hoá chúng ta và các nền văn hóa khác. Chúng ta không có mặc cảm ngại ngùng gì khi

nói văn hoá Việt Nam thâm hóa và phát triển ba luồng tư tưởng Khổng, Lão, Phật, và sau này tư tưởng Kitô giáo và văn minh Tây phương. Nếu ngoại lai được hiểu là xa lạ với nhân tính chân thật, hay đi ngược lại với nhân tính theo truyền thống xác quyết con người là *linh u vạn vật*, thì "ngoại lai" ở đây phải dựa trên tiêu chuẩn nhân phẩm, nhân tính của mọi con người, ở mọi nơi, trong mọi nước, chứ không dựa trên tiêu chuẩn là dân tộc Việt Nam hay không phải là dân tộc Việt Nam.

(Trong câu chuyện Họ Hồng Bàng dựng nước, mà hôm nay mọi người Việt đều biết đến và mến chuộng, chúng ta đọc được sứ điệp văn hóa ở đây qua biểu tượng của các thành ngữ Hồng và Bàng. *Hồng là cao cả, to lớn, và Bàng là bao phủ khắp hết*. Hồng Bàng ấy làm sao cao cả, làm sao bao khắp nếu không ôm hết toàn nhân loại vào trong bào thai chung của một mẹ! Chủ trương dân tộc tự tôn, tự mãn, đóng kín quá khích không có nghĩa là phản ảnh tình tự yêu quê hương, yêu mến đồng bào hay tiếp nối được tinh hoa truyền thống văn hóa Việt Nam. Sau kinh nghiệm CS ,sau kinh nghiệm quốc gia quá khích (quốc xã), cần phải can đảm chân nhận những chủ trương tiêu cực đó như một trang sử đau thương của nhân loại cần vượt qua).

Gần đây, trong đầu thập niên 90 khi có những thay đổi dân chủ ở các nước Đông-Âu, một số nước tại Á châu còn nặng thể chế độc quyền e ngại. Một số vị lãnh đạo tự biện minh cho lối điều hành quốc sự của mình đã nêu lên rằng: thể chế dân chủ Tây-phương chỉ có thể áp dụng trong vùng văn hóa Tây-phương, và không thể áp dụng cho các xứ khác.

Chúng ta nêu lên hai điểm: dựa trên kinh nghiệm lịch sử và dựa trên phương thức áp dụng:

- **Về kinh nghiệm lịch sử**, ngay giữa lòng Âu-châu là nơi phát xuất các cuộc cách mạng dân chủ, trong một thời gian rất lâu, giáo quyền Công giáo cũng không thể quan niệm được rằng, thể chế dân chủ có thể ứng dụng hữu hiệu để điều hành xã hội một cách tốt đẹp²¹. Thế nhưng trong thế kỷ 20 vừa qua, Giáo-hội ấy đã là một trong những tác nhân cổ vũ cho dân chủ; và thực tế các nước ảnh hưởng văn hóa Kitô giáo đã ứng dụng đúng đắn thể chế dân chủ này.

Mặc dù có rất nhiều dị biệt văn hóa và phương cách biểu lộ, Tây-phương và Đông Nam-Á (ĐNÁ) cũng có nhiều tương đồng về quan điểm xây dựng tổ chức cộng đồng trước khi có cuộc cách mạng dân chủ. Tây-phương cũng có những đế quốc, chế độ phong kiến, các định chế quốc gia, các thể chế quân chủ... Họ đã không nại đến một truyền thống biện minh cho sự chính đáng của thể chế quân chủ trước đó để chặn đứng bước tiến của lịch sử. Thử hỏi, vùng ĐNÁ nhân danh truyền thống nào để tiếp nhận các kỹ thuật khoa học và ngay cả các ý thức hệ như CS, và loại trừ tinh thần và thể chế dân chủ hiện nay?

- **Việc áp dụng chế độ dân chủ** đã từng được thực hiện một cách uyển chuyển ngay tại từng nước, từng vùng, từng thời kỳ lịch sử khác nhau với những mô thức khác nhau. Nhưng đằng sau những chính

²¹ Xem *Nhân-quyền và Giáo-hội*, Tài liệu của *Hội-đồng Giáo-hoàng "Công-lý và Hòa-bình"* - Bản dịch Việt ngữ, Định Hướng, xb. 1999.

thể dân chủ dị biệt, luôn luôn có những yếu tố căn bản làm mẫu số chung, đó là tinh thần dân chủ, nghĩa là sự tôn trọng nhân phẩm, tự do, dân chủ, bình đẳng của mỗi thành phần làm nên cộng đồng và các định chế bảo đảm cho tinh thần dân chủ tồn tại và phát triển. Một số các vị lãnh đạo tại vùng Đông Nam-Á đã hiểu chế độ dân chủ trong khuôn khổ nào đây để bài bác chế độ dân chủ đang được thế giới áp dụng và cổ võ thiên nay? Việc bài xích này sẽ mặc nhiên chối bỏ giá trị của tinh thần dân chủ, việc tôn trọng nhân phẩm và quyền tự do, bình đẳng của mỗi người dân, cũng như một số định chế đương nhiên phải đi kèm, như việc phổ thông bầu phiếu, tính cách đa nguyên trong chính trị, phát triển văn hóa giáo dục, điều kiện để người dân tự quyết định thay đổi giới lãnh đạo...²², hay chỉ muốn nói đến một thể chế dân chủ nhất định nào đó của một nước Tây-phương?

"Đồng qui như thù đồ", tính tương cận, tập tương viễn", những khác biệt về ứng dụng và diễn tả các nội dung văn hóa, không có nghĩa là tự căn có những chân lý khác nhau trong phần tinh hoa của các nền văn hóa nhân loại. Tinh thần dân chủ không phát sinh từ một sáng kiến của một thời đại, nhưng bắt nguồn và xây dựng trên việc nhìn nhận nhân phẩm và tự do của mọi người. Truyền thống văn hóa ĐNÁ, truyền thống một dân tộc nào tại đây, trong đó có Việt Nam, không thể nhân danh một tập tục, cơ chế của quá khứ để phi bác tinh thần dân chủ, nghĩa là việc tôn trọng phẩm giá của mỗi con người.

²² Xem Phụ-đính A.

Còn nếu phi bác chế độ dân chủ dựa vào một mô thức cá biệt của một nước, một giai đoạn lịch sử nào đó, thì lời phát biểu này như không cần biết đến việc ứng dụng một cách nghệ thuật, uyển chuyển các định chế dân chủ mà các nước trên thế giới (mỗi nước có những quá khứ lịch sử, những tập quán, những nếp văn minh riêng) đã thực hiện.

3- Dân chủ và văn hóa

Tuy nhiên, lời phát biểu bất cập này của các nhà lãnh đạo ĐNÁ nhắc nhở chúng ta rằng, nói đến dân chủ, đòi hỏi và thực thi dân chủ không phải chỉ là vấn đề kỹ thuật điều hành thuộc lãnh vực chính trị. Cố võ và xây dựng dân chủ không phải là nhập cảng hay đúc ráp một máy bơm mới hay chế tạo một chiếc xe hơi. Dân chủ trước hết phải được xây dựng trên văn hóa.

- Không cắm sâu vào bề sâu văn hóa để nhận chân được giá trị nhân phẩm của mỗi người, thì thể chế dân chủ chỉ là một trò bịp. Phương thức đồng thuận, ủy quyền dựa vào đa số trong chế độ dân chủ là con dao hai lưỡi: hơn bao giờ hết các quyền lực phe nhóm có thể tận dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, các kỹ xảo vận động tâm lý quần chúng... để nắm lấy vận mệnh của cộng đồng bất chấp ước vọng của người dân.

- Một nền dân chủ thật sự đòi hỏi giáo dục về văn hóa để mỗi một người dân có thể sử dụng hữu hiệu quyền tự do của mình. Làm sao người dân tham gia được vào việc điều hành cộng đồng khi hiểu biết về mọi mặt còn quá sơ đẳng? Câu châm ngôn từ xưa nay vẫn còn nói "*dân nào thì vua đó*"; do đó, dân chủ không thể tách rời khỏi dân trí. Vào

đầu thế kỷ 20, các nhà cách mạng của chúng ta đã am tường điểm này khi đề xuất các phong trào phát triển dân trí để sớm thực hiện dân chủ.

- Và cuối cùng văn hóa gắn liền cho dân chủ, khi bước nhập môn của bất cứ nền văn hóa nào cũng nhắc nhở : "*hãy tự biết mình và sửa mình*". Dân chủ không phải chỉ là đòi hỏi kẻ khác phải thực thi các bổn phận đáp ứng với quyền lợi của mình. Dân chủ còn là ý thức bổn phận của mình, của nhà mình, của đảng mình, của nước mình đối với kẻ khác.

Bên cạnh nỗ lực chính trị, đấu tranh để có ngay một cơ chế dân chủ cho Việt Nam, cần thiết và tích cực hơn nữa là thực hiện dân chủ trong khuôn khổ nhà mình. Vì mọi người chúng ta đều biết : *không ai cho điều mình không có.*

Phụ-đính

A- Một lối định nghĩa "dân chủ" có tính cách phổ thông

- *Dân chủ* : nguyên tự của tiếng gốc Hy Lạp:

démocratie - demos = dân; kratos : quyền hành

Thế chế dân chủ : chính quyền của dân do dân; chủ quyền của nhân dân.

* Nội dung tóm gọn của các bộ tự điển

Theo nghĩa hẹp, dân chủ là việc hành xử (trực tiếp hoặc gián tiếp) quyền hành xã hội do nhân dân.

Lẽ lối tổ chức chính trị này mặc nhiên đi đôi với một cộng đồng xã hội (quốc gia, hoặc liên quốc gia, hay quốc tế) trong đó mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và có những quyền hạn y như nhau. Những quyền lợi cá biệt dành cho một số công dân phải được các thành phần xã hội chuẩn nhận (mình nhiên hoặc mặc nhiên), vì trách vụ hoặc bổn phận đặc biệt; nhưng mọi công dân không phân biệt đều có thể được ủy thác những quyền hạn này: mọi người dân đều có thể tham gia vào các chức năng điều hành cộng đồng; không một điều luật, một thói quen hay một lối xử sự nào ngăn cản tận căn khả năng tham gia vào các trách vụ xã hội của mọi người dân, hoặc thiết định một lớp người cai trị và một lớp người bị trị riêng biệt.

Thế chế dân chủ tất yếu phải thực hiện và phát triển một số định chế tương hợp:

Mọi nền dân chủ phải chống lại các hình thức nô lệ. Người công dân cần được hỗ trợ để tài bồi cuộc sống tinh thần và đạo đức, có đủ khả năng để thực thi một cách hữu hiệu và trách nhiệm các phần vụ được cộng đồng trao phó.

Do đó, một nước dân chủ có bốn phận phải thực hiện các định chế cần thiết :

1- Các cơ sở đào tạo và giáo dục.

2- Các cơ sở xã hội và liên đới, nhằm xóa giảm các ngăn cách xã hội ngược lại với đòi hỏi về bình đẳng của mọi công dân.

3- Hình thức chính quyền dân chủ, nghĩa là lễ lối tổ chức cộng hòa và phổ thông bầu phiếu.

4- Cổ súy tinh thần dân chủ, phát triển văn hóa dân chủ. Đây là điều kiện quan trọng hơn cả cơ cấu tổ chức nhất thời nào đó. Vì không thấm nhuần tinh thần dân chủ và phát triển văn hóa dân chủ, thì người ta có thể nhân danh đa số hoặc nhân danh một ít chiêu bài ý hệ nhất thời, lạm dụng các phương tiện truyền thông các lễ lối tổ chức dân chủ, để lừa bịp dư luận, dấy lên một loại bạo quyền ghê rợn hơn các thể chế "Thần quyền, quân chủ, độc tài..." trước đây.

B- Dân chủ và nhân quyền trong xã hội hiện nay

Quyền tham gia

Mọi công dân có quyền tham gia vào đời sống cộng đồng: đó là xác tín được mọi người chia sẻ. Tuy vậy, quyền đó không còn nghĩa gì khi tiến trình dân chủ mất hết sức năng động của nó do

nạn phe phái và các hiện tượng tham nhũng không những chúng ngăn cản việc tham gia chính đáng vào việc hành xử chính quyền, mà còn chặn đứng việc sử dụng một cách công bằng các tiện ích và phục vụ công cộng ngay cả các cuộc bầu cử cũng có thể bị tráo trở để tạo phần thắng riêng cho một số đảng phái hoặc một số người. Đây là làm tổn thương cho dân chủ, đưa đến những hậu quả gia trọng. Người công dân không những có quyền mà còn có bổn phận tham gia; khi họ bị ngăn cản không thực hiện được quyền và bổn phận này, thì họ mất đi hy vọng có thể can thiệp một cách hữu hiệu và đi vào tình trạng thờ ơ thụ động. Việc phát triển một hệ thống dân chủ lành mạnh bây giờ trở nên bắt cấp thực sự.

Gần đây, nhiều biện pháp khác nhau được áp dụng để thực hiện những cuộc bầu cử chính đáng trong các nước đã gian khổ, cố gắng vất bỏ chế độ độc tài chuyên chế bước qua một chế độ dân chủ. Hẳn nhiên, những nỗ lực đó hữu ích và hữu hiệu trong những hoàn cảnh khẩn trương; nhưng còn phải đem lại cho tâm thức người công dân toàn bộ niềm tin tưởng thành thật có sức đẩy lui một cách dứt khoát các lối thủ thuật gian trá trong phương thức áp dụng tiến trình dân chủ.

Trong khuôn khổ cộng đồng quốc tế, các nước và các dân tộc có quyền tham gia những quyết định thường thay đổi sâu xa nếp sống của họ. Tính cách chuyên môn có tính cách kỹ thuật của một số vấn đề kinh tế tạo cho người ta có khuynh hướng chỉ bàn thảo lãnh vực này trong các nhóm giới hạn; nguy cơ ở đây là tập trung quyền chính trị và tài chánh vào tay của một số chính phủ hoặc nhóm quyền lợi hạn chế. Việc tìm kiếm công ích trên bình diện quốc gia và quốc tế đòi hỏi phải thực thi rõ rệt quyền của mọi

người được tham gia vào các quyền quyết định liên quan đến họ, ngay cả trong lãnh vực kinh tế.

(Trích Sứ-điệp của Đức Giáo-hoàng Gioan Phaolô II, nhân ngày Hoà-bình Thế-giới ngày mùng một tháng giêng năm 1999 "Bí quyết Hòa-bình ..." - Bản dịch Đình Hương)

C. Dân chủ theo cái nhìn của Học-thuyết Xã-hội Công-giáo

I- Sứ điệp Phúc âm và đời sống xã hội

Với tư cách là chuyên viên về nhân tính, Giáo-hội công giáo qua Học-thuyết Xã -hội của mình công hiến toàn bộ những nguyên tắc suy tư và tiêu chuẩn phán đoán²³ cũng như những chỉ dẫn hành động²⁴ để nhằm đưa đến những thay đổi sâu xa trước các hoàn cảnh khốn cùng và bất công, phục vụ lợi ích chân thật của mọi người.

Những nguyên tắc cơ bản

^{73.} *Điều răn tối thượng của tình yêu dẫn đến việc nhìn nhận một cách đầy đủ phẩm giá của mỗi con người, được tác tạo giống hình ảnh Thiên Chúa. Những quyền lợi và bổn phận tự nhiên phát sinh từ phẩm giá đó. Trong ánh sáng của chân lý, con người là hình ảnh Thiên Chúa, sự tự do là giá trị tối thượng thiết yếu của nhân vị được khai mở trong tất cả chiều*

²³ **Phaolô VI** - *Tông Thư Octogesima Adveniens số 4*; **Gioan-Phaolô II**- *Diễn văn khai mạc Puebla III, 7.*

²⁴ **Gioan XXIII** - *Thông điệp Mater et Magistra số 235*

kích sâu xa của nó. Các nhân vị là hữu thể tích cực và trách nhiệm của cuộc sống xã hội²⁵.

Nguyên tắc về liên đới (*principe de solidarité*) và nguyên tắc về ủy nhiệm (*principe de subsidiarité*) liên hệ mật thiết với nền tảng này, tức là nhân phẩm.

Nguyên tắc đầu thúc đẩy con người cộng tác với kẻ khác để phục vụ công ích xã hội, ở mọi cấp độ và địa hạt²⁶. Từ đó ta thấy học thuyết của Giáo-hội chống lại tất cả các hình thức cá nhân chủ nghĩa trong các lý thuyết xã hội và chính trị.

Nguyên tắc thứ hai cho thấy quốc gia cũng như xã hội không bao giờ có thể thay thế được sáng kiến và trách nhiệm của cá nhân hoặc các đoàn thể trung gian trong các phạm vi sinh hoạt mà họ có thể hành động, cũng như không thể phá bỏ môi trường và điều kiện cần thiết để họ thực thi quyền tự do của mình²⁷. Từ đó ta thấy, học thuyết xã hội của Giáo-hội chống lại tất cả các hình thức chủ nghĩa tập thể hóa.

Những tiêu chuẩn phán đoán

⁷⁴. Những nguyên lý này đặt nền tảng cho các tiêu chuẩn để phán đoán khi đối diện với các hoàn cảnh, các cơ cấu và hệ thống xã hội.

Vì vậy Giáo-hội không ngần ngại lên tiếng tố giác những hoàn cảnh của đời sống xúc phạm đến nhân phẩm và tự do con người.

²⁵ HC. *Gaudium et Spes*, số 25.

²⁶ Gioan XXIII - Thông điệp *Mater et Magistra* số 132-133.

²⁷ Piô XI - Thông điệp *Quadragesimo Anno* số 79-80; Gioan XXIII - *Thông-điệp Mater et Magistra* số 138 ; *Tđ Pacem in Terris* số 74.

Những tiêu chuẩn này cũng giúp ta đánh giá các cơ cấu. Cơ cấu là toàn bộ các định chế và ứng dụng mà người ta chấp nhận hoặc tạo ra trên bình diện quốc gia và quốc tế để hướng dẫn hoặc tổ chức đời sống kinh tế, xã hội và chính trị. Tự bản chất cơ cấu cần thiết cho đời sống xã hội, nhưng thường chúng có khuynh hướng đóng khung cứng ngắt và trở thành những bộ máy mù quáng hầu như độc lập với ý chí con người, làm tê liệt hoặc làm suy đồi công cuộc phát triển xã hội, tạo ra bất công. Tuy nhiên con người luôn có khả năng và trách nhiệm để thay đổi các chế độ đó, chứ không phải nhìn các cơ chế đó như là một hình thức biểu lộ của *một thứ tất định chủ nghĩa về lịch sử*.

Các định chế và luật lệ, một khi thích ứng với luật tự nhiên và hướng đến công ích, lại là những bảo đảm cho tự do của nhân vị và làm cho sự tự do đó được triển nở. Người ta không thể cứ lên án các bình diện chế tài của luật pháp, cũng như sự ổn định của chính phủ xúng hợp với chức phận của mình. Do đó, ta có thể nói đến cơ chế ghi khắc dấu tích của tội lỗi, nhưng không thể lên án các cơ chế một cách chung.

Các tiêu chuẩn phán đoán cũng liên quan đến các hệ thống kinh tế, xã hội và chính trị. *Học thuyết xã hội của Giáo-hội không đề xuất một hệ thống cá biệt nào, nhưng dưới ánh sáng của các nguyên tắc nền tảng, trước hết nó giúp ta thấy được trong mức độ nào các hệ thống hiện hành thích hợp hay không thích hợp đối với những đòi hỏi của nhân phẩm.*

Nhân vị có ưu thế trên các cơ chế

75. Hẳn nhiên, Giáo-hội ý thức được sự phức tạp của các vấn đề mà xã hội phải đương đầu và những khó khăn để tìm ra những giải pháp thích hợp. Tuy nhiên Giáo-hội nghĩ rằng trước hết cần kêu gọi đến những khả năng siêu nhiên và đạo lý của con người cũng như sự canh tân trường kỳ cuộc sống nội tâm nếu muốn có được những thay đổi về kinh tế và xã hội thực sự phục vụ con người.

Việc ưu tiên đề cao các cơ cấu và tổ chức kỹ thuật, coi thường nhân vị và các đòi hỏi của nhân phẩm là lối phát biểu của một nền nhân học duy vật đi trái với việc xây dựng một trật tự xã hội công bằng²⁸.

Tuy nhiên, việc ưu tiên nhìn nhận sự tự do và hoán cải nội tâm không loại bỏ sự cần thiết phải xúc tiến công cuộc thay đổi các cơ chế bất công. *Vì thế những ai chịu đựng sự áp bức do quyền lực của tiền tài hoặc chính trị có quyền hành động để có được những cơ cấu và định chế biết tôn trọng những quyền lợi của mình, bằng những phương thức mà đạo đức cho phép, việc đó hoàn toàn chính đáng.*

Nhưng phải hiểu rằng các cơ chế được thành lập nhằm phục vụ lợi ích con người, tự chúng một mình không có đủ khả năng để đem lại mục tiêu mong muốn, cũng như không thể bảo đảm việc thực thi đúng mức. Trong một vài nước, nạn tham nhũng nơi kẻ cầm quyền, nạn quan liêu cậy quyền phá tán đời sống lành mạnh của xã hội là một bằng chứng. Đạo đức xã hội bây giờ là điều kiện cho sức khoẻ của xã hội. Do vậy, cần có sự hồi cải, canh tân tâm hồn con người đồng thời với việc cải tiến các cơ chế, bởi vì tội lỗi là căn nguyên tạo ra các hoàn cảnh bất công,

28 Phaolô VI - Tông Huấn Evangelii Nuntiandi số 18; Huấn Thị Libertatis Nuntius XI, 9.

là hành vi của ý chí phát xuất từ tự do của con người; đây là ý nghĩa nguyên thủy và thật sự của tội lỗi. Chỉ vì tội lỗi tràn vào cơ chế, bấy giờ nó mang một ý nghĩa phụ thuộc và gián tiếp, nên ta có thể gọi hiện tượng đó là "tội lỗi xã hội"²⁹.

Ngoài ra trong tiến trình giải phóng, ta không thể bỏ quên hoàn cảnh lịch sử của đất nước dân tộc và bản sắc văn hóa của nó. Nên ta không thể thụ động chấp nhận và lại càng không thể nỗ lực hỗ trợ các nhóm người chiếm đoạt bộ máy nhà nước bằng vũ lực hoặc đánh lừa dư luận, áp đặt trên các nước một ý hệ xa lạ đi ngược lại các giá trị văn hóa chân thật của dân tộc mình³⁰. Về điểm này, cần nhắc nhở trách nhiệm nặng nề của giới trí thức trên bình diện đạo lý và chính trị.

Những chỉ dẫn hành động

76. Những nguyên lý căn bản và những tiêu chuẩn phán đoán soi dẫn các chỉ dẫn hành động: bởi vì công ích của xã hội loài người nhằm phục vụ con người cụ thể, các phương thể hành động phải xứng hợp với nhân phẩm con người và xúc tiến việc giáo dục về tự do. Đó là một tiêu chuẩn phán đoán và hành động chắc chắn. *Không thể có được giải phóng nếu ngay từ đầu các quyền tự do không được tôn trọng.*

Cần tố cáo ảo tưởng đem lại bao tàn phá mở đường cho nhiều hình thức vong nô, ảo tưởng dựa vào bạo lực một cách qui mô được trình bày như là

29 Gioan-Phaolô II - Tông Huấn *Reconciliatio et Poenitentia* số 16.

30 Phaolô VI - Tông Thư *Octagesima Adveniens* số 25.

con đường tất yếu phải đi để hướng đến công cuộc giải phóng. Ta cũng phải tố cáo quyết liệt không kém đối với bạo lực do những kẻ lăm tiền nhiều của đang đè bẹp kẻ nghèo khổ, việc sử dụng bộ máy cảnh sát công an một cách hồ đồ, cũng như tất cả các hình thức bạo lực phát xuất từ hệ thống quyền hành độc tôn của nhà nước. Trong các lãnh vực này, cần rút tĩa những bài học của các kinh nghiệm tang thương mà con người đã phải gánh chịu và còn chứng kiến trong lịch sử của thế kỷ này. Ta cũng không thể chấp nhận thái độ thụ động đồng lõa với tội lỗi của các chính quyền trong một số các cơ chế dân chủ, vì tại các xứ này một số lớn đang sống trong những điều kiện khó mà nói được là thích hợp với những đòi hỏi về nhân quyền, cá nhân cũng như xã hội đã từng được ghi trong hiến pháp của họ.

Một cuộc đấu tranh cho công lý

⁷⁷. Khi hỗ trợ việc thành lập và đẩy mạnh sinh hoạt các hội đoàn, cũng như các công đoàn để đấu tranh bảo vệ các quyền hạn và lợi ích chính đáng của giới lao động và xây dựng công lý xã hội, không phải như thế là Giáo-hội chấp nhận lý thuyết chủ trương lấy đấu tranh giai cấp làm đòn bẩy tạo ra cơ cấu cho cuộc sống xã hội. Hành động mà Giáo-hội chủ xướng không phải là cuộc đấu tranh của giai cấp này chống lại giai cấp khác nhằm mục tiêu diệt kẻ đối phương; hành động đó không phát xuất từ thái độ buông xuôi trước cái mà người ta hiểu là luật tất yếu của lịch sử. Nhưng nó là một cuộc đấu tranh cao cả và có suy xét nhằm kiến tạo sự công bằng và liên

đổi xã hội³¹. Người Kitô hữu luôn yêu chuộng đường lối đối thoại và bàn luận với nhau.

Chúa Kitô đã ban cho chúng ta điều răn yêu mến kẻ thù của chúng ta³². Sự giải phóng trong tinh thần của Phúc-âm không thể cùng đi với sự hận thù kẻ khác, dù cá nhân hay tập thể, ngay cả sự thù hận kẻ tình địch của mình.

Huyền thoại cách mạng

⁷⁸. Những hoàn cảnh bất công trầm trọng cần đến những thay đổi sâu xa và can cường, xóa bỏ những đặc ân không thể nào biện minh được. Nhưng ai không tín nhiệm vào con đường cải cách để chủ xướng một huyền thoại cách mạng không những người đó nuôi ảo vọng về một sự thay đổi ngoạn mục chỉ cần dẹp bỏ một tình trạng bất công này là có ngay một xã hội đầy nhân tính hơn, mà còn tiếp tay tạo ra những chế độ độc tài³³. Đấu tranh chống những hình thức bất công chỉ có nghĩa khi nó hướng đến việc thiết lập một trật tự xã hội chính trị mới thích hợp với các đòi hỏi của công lý. Ngay từ đầu công lý đã phải có mặt trong các giai đoạn thành lập. Nói cách khác, có một nền đạo lý trong việc sử dụng các phương tiện³⁴.

31 Gioan Phaolô II - Thông-điệp *Laborem Exercens* số 20 ; Huấn thị *Libertatis Nuntius* VII, 8.

32 Mt. 5, 44; c 6, 27-28, 35.

33 Huấn thị *Libertatis Nuntius* XI, 10.

34 Tài liệu Puebla các số 533-534 ; Gioan-Phaolô II - Bài giảng tại Drogheda 30-9-79.

Giải pháp tối hậu

^{79.} *Những nguyên tắc đó phải đặc biệt áp dụng trong trường hợp tối hậu cần đến đấu tranh võ trang, mà giáo huấn Giáo-hội định chuẩn như là phương thức cuối cùng nhằm chấm dứt " một sự độc tài tàn bạo hiển nhiên và kéo dài, vi phạm một cách trầm trọng các quyền căn bản của con người và làm tổn hại nặng nề công ích của một xứ sở" ³⁵. Dù sao việc áp dụng cụ thể phương thế này chỉ có thể đặt ra sau khi đã phân tích thật kỹ lưỡng tình hình. Thật ra, với sự phát triển liên tục các kỹ thuật được sử dụng và vì các mối nguy hiểm quá trầm trọng khi phải nại đến vũ lực, ngày nay việc mà người ta quen gọi là "chống đối bất bạo động" mở ra một đường lối thích ứng với các nguyên tắc luân lý và không kém phần kiên hiệu.*

Không bao giờ ta có thể chấp nhận, từ phía kẻ cầm quyền cũng như người chống đối, việc sử dụng các phương tiện gây tội ác, như giết hại dân chúng, tra tấn, các phương pháp khủng bố và âm mưu giết hại người khác trong các cuộc biểu tình của quần chúng. Những chiến dịch bị ồ ạt nhằm bôi nhọ, hủy hoại thân xác hay tổn hại đến tinh thần của bất cứ ai đều không thể nào chấp nhận được.

Vai trò giáo dân

^{80.} *Những vị chăn dắt Giáo-hội không nên trực tiếp can thiệp vào việc xây dựng chính trị và tổ chức đời sống xã hội. Phận vụ đó thuộc về ơn gọi*

35 Phaolô VI - Thông-điệp *Populorum Progressio* số 31; Piô XI Thông-điệp *Nos es mui conocida*, 208-209.

của giáo dân. Họ cần hành động theo sáng kiến riêng của mình cùng với đồng bào của họ ³⁶. Họ phải hoàn thành phận vụ này, ý thức rằng cứu cánh của Giáo-hội là phổ biến Nước Chúa Kitô để tất cả mọi người được thật sự xếp đặt theo tinh thần của Chúa Kitô ³⁷.

Như thế công cuộc cứu độ gắn chặt với phận vụ cải tiến và nâng cao các điều kiện sinh hoạt của con người trần thế.

Sự phân biệt giữa trật tự siêu nhiên của ơn cứu độ và trật tự trần thế của sinh hoạt con người phải được nhìn từ bên trong ý định duy nhất của Thiên Chúa, là qui kết mọi sự vào Chúa Kitô. Vì vậy, trong mọi địa hạt đạo đời, người giáo dân, vừa là tín hữu vừa là công dân phải luôn được hướng dẫn bởi ý thức Kitô giáo ³⁸.

Hành động xã hội hàm ngụ có nhiều giải pháp cụ thể nhưng luôn nhắm đến công ích và thích hợp với sứ điệp của Phúc âm và giáo huấn của Giáo-hội. Phải hành động thế nào để sự khác biệt về quan điểm không làm hại đến ý nghĩa của sự hợp tác, và tạo ra tình trạng tê liệt không thể sinh hoạt hoặc hoang mang bất động trong cộng đồng người Kitô hữu.

Sự hướng dẫn của Giáo-hội qua học thuyết xã hội phải gây hứng khởi để sở đắc các kiến thức kỹ thuật và khoa học cần thiết. Nó cũng phải giúp ta trau dồi tư cách đạo đức và đào sâu đời sống siêu nhiên. Khi công hiến các nguyên tắc và lời

³⁶ HC. *Gaudium et Spes* số 76-3; *SL. Apostolicam Actuositatem* số 7.

³⁷ *Tlđđ*, số 20.

³⁸ *Tlđđ*, số 5.

khuyên bảo đạo đức, học thuyết này không vì thế mà quên đi việc giáo dục cần thiết để có được sự cần trọng trong chính trị rất cần cho việc cai trị và quản lý các thực tại của đời sống con người.

Những đòi hỏi của Phúc-âm về việc thay đổi sâu xa

Cần thiết phải có sự thay đổi về văn hóa

⁸¹. Ngày nay hơn bao giờ hết, Kitô hữu đang chứng kiến sự thách đố phải cố sự tâm thực hiện nền văn minh tình thương, tóm kết tất cả gia sản văn hóa đạo đức của Phúc-âm. Phận vụ đó đòi hỏi cần phải suy tư lại mối tương quan giữa điều răn tối thượng về tình yêu với trật tự xã hội cũng như tất cả các nét phức tạp của nó.

Cùng đích trực tiếp của sâu xa đó là việc kiến tạo thực thi các chương trình hành động táo bạo nhằm giải phóng từng triệu con người đang bị khống chế bởi hoàn cảnh áp bức về kinh tế, xã hội và chính trị không thể chịu đựng nổi.

Hành động đó phải bắt đầu bằng một nỗ lực giáo dục thật qui mô, lớn lao: Giáo dục để thích ứng với nền văn minh lao động, giáo dục hướng đến liên đới, làm sao mọi người cập nhật nội dung của văn hóa.

(Trích trong Tự-do Kitô-giáo và Giải-phóng - Huấn thị của Thánh-bộ Đức-tin

Định Hướng Tòng-thư xuất bản, 1993, tr. 100-108)

Phụ Trương

Phụ trương A

Phân cách Đạo và Đời ! ³⁹

Tháng 12 năm 2005, nước Pháp kỷ niệm một trăm năm đạo luật phân cách hai quyền bính tôn giáo và dân sự trong cuộc sống của xã hội nước cộng hòa của mình. Đạo luật đó như một dấu chứng lịch sử của những giằng co quyền lực trong một quốc gia vừa được gọi là trường nữ của giáo hội công giáo hoàn vũ vừa là xã hội tiên phong làm cách mạng đổ máu xóa bỏ chế độ quân chủ liên kết chặt chẽ với quyền uy tôn giáo. Những năm tháng tiếp liền sau khi đạo luật ban hành, đôi bên tìm mọi dịp để, hoặc huênh hoang như một bước tiến bộ nhân loại, hoặc đón nhận như một cuộc bách hại vi phạm quyền tối thượng quyền uy tôn giáo của con người trong sinh hoạt xã hội.

Một trăm năm trôi qua, đôi bên đã tìm mọi lý lẽ có tính cách văn hóa hoặc dựa vào những ích lợi

³⁹ NGUYỄN ĐĂNG TRÚC, Trích Tập San Định Hướng.

thực tiễn chính trị để ‘sống chung’ và tồn tại. Nhưng ngay trong những năm sau năm 2.000 nghĩa là sau 95 năm khi đạo luật ra đời, và ngay cả ngày hôm nay, trong những cuộc họp của hội đồng giám mục công giáo Pháp, trong các đạo luật về cuộc sống dân sự liên quan tôn giáo hay qua các ủy ban nghiên cứu chuẩn bị các dự án đạo luật liên hệ, những hiểu ngầm đằng sau đạo luật ấy trôi lên dưới những dạng thức căng thẳng mới.

Kỳ thực, đằng sau những lời tuyên bố phân cách hai quyền lực, đôi đường đã có chủ định hay lo âu về một chủ trương qui kết con người vào một chân trời nhất định :

- một bên, người ta đẩy tôn giáo vào sinh hoạt cá nhân; và tự do tôn giáo phải dừng lại trong giới hạn riêng tư, làm như chiều kích tôn giáo và siêu nhiên nơi con người nói chung không thể là một yếu tố tích cực nào trong sinh hoạt cộng đồng ; quyền bính thuần trần tục phải là quyền tối thượng, chính thức và công khai hướng dẫn và phê phán đạo lý con người, đồng hóa luật lệ dân sự vào quyền thiêng liêng của lương tâm và văn hóa công đồng. Nói khác, chính trị phải là tôn giáo mới cho xã hội.
- phía bên kia thì cũng không thể tránh được cám dỗ đồng hóa nước Thiên Chúa với nước của César. Nếu hôm nay cám dỗ quyền bính César không phải là mối bận tâm của giáo hội công giáo Pháp và tuyệt đại đa số tín đồ tôn giáo này, thì cũng không thiếu những thế lực chính trị bên trong xã hội Pháp đã nhân danh tư cách tôn giáo của mình để nuối tiếc

dĩ vãng huy hoàng nào đó của ‘quyền chính trị đồng hóa với tôn giáo’ và chống lại đạo luật năm 1905. Và cũng không thể không biết đến cám dỗ của những hệ phái quá khích của các tôn giáo đang nhân danh tôn giáo để đẩy lên những thù hận trong khuôn khổ đấu tranh theo quyền lực César.

Phân cách tôn giáo và chính trị hôm nay vẫn còn và mãi còn là vấn đề của xã hội và con người nước Pháp.

Bài học lịch sử về tương quan và phân cách đạo đời của Pháp là một bài học giới hạn của một dân tộc, của một lịch sử nhất định bên cạnh trăm ngàn kinh nghiệm của các dân tộc khác; nhưng đằng sau nét riêng của một khoảnh khắc lịch sử, chúng ta còn nhận ra dấu chỉ của thân phận con người của mọi thời đại. Bên trên sự phân cách các quyền lực do bàn tay và trí óc con người làm ra bằng luật lệ của mình, còn có phân cách giữa quyền của yêu thương và quyền của cân đo tính toán và hận thù mà con đường giải quyết chỉ có luật lệ để trấn áp. Tôn giáo, nếu có quyền uy, thì quyền uy đó là sức mạnh của yêu thương, của kẻ đã dạy phải diệt ngã, phải chết mình đi để yêu thương kẻ khác. Nơi mỗi con người, mỗi giây phút làm người trong mọi sinh hoạt cá nhân hay tập thể, ngay cả sinh hoạt chính trị hay tôn giáo đều có sự phân cách và căng thẳng giữa hận thù và yêu thương như thế.

Thật ngậy thơ khi cho rằng một đạo luật từ phái dân sự nhằm phân cách đạo và đời là giải quyết được tiên bộ nhân loại, giải quyết sự ra đi của sự hiện diện đạo lý siêu nhiên trong bất cứ sinh hoạt

nào của con người trong cuộc sống cá nhân cũng như sinh hoạt chính trị xã hội.

Và cũng ngây thơ khi tin rằng một xã hội nào đó trên trần gian này, dù đó là một xã hội mang danh hiệu tôn giáo, mà không còn bị cám dỗ đồng hóa quyền uy của lòng yêu thương với sức mạnh của César.

Tôn giáo và con người ⁴⁰

Vì phẩm giá con người, biết bao tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam đã chấp nhận mọi hiểm nguy, kể cả mạng sống mình để lên tiếng đòi quyền tự do giữ đạo và hành đạo; nhưng mặt khác, cơ chế chính trị hiện hành lại cũng nhân danh mục đích “nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo đảm cho công dân thực hiện quyền cơ bản về tự do tín ngưỡng, tôn giáo”[1] để ban hành ‘pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo’. Tình trạng nghịch lý như thế không phải chỉ là một hiện tượng riêng lẻ của Việt Nam, nhưng thật sự là một nguy cơ, một thách đố cho sinh hoạt chung của toàn thể giới trong những năm đầu của đệ tam thiên niên.

Thật vậy, đã có một số nhóm tôn giáo, một số người có quyền lực chính trị trên thế giới nhân danh Thần Thánh riêng của mình để đẩy lên hận thù và những cảnh giết chóc hàng loạt, để chinh phạt và buộc ‘kẻ ác’ đi vào khuôn khổ các giá trị văn minh và trật tự quyền lực được xem là tối thượng và làm như một nhóm người nào đó có thể tạo dựng được cả Thần Thánh, phán quyết mọi giá trị trên trời dưới đất.

Cảnh nghịch thường đó lại càng làm chúng ta suy nghĩ hơn nữa khi các dự án và chương trình phát triển quốc gia và quốc tế đang được định hướng trong viễn tượng toàn cầu hóa được hiểu như là nỗ lực đồng đẳng hóa và phổ cập hóa các giá trị, kiến thức, định chế xã hội, cũng như phân phối của cải...

⁴⁰ NGUYỄN ĐĂNG TRÚC, Trích Tập San Định Hướng.

Hẳn nhiên phẩm giá con người tại Việt Nam qua ‘pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo’ mới được ban hành là một sự kiện có tính cách địa phương, cũng như những căng thẳng đẫm máu nhân danh các giá trị tôn giáo đang xảy ra trên thế giới là một biến cố có tính thời đại; nhưng đằng sau những sự kiện nhất định đó là cuộc chiến gay gắt hơn nơi vấn nạn dấy lên trong tâm hồn mỗi người, mỗi thời đại: Câu hỏi về ý nghĩa nhân tính và tương quan con người và Thần Thánh.

Thần “vô phương” không thể do con người hay cả toàn nhân loại qui định ở chỗ này, phương nó, hay Thần là của ‘trăm’, của ‘đảng’, của ‘phe ta’ hay nên ‘văn minh của ta’.

Toàn cầu hóa hôm nay được ngầm hiểu như là Tây phương – Hy Lạp hóa đầu bên ngoài vì lý do giao tế có tính cách chiến thuật không ai nói ra. Điều đó cũng không tự nó có thể làm giảm giá trị các nền văn hóa khác khi chúng ta bước lui lại ngưỡng cửa khai sinh ra nền văn hóa Tây Phương để tìm hiểu. Văn hóa Đông hay Tây thì cũng là dấu tích cuộc chiến làm người. Socrate, cha đẻ văn hóa Tây Phương, ngay nơi bản văn đầu tiên ghi lại tư tưởng của ông đã biểu thị một dấu chỉ nghịch thường về ý nghĩa nhân tính và tương quan giữa con người và Thần Thánh. Trong tác phẩm ‘Biện Hộ Socrate,’ Platon cho hay những nhà trí thức, những nghệ sĩ, những người cầm quyền... tóm lại là trật tự bên ngoài của trần thế để phán xử Socrate, đã nhất quyết lên án xử tử hình con người này vì cho rằng ông đã xúi thanh niên chống lại Thần riêng của Thành Nhã Điền. Nhưng Socrate ấy cũng có một khuôn mặt khác thường bị bỏ quên, một Socrate dù chết cũng phải nghe theo lời Thần Thánh đang nói với ông về nhân tính: Tự ông, Socrate không biết gì, nhưng

Thần nói với ông thì không phải Thần của riêng thành Nhã Điền hoặc Thần tượng đá nào đó giới hạn nơi quyền lợi riêng của thành ấy.

Socrate đã bị tử hình vì những quyền lực con người nhân danh Thần của mình mà quyết định ý nghĩa nhân tính và cuộc sống tôn giáo cho kẻ khác. Nhưng nét nghịch thường muôn thừa đó là dấu tích và chứng tá chiều kích thần thánh của nhân tính nơi trần thế, bất chấp ý định xóa bỏ nhân tính trong một chế độ của xã hội hoặc một thế giới tự gọi mình là cuộc sống văn minh.

Tôn giáo và lợi dụng tôn giáo⁴¹

Từ đầu năm (2009) đến tháng năm này, giáo hoàng Bênêdictô XVI liên tục trở thành đề tài tranh luận trong báo giới ; và đây đó đã có những phản ứng gay gắt về một số phát biểu của ngài. Người ta đã giải thích hiện tượng khác thường này dựa vào khả năng truyền thông hạn chế của vị giáo hoàng đã 82 tuổi, hoặc dựa vào trình độ bất cập của báo giới không đủ sức đọc hiểu lối trình bày khúc chiết và sâu sắc của thần học gia Joseph Ratzinger.

Nhưng có lẽ bên trên những lý do kỹ thuật đó còn có một lý do đặc loại liên quan đến sứ điệp văn hóa và giáo huấn của các tôn giáo. Sứ điệp văn hóa đâu phải để làm đẹp lòng dư luận, ngay cả của đa số, và chân lý đâu phải là kết quả của một cuộc bầu cử ! Nếu không như thế thì Đức Khổng Tử hẳn đã không lưu lạc đây đó, và Socrate đâu có bị tuyệt đại đa số các thẩm phán, với 281 trên 559 phiếu, của tòa án Nhã Điền lên án, và 358 phiếu kêu án tử hình...

Chuyến thăm viếng vương quốc Gioc-đan, nước Israel, các vùng đất Palestina, và là cuộc hành hương đến Thánh Địa của giáo hoàng Bênêdictô XVI trong tháng năm này, cũng không không lệch ra ngoài sứ điệp cao cả nhưng ‘ngược đời’ ấy. Giám mục Fouad Twal, Thượng phụ la-tinh của Giêrusalem, nhận xét về chuyến đi này như sau : « Đức Thánh Cha đến vào một lúc khó khăn, trong một vùng khó khăn, để thăm viếng những con người

⁴¹ NGUYỄN ĐĂNG TRÚC, Trích Tập San Định Hướng.

vô cùng mẫn cảm ». Những khó khăn và những nghi kỵ bút rứt giữa những con người ở Vùng Trung Đông nóng bỏng đó phát xuất từ đâu ? Có vô số lý do : khác biệt chủng tộc, truyền thống văn hóa, chính trị. Nhưng không ai không thấy rằng lý do nổi cộm lại là lý do tôn giáo! Nhân danh Đảng Toàn Năng mà mỗi tôn giáo tôn vinh là nguồn của hòa bình, người ta gieo rắc hận thù và chém giết lẫn nhau. Tôn giáo đã bị tục-hóa thành một quyền năng thuần túy trần tục. Nó đã biến thể thành một nơi buôn bán thân thánh phục vụ cho đảng mình, ý thức hệ riêng của phe mình, uy thế và lợi lộc cá biệt của cộng đồng và chủng tộc của mình ..., đến độ nói đến tôn giáo, một giới, một thể hệ nào đó nghĩ ngay rằng chính đó là nguyên do của chiến tranh.

Trước tình hình điên đảo như thế của thế giới, giáo hoàng Bênêdictô XVI đã trực diện với vấn đề và chia sẻ với những vị lãnh đạo tôn giáo trong vùng, trong đó có cả những vị lãnh đạo công giáo. Bài diễn văn liên quan đọc tại Giáo đường hồi giáo Al-Hussein Ben Talal ở Gioc-đan trước những chức sắc tôn giáo, ngoại giao đoàn và các viện trường đại học ngày 9 tháng năm nay được đánh giá là sứ điệp có tính cách lịch sử . Trước tình trạng cấp thiết này của Trung Đông và cũng là của thế giới hôm nay, ngài phát biểu ngắn gọn như sau :

« Không thể chối cãi về sự hiện hữu của những căng thẳng và chia rẽ giữa những phần tử thuộc các truyền thống tôn giáo khác nhau. Tuy đau đớn nhưng điều đó có thực. Tuy vậy, cũng nên nhìn nhận rằng thường đó là việc méo mó tôn giáo vì ý thức hệ, đôi khi nhằm những mục đích chính trị, đây chính là xúc tác tạo ra những căng thẳng và chia rẽ, lắm lúc còn gây nên những bạo động xã hội, không phải vậy hay sao? Trước tình thế này, những kẻ chống tôn

giáo không những tìm cách bịt câm tiếng nói tôn giáo, nhưng còn tráo đổi lời nói của tôn giáo bằng chính lời của mình, vì thế các tín đồ tôn giáo hẳn thiết phải luôn trung thực với những nguyên lý và giáo lý của mình. »

Sứ điệp đó không đẹp lòng phe nào cả. Nhưng liệu phải nói gì khác hơn để chia sẻ và đối thoại trong tình trạng nghi kỵ và chia rẽ vì lý do tôn giáo trong thế giới ngày nay ?

Tuyệt đối hóa tương đối là độc đoán

Cách đây 30 năm, trong ngày về thăm lại quê hương Ba Lan, Karol Wojtyla đã thổi vào xứ sở đang đương đầu với bạo lực này một nguồn sinh lực mới qua câu nói vẫn gọn "Đừng sợ"; và cử chỉ khiêm tốn đó của người thợ xây hòa bình Gioan Phaolô II đã đưa đến việc sụp đổ của bức tường hận thù và ngăn cách.

Tháng tám năm nay, trên một nước Đức vốn tự hào là chiếc nôi văn hóa loài người với những kẻ thổi phồng trí khôn leo lét của con người và hô to đó là Ánh Sáng, như Kant, Hegel, Marx, Nietzsche v.v..., một nước Đức vốn là vườn ươm của hai ý hệ đã tuyệt đối hóa tương đối dính liền với hai chế độ toàn trị là cộng sản và quốc xã, hai vết đau của nhân loại trong thế kỷ vừa qua, một nước Đức một thời bị không chế bởi một nền văn hóa tôn vinh chủng tộc mình, văn hóa mình là tinh hoa và uy dũng tuyệt đối, Jozef Ratzinger, người con hiền lành của nước Đức đã nhẹ nhàng chuyển đạt một sứ điệp khác, hoàn toàn khác vì phát xuất từ một Ánh Sáng khác, cho những người trẻ thuộc đủ mọi chủng tộc, ngôn ngữ và văn hóa khác nhau đang tụ tập về Cologne: *"Tuyệt đối hóa những gì không tuyệt đối mà chỉ có tính cách tương đối do bàn tay trí óc con người là độc đoán."* (1)

Thế giới văn minh hôm nay đang choáng váng với trăm ngàn ý hệ đi kèm theo trăm ngàn nền nhân bản khác nhau tùy ý thích và tính khí của mỗi cá nhân, tùy quyền lực và lợi ích của mỗi thế lực; và kinh hoàng hơn cả là hiện tượng tuyệt đối hóa và

phổ biến hóa điều mà Nietzsche đã tiên đoán là tình trạng chán nản và ê chề không muốn làm người. Cảm xúc mất hướng sau những bước suy thoái của các nền nhân bản tôn vinh con người hiểu biết, con người lao động, con người sản xuất tiêu thụ, và con người vui chơi nay dường như chuyển qua bước đường cùng nơi vùng đất sa mạc tư tưởng, sa mạc văn hóa nơi con người là không gì cả. Giữa đêm tối của tư tưởng và văn hóa như thế, lời bất ngờ của một người có tuổi Ratzinger, giáo chủ Biển Đức XVI, không khác người già Abraham, người già thân sinh của Phù Đổng Thiên Vương, sẽ là ngôi sao dẫn lối tìm gặp một dòng tộc mới, một thế hệ mới được nuôi sống bởi sinh lực của lòng khiêm hạ, bởi nỗi khát khao chân lý mà không ai là người trong thân phận tương đối của mình tự vỗ ngực là nắm được trong tay, không một nền văn hóa nào độc tôn chiếm hữu.

Những con người Việt nam, trong đó có những người trẻ hiện diện trong Ngày Giới Trẻ Thế Giới tại thành phố Cologne, hẳn nghe được sứ điệp yêu thương và hy vọng đó vang dội nơi thực tại xã hội, nơi sinh hoạt văn hóa của mình để có một phút suy tư : Phải chăng văn hóa 'bốn nghìn năm văn hiến' chỉ như một chiếc áo bên ngoài nhằm tranh hơn tranh thua với người, không khác lý thuyết quốc xã đã qua rồi, hay đó là sứ điệp của lòng khiêm cung và tinh thần liên đới và bao dung? Chế độ toàn trị hôm nay sẽ chuyển đạt sứ điệp nào đây cho thế hệ trẻ Việt nam hôm nay, một thế hệ đang ghê sợ bạo lực tuyệt đối hóa những gì chỉ là sản phẩm của tham vọng con người?

1. *Nhân Dân* . “Hoàn thiện Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo,” ngày 21-07-2004.

Phụ trương B

Một vài kỷ niệm sống động về linh mục Phanxicô Xavie Nguyễn Văn Thuận

Như tựa đề bài viết này, tôi chỉ mong ghi lại một vài ký ức về linh mục Ph.X. Nguyễn Văn Thuận luôn thấm sâu trong cuộc sống hằng ngày của tôi. Những năm tháng được nêu lên trong bài có thể không hoàn toàn chính xác, nhưng chắc chắn sự việc từng xảy ra, nhất là đã thực sự chi phối những bước chân của đời tôi.

Khi đề nghị tôi góp nhặt những bài nói chuyện của người tại Strasbourg năm 1998 để thực hiện cuốn « Niềm vui sống đạo », Tổng Giám Mục Ph.X. Nguyễn Văn Thuận điện thoại nhắc tôi thế này : « TrúC nhớ đề ở đầu sách câu này của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II như lời gởi gắm riêng của cha cho người trẻ Việt nam : - Thành công lớn nhất của một cuộc đời là nên thánh -. Hôm nay, khi ngồi viết lại một vài kỷ niệm gặp gỡ linh mục Ph.X. Nguyễn Văn Thuận trong đời mình, tôi tâm tín việc này : Một người thánh, một cuộc đời đáng gọi là thánh khi ta nghĩ đến người ấy thì tự nhiên ta muốn mình trở nên tốt hơn. Và đó là kinh nghiệm của tôi khi tưởng nhớ về vị linh mục này.

Nguyễn Đăng Trúc

Cựu chủng sinh Tiểu chủng viện Phú Xuân và Hoan ThiệN Huế
Khóa 1959

1- Linh mục giáo sư tiểu chủng viện Phú Xuân và cha linh hướng

Tôi vào Tiểu Chủng Viện Phú Xuân khóa 1959. Khóa tôi 53 người, tôi mang số 53⁴² vì năm ấy tôi được miễn thi vào chủng viện, lý do là vào lúc tổ chức thi tuyển, thi tôi bị bệnh thương hàn. Có thể nói khóa của tôi là khóa cuối theo « chế độ cũ của chủng viện ». Chế độ cũ không có nghĩa là xấu, nhưng sau năm ấy (tức là từ khóa 1960) nhân sự điều hành và giảng huấn cũng như sinh hoạt chung của tiểu chủng viện thay đổi, một sự thay đổi mà linh mục Nguyễn Văn Thuận đóng một vai trò có tính cách quyết định.

Linh mục Thuận đổi đến tiểu chủng viện Phú Xuân thay cho linh mục Nghĩa vào đầu niên khóa 1960-1961⁴³. Ngài xuất hiện ra trước mắt tôi lúc đó như một hình ảnh gầy, cao, thẳng, đi nhanh, luôn luôn ăn mặc chỉnh tề, sạch sẽ và hay cười. Phòng ngủ của ngài nằm đầu mút tầng lầu cánh trái Tiểu Chủng Viện⁴⁴. Tôi nhớ dường như năm ấy ngài không làm gì nổi bật trong tiểu chủng viện ngoài một sự hiện diện vui vẻ, trẻ trung, một thái độ tôn

⁴² Số ghi ở cổ áo để tiện việc đem đi nhà giặt do Ông Khoán phụ trách.

⁴³ Năm ấy, các linh mục cũ (trừ cha Nghĩa) năm trước vẫn còn ở lại tiểu chủng viện : Lm bề trên Anrê Bùi Quang Tịch (bề trên), Lm Michel Nguyễn Văn Tường (quản lý và dạy latin), Lm Mathêu Lê Văn Thành (GS sử địa), Lm Antôn Nguyễn Văn Thọ (GS Anh văn và việt văn), Lm Giacôbê Lê Văn Mẫn (Gs toán), Lm hưu dưỡng Đominicô Trần Văn Phát. Ngoài các Giáo sư trong nhà tôi còn nhớ có một hai giáo sư bên ngoài vào dạy như cụ Sa dạy vẽ, GS Trần Văn Nhật dạy việt văn...

⁴⁴ Nay là Đại Chủng Viện Kim Long

trọng các linh mục, hoặc là Thầy Ngài ngày trước⁴⁵ hoặc là lớp đàn anh của ngài. Ngài dạy lớp tôi môn pháp văn ; và riêng cá nhân tôi, tôi là một trong những chủng sinh chọn ngài làm cha linh hướng⁴⁶. Nếu còn có một tình cảm nào còn lưu lại trong những lớp pháp văn ấy của ngài, thì đó là một tình cảm an bình, thoải mái trong những ngày tu trì. Mỗi giáo sư đều có một cái gì tích cực để lại trong cuộc sống chúng tôi, và điểm tích cực nơi vị linh mục trẻ này là trao cho tôi niềm vui khi học: không một giờ nào của ngài mà chúng tôi không có dịp để nghe chuyện vui và những điều lạc quan trong các câu truyện ngài kể. Riêng về cuộc sống thiêng liêng mà tôi tiếp cận được nơi linh mục linh hướng này, thì đó là thái độ cung kính, nghiêm trang khi ngài thi hành các tác vụ thiêng liêng của một linh mục. Đây là yếu tố gây nên chấn động lớn lao hơn cả trong cuộc sống tôn giáo của tôi, khi được sống gần gũi với ngài⁴⁷.

2- Cha Bè trên Thuận

Đối với tôi, tên gọi và hình ảnh này luôn sống động trong ký ức của mình.

Qua đến niên khóa 1961-1962, LM Thuận được Đức TGM Huế đặt làm Bè trên tiểu chủng viện. Khi chúng tôi tựu trường thì các giáo sư lớn

⁴⁵ Như cha bè trên Anrê Tịch mà mỗi lần ngài nhắc lại, ngài xem vị ấy như một vị thánh

⁴⁶ Hẳn nhiên tương quan linh hướng và chủng sinh có nhiều ý nghĩa quan trọng để hướng dẫn ơn gọi linh mục ; nhưng trong tâm tư trẻ nhỏ 12, 13 tuổi lúc ấy, tôi chỉ biết chọn cha linh hướng để mỗi tuần đi xưng tội theo luật của chủng viện.

⁴⁷ Vì có nhiều người cứ nghĩ rằng cha Thuận chắc phải thông thiên đạt địa về chính trị, xã hội..., nhưng tôi thú thực điều làm tôi cảm phục và nhớ đến hơn cả là sự tốt lành toát ra nơi con người của ngài.

tuổi được đi nhận các nhiệm sở trong các họ đạo, chỉ còn lại LM Giacôbê Lê Văn Mẫn⁴⁸, những linh mục trẻ (Lm Giuse Nguyễn Như Tự, Phêrô Đoàn Quang Hàm, Philipphê Trần Văn Hoài, Stêphanô Nguyễn Như Thế, J.B. Etcharren), các thầy giúp xứ (Hồ Văn Quý, Nguyễn Văn Hội, Trần Văn Tuyên) tuần tự được đưa vào dạy chủng viện.

Niên khóa này, cha Bề trên Thuận lu bu đủ việc: canh tân cuộc sống tiểu chủng viện, xếp đặt làm sao để hai phần⁴⁹ nhân lực của chủng viện bị phân làm đôi luôn liên lạc được với bề trên, và việc quan trọng là khởi công xây tiểu chủng viện Hoan Thiện⁵⁰, mà sơ đồ xây dựng và tài chánh do ngài đảm trách vận động phần chính yếu. Năm ấy cha bề trên mới có 33 tuổi !

Một tài năng tổ chức công việc hiếm có

Có người Chúa cho tài tổ chức nhân sự, đào tạo, giáo dục, kẻ khác là tài giao tế, vận động tài chánh, có người là tài xây cất cơ sở... Còn linh mục Thuận

⁴⁸ LM này làm quản lý (hay cha việc) suốt thời kỳ Cha Thuận làm bề trên tiểu chủng viện Huế

⁴⁹ Một phần gồm 3 lớp nhỏ ở lại Phú Xuân với ngài, phần khác là các lớp lớn ở nội trú tại trường Providence Thiên Hữu ; trong các lớp lớn này có lớp chọn chương trình pháp, có lớp lại theo chương trình Việt.

⁵⁰ Tiểu chủng viện Phú Xuân trước đây là Đại Chủng Viện Huế. Năm 1954, Tiểu Chủng Viện An Ninh vì nằm bên kia, tức là phía Bắc sông Bến Hải, nên phải dời về miền Nam. Đại Chủng Viện Huế dời vào Đại Chủng Viện Giuse Sài Gòn, một phần tiểu chủng viện An Ninh được đưa vào Đại chủng viện Phú Xuân Huế. Khi tôi nối tiểu chủng viện Phú Xuân là nối cơ sở này. Sau khi Tiểu Chủng Viện Hoan Thiện xây cất xong, vào năm 1962, Đại Chủng Viện Phú Xuân phục hoạt lại nơi cơ sở cũ của mình cho đến nay.

đường như Chúa nhân tăng ơn của Ngài : Trong một năm một linh mục 33 tuổi có thể vừa đặt lại nền móng đào tạo chủng sinh cho kịp những đòi hỏi canh tân⁵¹ của Giáo Hội trong mùa chuẩn bị Công Đồng Vaticanô II, vừa đi đây đi đó ở khắp nơi trên thế giới để vận động tài chánh xây cơ sở Hoan Thiện, vừa đốc suất theo dõi tiến trình xây cất. Tài năng đó quý giá thật, nhưng đối với tôi, quan trọng hơn hết là trong những ngày tháng đa đoan như thế, tác phong một linh mục, một giáo sư, một bề trên chủng viện không vì hoàn cảnh này khác mà đi vào tình trạng được xem là « có thể chuẩn chước ».

Một nhà giáo dục

- Vào mùa mưa, tiểu chủng sinh lại chơi bi⁵². Có chú⁵³ chơi qua chơi về ăn được cả từng vài trăm viên bi. Tôi cũng không nhớ có phải phòng bán đồ trong chủng viện (do LM Giacôbê Mẫn phụ trách) bán ra hay không, nhưng hiện tượng lạ vào mùa ấy những viên bi tràn ngập trong chủng viện. Năm đầu cha

⁵¹ Chúng ta nhớ là Lm Thuận đã viết cuốn sách đầu tay của ngài là cuốn *Đức thánh Cha Gioan XXIII* vào năm 1960, lúc mới về nước và mới bước chân vào tiểu chủng viện Phú Xuân Huế. Trong sách này LM Thuận đã hăm hở trình bày quyết định mở Công Đồng Vaticanô II (tuyên bố ngày 30/10/1959). Và năm 1967, trong đường hướng cổ động canh tân giáo hội, LM Thuận được phong giám mục với khẩu hiệu « Vui Mừng và Hy vọng » là danh xưng của Hiến Chế về mục vụ. Chúng tôi đã cho tái bản cuốn sách này nhân ngày TGM Ph.X. Thuận được phong Hồng Y và cũng là mừng Đức GH Gioan XXIII được tôn phong chân phước.

⁵² Có mùa lại chơi giầy thun.

⁵³ Tên gọi của tiểu chủng sinh

Thuận làm bề trên, lớp tôi lớp lớn nhất trong các lớp nhỏ ở lại với ngài tại Phú Xuân, nên tôi cảm thấy như mình có trách nhiệm và hơi bức vì các chú nhỏ đem bi vào nhà ăn, nhà ngủ, đôi lúc cả trong nhà thờ... không những khó chịu vì tiếng động của bi mà thôi mà vì mấy chú còn nói chuyện bất cứ lúc nào với nhau về bi. Tôi hỏi cha Bề trên: sao cha không phạt ? Ngài cười và nói nhỏ với tôi: *« Để xem, một tuần nữa thôi chẳng có ma nào chơi bi nữa đâu. Chuyện gì nhỏ và không quan trọng đừng quá lưu ý mà làm cho lời nhắc nhở việc lớn phải nhàm đi, không ai nghe ! »*

- Tính tôi lè phè : vào lớp hay vào nhà thờ đợt cuối cùng và thường trễ giờ đó là tôi. Có lẽ ngài đã chịu đựng tôi cũng khá lâu, nhưng cho đến năm tôi học lớp 4è thì tôi mới được chia việc « chấp lệnh », tức là đánh chuông. Tôi cũng không lưu ý tại sao lại được giao việc này. Nhưng hai sự kiện sau đây làm tôi suy nghĩ. Có lần tối thứ bảy có chiếu phim ; sáng chủ nhật đáng lý 5 giờ 45 phải đánh chuông thức dậy. Tôi ngủ mê chẳng nghe đồng hồ báo thức. Đến 5 giờ 55 chuông lại rung đánh thức mọi người, tôi giật mình chạy xuống cột chuông thì thấy cha Bề trên đã đứng đấy. Ngài cười nói với tôi : *« Con ngủ ngon quá sức !»*. Đến cuối năm, tôi cũng không hiểu tại sao các bạn trong lớp tôi giao cho tôi đóng kịch. Tôi có tật hễ đứng dậy phát biểu là chảy mồ hôi tay, chân run lên và đầu óc choáng váng. Thế nhưng sau lần làm kịch này, tôi thấy những hiện tượng bệnh hoạn ấy bớt dần. Và hôm nay, quá năm mươi

tuổi đầu, khi nhớ lại những việc đã qua thì mới hiểu được rằng, việc chọn mình làm « chấp lệnh », đốc suất mình đóng kịch thì ra tất cả các quyết định là cử chỉ của nhà giáo dục ân cần xây dựng một cách nhẹ nhàng nhân cách con người mình.

- Ai ở tiểu chủng viện Phú Xuân hoặc Hoan Thiện hẳn còn nhớ là không mấy khi thấy cha bề trên gặp ai hoặc giải quyết, khuyên răn điều gì sau giờ ngủ trưa. Tò mò, tôi hỏi ngài về việc này. Đây là câu trả lời : « *Mình ngủ dậy trưa hay cầu lẩm, làm sao mà giúp ai được việc gì cho nên* ».
- Nếu ai tò mò thì thấy tuần nào cũng thấy cha bề trên Thuận đi lượt một vòng các nhà cầu ở các tầng lầu. Một lần vô tình tôi gặp ngài đang đi dọc các nhà cầu cạnh nhà bếp và nhà chơi ; có lẽ thấy tôi ngạc nhiên, nên ngài gọi tôi đến gần và nói : « *Nhà cầu mà sạch sẽ, thì người ta không nhác đi cầu ; và như vậy các chú sẽ thoải mái đỡ bệnh, học hành khỏi gián đoạn, và tính tình vui vẻ* »
- Về tóc tai, ăn mặc, cha Thuận không se sua, nhưng luôn luôn chỉnh tề, sạch sẽ. Và không phải chỉ có một vài ngày trong tuần, hay vào dịp này dịp khác. Nhưng ngay khi đi nghỉ hè thoải mái chung với chúng tôi⁵⁴, chúng tôi cũng thấy cung cách nghiêm túc của ngài trong cách ăn mặc. Ngài thường nhắc lại cho mỗi chúng tôi : « *Mình ăn mặc chỉnh tề là biểu lộ đức bái ái của Chúa, là tỏ lòng kính trọng người khác. Hãy nghĩ rằng nếu người*

⁵⁴ Lớp chúng tôi có dịp đi nghỉ hè với và Lm J.B. Etcharren một tuần ở Lăng Cô, sau kỳ thi *Brevet élémentaire* năm 1964

ta chớp bóng quay phim lại cách ăn mặc của mình, nếu mình không xấu hổ gì là tốt. »

- Năm 1965, lớp chúng tôi là lớp lớn nhất trong chủng viện. Không những mỗi đứa chúng tôi được trao trách nhiệm (cứ hai người coi một lớp) làm giám thị các lớp nhỏ, nhưng cả lớp còn được ngài đề nghị tổ chức một cuộc triển lãm về diễn tiến công đồng Vaticanô II cho cả địa phận Huế đến xem. Làm sao một công việc như thế lại trao cho một nhóm chưa đầy mười thanh niên tuổi từ 17 đến 20 ? Nhưng chúng tôi đã hoàn thành tốt đẹp công việc tổ chức triển lãm này trong nhà khách Tiểu chủng Viện Hoan Thiện. Và thành công hơn cả là lòng tự tin, ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng tác huynh đệ mà cha bề trên Thuận đã vun trồng nơi chúng tôi.
- Trước đây, sau khi có việc « hô điếm » cuối mỗi kỳ họp các cha, và sau khi vào gặp cha bề trên để nghe « tin dữ », chú nào bị « đuổi » ra khỏi chủng viện thì thấy đời mình như « cùi hủi » rồi ; một sự thất bại ê chề trong cuộc đời ; cha mẹ sẽ buồn ; bạn bè e ngại đứng xa xa mà nhìn làm như phớt chốc mình trở thành kẻ « tội lỗi ». Chú ấy phải dọn đồ đi về ngay ; nếu nhà xa hay trở ngại chưa đi về được, thì ra nhà khách ở....Nhưng từ ngày cha bề trên Thuận làm bề trên, cứ chủng sinh như được cha bề trên thương riêng, có lúc làm cho kẻ ở lại phải nêu thành câu hỏi. Ngài hay nói câu tiếng Pháp vào dịp này. Đi tu « *c'est une chance* », mà ra đời « *c'est une autre chance* ». Mỗi người ra đi được xử đổi một cách « trân trọng » khác nhau, nhưng không ai rời khỏi chủng viện trong thời bề

trên Thuận mà mang một mặc cảm tiêu cực nào.

Một nhà canh tân

Từ ngoài nhà khách tiểu chủng viện Hoan Thiện nhìn suốt đến cuối hành lang đầu nhà học, người ta nhận ra bức tượng đen bằng ximăng thật lớn của Thánh Bosco. Hình ảnh ấy không những nhắc nhở một lối giáo dục mới, nhưng là lời mời gọi những linh mục tương lai nên thực thi mục vụ trong tinh thần dẫn thân phục vụ làm đầy tớ, ưu tiên cho những người nghèo.

- *Chiếc áo bên ngoài và tinh thần phục vụ* : Những thay đổi tuần tự nơi cách ăn mặc của chủng sinh : nay được mang dây ; đồ học sinh thường thay cho chiếc áo dài đen quần trắng ; nón ni « hướng đạo » thay dần kiểu nón cối ; học chung với học sinh các trường bên ngoài...Người chủng sinh dưới thời cha bề trên Thuận bên ngoài là một « con người học sinh » như bao nhiêu người khác. Là một người thích hoạt động đoàn thể hướng đạo, ngài cho các lớp được tổ chức sinh hoạt tương tự như những đoàn thể thanh niên khác (khóa chúng tôi vào năm 5è là khóa đầu tiên được sinh hoạt như thế trong chủng viện, năm đầu của thời linh mục Thuận làm bề trên (1961-1962). Sau này, có lớp còn được đi dự các khóa hướng đạo bên ngoài ; và ngay trong chủng viện có tổ chức cơ sở hướng đạo.
- Việc tiếp nhận người vào chủng viện không nhất thiết bị ràng buộc theo mẫu mực tuyền

vào từ nhỏ⁵⁵ ; thời bề trên Thuận, những người gọi là « tu muộn » (kỳ thực chẳng muộn gì, nhưng không theo tiến trình cô điển), nghĩa là bất kỳ vào tuổi nào cũng có thể được tiếp nhận vào chủng viện⁵⁶ . Con số này càng ngày càng tăng, cộng thêm một số những người đã tu xuất trở lại tu làm linh mục. Những linh mục theo lối đào tạo như thế chiếm tỉ lệ khá cao trong tổng số những linh mục được đào tạo theo kiểu cổ điển.

- Vào năm 1966, một năm trước khi ngài nhận chức giám mục, có lần ngài nói với lớp chúng tôi : « *Cha có dự án xây rộng thêm bên ngoài nhà khách các chú để mở một xưởng nghề. Các chú mình tương lai phải học một nghề nghiệp để sinh sống, vì xã hội đang biến đổi, Giáo hội cần linh mục có lối sống khác hơn phong cách sống xưa nay* ». Đây là một trong những dự án mà ngài đã chia sẻ với chúng tôi và ngài chưa bắt tay thực hiện được vì hoàn cảnh. Nói tóm, bề trên Nguyễn Văn Thuận đã đồng hành với giáo huấn Vaticanô II để đưa kitô giáo vào trong cuộc sống con người cụ thể theo tinh thần canh tân của hiến chế mục vụ Vui Mừng và Hy Vọng.

⁵⁵ Hẳn nhiên trong quá khứ cũng có những sự kiện như thế, như trường hợp cha J.M. Nguyễn Văn Thích, nhưng, sự kiện ấy là biệt lệ

⁵⁶ Nghĩa là tương đối còn thì giờ để chịu chức linh mục và phục vụ bàn thánh. Tôi còn nhớ có một bác (tôi quên tên) ở Phú cam, đã từng làm việc ngân hàng và đã lớn tuổi nhưng vẫn xin vào nhập lớp tôi. Bác ấy vào được vài tháng, sau đó nhớ nhà, nhớ mẹ quá và xin ra đời lại.

Quan trọng hơn cả : một con người cầu nguyện

- Từ ngày Lm Thuận làm bề trên, không sáng nào, không tối nào, chúng sinh không thấy bề trên của mình ở mút đầu ghé bên trái cửa đi vào của nhà nguyện. Ngài quì thẳng người ở đấy trước khi chúng tôi đến nhà nguyện mỗi sáng, đích thân hướng dẫn nguyện gẫm, dâng thánh lễ buổi sáng mỗi ngày. Nếu tôi nói với bạn là trong suốt 6 năm tôi được ở dưới sự hướng dẫn của ngài, nhưng chưa một lần tôi thấy có một cử chỉ nhỏ nào sơ suất khi ngài dâng thánh lễ hay trong lúc đọc kinh, nguyện gẫm..., chắc bạn thấy thường thôi ; nhưng qua kinh nghiệm riêng của tôi về cuộc sống tôn giáo, tôi thấy đây là dấu chỉ đích thực của một cuộc sống nội tâm sâu dày và kiên trì hiếm có. Vào một dịp lễ trọng, một vị linh mục trong chủng viện, trong lúc ngảy ngất đã hát câu cuối lễ « *Ite Misa est* » thành « *Ite eleison* », mọi người tham dự thánh lễ không nín cười được và không ai có thể hát trả lời. Tôi quay nhìn lui cha bề trên, khuôn mặt ngài vẫn nghiêm trang. Chỉ một mình cất tiếng hát « *Deo gratias* » với tất cả lòng cung kính như mọi khi.
- Tất cả thư từ ngài gửi cho tôi khi tôi còn tu hay tôi đã xuất tu, ngài luôn nói câu cuối cùng nhắn nhủ : « *Chúng ta phó thác mọi sự cho Mẹ Maria của chúng ta* ». Ngài tha thiết sùng kính Mẹ, và đặt ngay tượng Mẹ ở giữa trung tâm các tòa nhà chủng viện.
- Có lúc tôi hỏi về ý nghĩa kiến trúc chủng viện Hoan Thiện và đặc biệt về nhà nguyện tròn và có hồ nước chung quanh. Ngài giải

thích rằng : nhà thờ là nơi gặp gỡ Chúa, và gặp gỡ người anh em, nhưng không phải gặp gỡ ào ào theo kiểu thế gian. Những lối xây cất chùa chiền trong văn hóa của dân tộc mình nhắc mình nhớ là phải « bước qua bên kia bờ » để có thể cầu nguyện. Đầu óc tôi cứ vương vấp về những lời này : cầu nguyện quá dễ, mà không dễ chút nào !

3- Một vài kỷ niệm khó quên

- Hè năm 1967, tôi dự định xuất tu, không còn ở trong Giáo Hoàng Học Viện Đà Lạt. Ngài vừa nhận chức Giám Mục và đến thăm Đại Học và Giáo Hoàng Học Viện Đà Lạt. Ngài kêu riêng tôi để gặp ngài tại Đại Học. Tôi chỉ nhớ một câu ngài nhắn tôi khi tôi trao đổi với ngài về quyết định của tôi. Ngài nói : *« Tu cũng tốt mà về cũng là một ơn gọi riêng. Nhưng con nhớ điều này trong đời mình : điều tệ hại trong cuộc đời không phải phạm tội, nhưng là mất đi ý thức tội lỗi »*.
- Năm 1975, tôi bị ở trong trại « cải tạo ». Vợ tôi ở nhà một mình với cháu nhỏ mới sinh được mấy tháng. Ngài đang gặp khó khăn trăm bề khi mới nhận chức TGM phó ở Sài Gòn. Nhưng Ngài đã nhớ đến tôi như đã nhớ đến trăm ngàn đứa học trò khác của ngài, và nhờ người đem đến cho vợ con tôi 30.000 đồng để mua gạo.
- Đầu tháng 9 năm 1998, trước khi đến Strasbourg để nói chuyện với người trẻ Việt Nam tại Âu Châu, ngài nhờ cha Vincent Dollmann, dạy ở Đại chủng Viện Strasbourg, tìm xem còn có ai trong gia đình của vị linh

mục trước đây làm cha xứ Phủ Cam, Huế và đã rửa tội cho ngài. Vị linh mục này người gốc Alsace, Pháp (mà Strasbourg là thủ phủ). Cha Dollmann tìm khắp các nơi và không còn ai có tên ấy trong vùng. Nhưng khi hỏi đến quê của linh mục này, thì người ta tìm được một bà gọi vị linh mục ấy là ông cậu. Bà này là phu nhân của ông xã trưởng. Trong buổi nói chuyện với giới trẻ, ngài nhắc đi nhắc lại ơn được làm kitô hữu qua phép rửa tội của ngài 70 năm về trước ; và cho rằng không có một lễ mừng nào vui hơn lễ thất tuần này của ngài, vì ngài có dịp đến cảm ơn vị linh mục Chúa dùng để ban phép rửa cho ngài ; cảm ơn những bước chân anh hùng, máu đào tử đạo của các vị truyền giáo cho Việt Nam. Và cũng vào dịp này ngài đã viết ra 10 sứ điệp Đức Mẹ LaVang và loan báo với giới trẻ Việt nam về việc Ngài đang tiến hành công việc sáng lập Cộng Đoàn LaVang⁵⁷.

- Tháng 9 năm 1998, TGM Thuận được Phong trào Focolare mời đến Quốc Hội Âu Châu để dự lễ gắn huy chương của cơ quan này cho bà Chiara Lubich. Ngài đem theo cha Lê Phú Hải và tôi đến thăm vị đại diện Toà thánh bên cạnh QH Âu châu và tham dự lễ gắn huy chương vị sáng lập PT Focolare, một người bạn thân của ngài. Khi chúng tôi đưa ngài ra nhà *gare* sân bay Entzheim, Ngài chỉ chiếc nhẫn giám mục thật lớn có vẻ quý giá mang ở ngón tay, và hỏi Sr Nguyễn Thị Hường, Cha

⁵⁷ Trùng hợp với tên Cộng Đoàn LaVang là tên của cộng đoàn CGVN tại Alsace

Lê Phú Hải, cô Lâm Phương Mai và vợ chồng chúng tôi : « *Đoán xem cha mua bao nhiêu ?* ». Không ai trả lời liền, nhưng nghĩ bụng chắc cũng trên nghìn mỹ kim. Ngài không thấy ai trả lời liền nói : « *Mới đây cha có dịp đi Israel, thấy người ta bán ngoài lề đường, cha mua nó một mỹ kim, rồi nhờ người khắc trong nhẫn chữ «nada» (hư không, lời của thánh Têrêsa Avila). Nó cũng được và là kỷ niệm quý !* ».

Thay lời kết

« *Nada !* », hư vô trở về hư vô với bao chức vụ có tơ vương màu sắc trần thế.

Nhưng nếu nhớ đến linh mục Ph.X. Nguyễn Văn Thuận để giúp nhau nên thánh, thì trên Thiên đàng hẳn người anh Phanxicô Xavie ấy cũng đồng ý và mỉm cười với anh chị em còn lại của chúng ta.

**Vinh danh kitô-hữu tiên phong
dấn thân thẳng tiến phẩm giá con
người**

*Tưởng niệm
Đức Ông Philipphê Trần
Văn Hoài (1929- 2010)*

1. Đôi dòng về cuộc đời Đức Ông Philipphê Trần Văn Hoài

- Sinh năm 1929 tại làng Di-Loan, giáo xứ An-Ninh, phủ Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, giáo phận Huế.
- Năm 1943, nhập tiểu chủng viện An Ninh, Cửa Tùng, giáo phận Huế.
- Năm 1951, chuyển lên đại chủng viện Phú Xuân, Kim-Long, Huế. Vì hoàn cảnh đất nước chia đôi, lại chuyển vào đại chủng viện Thánh Giuse, đường Cường Để, Sài gòn. Trước ngày thụ phong linh mục, bị bệnh phải tĩnh dưỡng tại thánh địa Thánh Mẫu La-Vang tại Quảng Trị.
- Năm 1959, thụ phong linh mục. Tiếp đó được trao phó phận vụ làm cha phó tại giáo xứ Bắc Vọng, Thừa Thiên.
- Năm 1961, giáo sư tại tiểu chủng viện Phú Xuân, Huế

- Năm 1962 -1968: giáo sư tại tiểu chủng viện Hoan-Thiện, Huế. Tốt nghiệp bằng cử nhân văn chương Pháp tại Đại Học Huế. Cùng với linh mục Phanxicô Xavie Nguyễn Văn Thuận, tiên phong đưa Phong Trào Hường Đạo vào sinh hoạt trong chủng viện.
- Năm 1968, du học tại Rôma, Ý.
- Sau thời gian tu học, được cử làm Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Urbaniana của Vatican.
- Sau năm 1975, tiên phong tổ chức công cuộc cứu trợ người Việt tị nạn, đặc biệt những người tị nạn bằng thuyền trên vùng Nam Thái Bình Dương.
- Tiên phong trong nỗ lực thành lập hiệp hội USU và tờ Nguyệt San Dân Chúa Âu Châu, liên kết các linh mục tu sĩ Việt-Nam tị nạn tại Âu Châu để phối trí các sinh hoạt tông đồ phục vụ cộng đồng VN tị nạn.
- Năm 1987, được Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II bổ nhiệm làm Giám Đốc Văn Phòng Phối Kết Tông Đồ Mục Vụ Việt Nam Hải Ngoại.
- Năm 1988, được Tòa Thánh cử làm Trưởng Ban Tổ Chức Lễ Phong Hiến Thánh (19/6/1988) cho 117 vị tử đạo trên đất Việt-Nam.
- Năm 1988, thành lập Văn phòng tông đồ giáo dân VNHN.
- Năm 1992, chủ trì việc thành lập Phong trào giáo dân Việt Nam hải ngoại.
- Tổ chức Cuộc Gặp Gỡ qui tụ các vị lãnh đạo các tôn giáo, lần đầu tiên trong lịch sử Việt-Nam, nhân Ngày Cầu Nguyện Hòa Bình cho

Việt-Nam tại Vatican, với sự hiện diện của các vị lãnh đạo của năm tôn giáo lớn của VN (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Phật giáo Hòa hảo, Cao đài) và các chức sắc cao cấp (các hồng y) của nhiều Thánh Bộ của Vatican.

- Được các vị lãnh đạo các tôn giáo trong công đồng VNHN ủy thác phận vụ làm Trưởng ban vận động công cuộc gặp gỡ và đối thoại tôn giáo.
- Năm 1995, chủ trì việc thành lập Trung tâm văn hóa Nguyễn-Trường-Tộ và tập san Định Hướng.
- Tháng 8 năm 1996, chủ trì ngày gặp gỡ và thảo luận (lần đầu tiên trong lịch sử) về thần học Việt nam tại Đan viện Xitô VN, Orsonnens, Thụy Sĩ.
- Năm 1996, trong khuôn khổ sinh hoạt của Trung tâm văn hóa Nguyễn-Trường-Tộ, chủ trì Tuần Lễ Đại Học Hè, nơi gặp gỡ của các giáo sư, các chuyên gia và sinh viên, lần đầu tiên tổ chức trong công đồng VNHN.
- Năm 1997, Chủ trì Tuần Lễ Xã Hội, lần đầu tiên được tổ chức trong cộng đồng VNHN với chủ đề : *Đạo Lý, nền tảng canh tân và phục hoạt đất nước.*
- Khai sinh Tờ liên lạc HIỆP THÔNG, phương tiện truyền thông chính thức của Văn Phòng Phối Kết Tông Đồ Mục Vụ Việt Nam Hải Ngoại
- Năm 2000, hưu dưỡng tại Rôma, Ý
- Tạ thế vào ngày 02 tháng 02 năm 2010.

2. Lợi ngược dòng để canh tân

Đáng lý trong giây phút này, con phải ở bên cạnh cha để nói với cha lời vĩnh biệt. Nhưng cũng như những ngày tháng khó khăn cha đã sống qua sau con bị truy tìm năm 1991 trong dịp công tác tại Đan viện Xitô VN, Orsonnens, Thụy Sĩ, tình trạng sức khỏe của con hôm nay đã cảm chân không con đến Rôma tiễn đưa cha được.

Kính xin dâng những lời nói chân tình này đến cha thay lời từ tạ.

Strasbourg, Pháp, ngày 05 tháng 02 năm 2010

Những ngày tháng được ở gần cha, lúc cha còn là một thầy phó tế đang dưỡng bệnh tại Thánh Địa La-Vang, trong những năm tháng cha làm giáo sư tại tiểu chủng viện Phú Xuân, rồi Hoan Thiện, Huế, đặc biệt suốt thời gian từ ngày cha nhận công tác tông đồ mục vụ cho cộng đồng người Việt hải ngoại, cha thường tâm sự với con:

Cuộc đời của cha là những chuỗi bất ngờ đầy may mắn, nhưng cũng là chuỗi những thách đố quá khó khăn phải đương đầu trước những hoàn cảnh như chưa bao giờ xảy đến trong lịch sử.

Phải, Đức Ông Philipphê Trần-Văn-Hoài, tên gọi ấy gợi lên trong tâm tưởng của con hình ảnh một con người mà lắm vị đồng liêu của cha, - không biết là để tán dương hay vì e ngại -, nói đùa rằng : *ngài là kẻ bên lề.*

Nhưng riêng đối với chúng con, những người đã đồng hành với cha để *sống đạo giữ đời*, thì đúng cha là *người bên lề* khi cha vượt ra bên ngoài lối suy nghĩ cố hữu và cung cách sống “*bầy đàn, khép kín*”

của “*thiên hạ*”, để can đảm chấp nhận những nguy cơ của thất bại, những thách đố của những ngày tháng bị hiểu lầm và cô đơn mà bất cứ ai dẫn thần cho canh tân đều gặp phải:

- Canh tân vì đó là sinh lực của Phúc Âm mà cha là kẻ làm chứng,
- Canh tân do đòi hỏi của giáo huấn Giáo hội mà cha là một tín hữu,
- Canh tân một cộng đoàn tôn giáo mà cha là một trong những chủ chăn, một cộng đoàn khẩn thiết phải đổi thay để có thể tiếp nhận sứ điệp của Đấng Cứu Chuộc và đủ sức chuyển sứ điệp của Ngài cho người chung quanh,
- Canh tân xã hội, đất nước mà cha là một người công dân: một xã hội khẩn thiết phải đổi thay khi phẩm giá con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa mà cha tôn thờ, đang bị chà đạp.

Là một linh mục trẻ trong những năm Giáo hội hoàn vũ đang chuẩn bị và đang tiến hành Công Đồng Vaticanô II, cha là một trong những chủ chăn đã canh tân cung cách giao tiếp với người tín hữu anh em ở giáo xứ Bắc Vọng, cũng như đối với những người em cùng sinh mà Giáo phận Huế giao phó cho cha dẫn dắt và đào tạo. Cha là một người anh em trong gia đình Dân Chúa, chứ không phải là một ông quan địa phương thời phong kiến, không phải một chủ chăn đã quên sứ điệp rửa chân cho anh em mình để đồng hóa một cách sai lạc quyền phát xuất từ sinh lực Yêu Thương trong Phúc Âm với quyền uy trần thế.

Hình ảnh cha Hoài gần gũi, thân thuộc với anh chị em tín hữu ở giáo xứ Bác Vọng ; hình ảnh cha Hoài đá banh, chơi domino, chia sẻ những tin tức thời sự sau bữa cơm chiều, đi du ngoạn, ca hát sinh hoạt với anh em chủng sinh; hình ảnh cha Hoài trong bộ đồng phục hướng đạo, một huynh trưởng, một tuyên úy giữa những ‘chủng sinh-hướng đạo’..., những hình ảnh ấy vừa nói lên mối liên hệ thân tình phát xuất từ xác tín sâu xa của nguồn sinh lực Yêu Thương đến từ Thiên Chúa là cha chung của mọi người, vừa phản ảnh ý chí can cường của một cha Hoài dám tiên phong canh tân nếp sinh hoạt cố hữu.

Cha không những tiên phong trong nếp sinh hoạt liên quan trực tiếp đến phận vụ mục tử giới hạn của mình, nhưng cha còn tiên phong trong nỗ lực xóa bỏ hình ảnh một lối *giữ đạo* chỉ lo cho phần rỗi *cá nhân mình*, chỉ biết đến người cùng tôn giáo *với mình*, chỉ bảo vệ cho một giáo hội tưởng chừng như giới hạn vào một cộng đoàn dành cho người *cùng phe với mình* ..., để vượt qua biên giới của ngã-chấp và cố sù ý lối *sống đạo* loan truyền Tin Mừng Yêu Thương mà Thiên Chúa hứa ban cho mọi người. Ngoài việc đưa Phong Trào Hướng Đạo vào chủng viện để giúp chủng sinh có môi trường tiếp cận với người ngoài nhà tu, kể cả người không công giáo, cha đã ghi danh học ở Đại Học Huế, không phải chỉ để có thêm những kiến thức thuộc lãnh vực trần tục, hoặc để có một cấp bằng đại học mà thôi, nhưng mục đích chính là tiếp cận với những con người đa biệt, hiện diện ở giữa những sinh hoạt xã hội khác lạ so với nếp sống của một giáo xứ. Cha không những không xa lạ với các sinh hoạt đoàn thể xã hội, tham gia các sinh hoạt sinh viên, nhưng rất nhạy bén với những lãnh vực mà Hiến Chế *Vui Mừng và Hy Vọng* của Công Đồng Vaticanô II đề cập khi nói đến

những vui mừng và hy vọng, những khổ đau và khắc khoải của xã hội con người.

Phải chăng chính vì muốn vượt ra ranh giới *những người của mình, những cái của mình* để gặp gỡ kẻ khác, phải chăng vì ngoài việc lo mục vụ giới hạn trong *nhà xứ của mình*, cha lại còn nhạy cảm về tình cảnh xã hội quá đau thương anh chị em đồng bào lúc bấy giờ đang gánh chịu, mà thiên hạ e ngại gọi cha là *kẻ bên lề*?

Nhưng, chính vì nhu cầu canh tân Giáo Hội và thăng tiến con người, những người cùng đồng hành với cha lại gọi *kẻ bên lề ấy* là *vị tiên phong cổ súy đưa đạo vào đời*.

3. Tiên phong cổ súy đưa đạo vào đời

Sau năm 1975, tình hình nghiệt ngã của dân tộc Việt-nam đã buộc lịch sử khai sinh ra một cộng đồng của những người tha phương tị nạn. Vào những ngày tháng đầu tiên của biến cố đau thương này, cha đã ra khỏi Rôma để hiện diện tại các địa điểm tiếp cư người Việt tị nạn tại một số nước Đông Nam Á, lưu lại từng tháng trên những chiếc tàu tìm vớt những thuyền nhân 'liều mạng tìm tự do'. Chia sẻ cảnh bơ vơ của kẻ ly hương, cha tìm mọi cách để liên lạc gặp gỡ đồng bào tị nạn đây đó tại khắp các nước, các châu trên thế giới. Cùng với các linh mục tu sĩ Việt Nam sống tại Âu Châu, cha tham gia công việc thành hình *USU*, một hiệp hội nối kết các linh mục tu sĩ để phối trí nỗ lực tông đồ mục vụ cho các cộng đồng người Việt tị nạn. Và cùng với sự xuất hiện của hội *USU* này, tập san *Dân Chúa Âu Châu*, cơ quan truyền thông của người tị nạn công giáo Việt-nam tại Âu Châu được khai sinh.

Năm 1987, trong lúc đang giữ chức vụ phó viện trưởng Viện Đại Học Urbaniana của Vatican, Tòa thánh đã trao phó cho cha hai trách vụ tưởng chừng như quá sức con người : *Giám Đốc Văn Phòng Phối Kết Tông Đồ Mục Vụ Việt Nam Hải Ngoại* và *Trưởng Ban Tổ Chức Lễ Phong Hiển Thánh cho 117 vị tử đạo trên đất Việt-Nam*.

Phối kết tông đồ mục vụ cho một cộng đồng người tị nạn hơn 300.000 kitô hữu sống rải rác trên gần một trăm quốc gia trên thế giới ! Một trách vụ bao la với đầy gian nguy vì Giáo luật tưởng chừng như chưa minh định một qui chế gì rõ ràng cho người chủ chăn cũng như cộng đoàn liên hệ. Một chức vụ có một không hai, một cộng đoàn tị nạn “*không đất, không nhà*” của những kitô hữu tha hương!

Thay mặt cho hàng giáo phẩm và nhân danh giáo hội công giáo Việt-nam, tổ chức một Lễ phong hiển thánh cho 117 vị tử đạo! - Bên trong, cộng đồng kitô hữu Việt nam hải ngoại với từng trăm ý kiến về phương cách tổ chức được đề xuất, tình thế đòi hỏi phải phối hợp để đi đến một quyết định chung. - Bên ngoài những chống phá từ phía nhà nước cộng sản, những hiểu lầm đây đó trong cộng đồng người Việt khi nhìn những vị tử đạo, chúng nhân cho Tình Yêu đến từ Trời Cao, như là những con rối trong mưu đồ của những chế độ chính trị thực dân ngoại bang ...

Không phải không ý thức về sức lực và tài năng rất giới hạn của mình, nhưng cha đã không ngại nói tiếng *xin vâng* với Tòa Thánh.

Hẳn nhiên tiếng *xin vâng* ấy dám nói lên, vì hẳn cha xác tín có một Đức Kitô hiện diện ở giữa dân tộc và Giáo hội Việt-nam trong những lúc giông tố. Nhưng qua những ngày tháng đồng hành với cha, con thoáng nhận ra lý do tại sao cha can đảm đến

như thế. Năm 1993, năm năm sau ngày Lễ Phong Thánh cho 117 vị tử đạo trên đất Việt-Nam, cha từng cô động tâm tư của mình như thế này trong trang đầu tập san Định Hướng số ra mắt do chính cha chủ trương và cổ vắn :

“Cho đến ngày hôm nay, cộng sản và tư bản đã định hướng cho cộng đồng nhân loại. Nhưng trước ngưỡng cửa của năm 2000, tư bản khủng hoảng, cộng sản sụp đổ. Các vị lãnh đạo cộng đồng nhân loại đang loay hoay tìm một trật tự thế giới mới, nghĩa là đang tìm một định hướng mới cho nhân loại. Trong bối cảnh này, quốc gia dân tộc chúng ta cũng đang hốt hoảng, mất cả hướng đi, như con thuyền gãy lái trên biển cả một giông tố.

Trong thời điểm nguy ngập này, chúng ta bàng hoàng ngòai nhìn vô tư hay sao? (...)

Không bao giờ nữa.

Chúng ta đừng để chúng ta một lần nữa hổ thẹn với người thiếu phụ Miền Bắc! Trong một đêm mưa gió bão táp toi bời, ngọn hải đăng là hy vọng sống còn độc nhất của chồng bà bị gió đánh gãy tắt. Người thiếu phụ ở nhà ấm con mong đợi. Ngọn hải đăng tắt. Bà thất vọng ?

Không. Bà đã không thất vọng. Bà cam đảm. Một tia sáng loé lên (...): Bà châm lửa đốt cháy căn nhà là tài sản độc nhất của bà! Bà thắp lên một ánh sáng định hướng cho chồng bà thấy đường về! (...).”

Lạ thay, phép lạ đã đến cho cha, cho cộng đồng người Việt công giáo tị nạn và cho giáo hội Việt nam: Lễ tổ chức phong thánh năm 1988 thành công.

Vấn đề còn lại là làm sao chứng tá Yêu thương của 117 vị tử đạo phải được thắp sáng lên để định hướng cho tương lai, một sứ vụ mà, với tư cách lãnh đạo cộng đồng kitô hữu Việt-nam hải ngoại, cha không thể không ý thức và tránh né không dám thực hiện.

Thật thế. Cha đã mức lấy hứng khởi cho tác vụ của mình nơi nguồn Tình Yêu của Đức Kitô mà các vị tử đạo Việt-nam là chứng nhân.

- Ngọn đuốc Tình Yêu đó giải thích tại sao cha đã cam đảm ưu tiên canh tân nếp sống đạo của kitô hữu Việt-nam khi đưa giáo huấn của công đồng Vaticanô II về tông đồ giáo dân áp dụng ngay trong bước đầu của mục vụ của mình. *Một Văn Phòng Tông Đồ Giáo Dân* được thành lập, chỉ một vài tháng sau ngày Phong Thánh. Đức Kitô, Đấng Yêu Thương đã chết mình đi để cứu độ. Kitô hữu Việt nam không chỉ lo phân rỗi cá nhân mình trong khuôn viên nhà xứ của mình, nhưng mọi thành phần dân Chúa, giáo dân, giáo sĩ phải làm chứng Tình Yêu của Đức Kitô khi dám bước ra cửa, ngoài khu đất quá an toàn cố hữu, để nhập cuộc vào khổ đau và hy vọng của nhân thế. Giáo dân cần được trang bị kiến thức đạo đời, có cơ hội học hỏi trao đổi, có cơ hội cùng chung nhau bước ra tuyến đầu, nơi môi trường trần thế, làm chứng cho Tình Yêu của Đức Kitô, như giáo huấn Giáo hội truyền dạy. Thao thức mục vụ căn cơ đó đã thúc đẩy cha kêu gọi các nhóm tông đồ giáo dân trong các nước nên cùng nhau gặp gỡ và cùng nhau thành lập *Phong Trào Giáo Dân VNHN* (tháng 10 năm 1992).

- Ngọn đuốc Tình Yêu đó giải thích tại sao cha đã cam đảm kêu gọi các vị lãnh đạo của năm tôn giáo lớn của Việt-Nam gặp gỡ nhau ngay tại Vatican để cùng với Tòa Thánh Vatican (qua các vị hồng y bộ trưởng các thánh bộ) ‘*cầu nguyện hoà bình*’. Ngày gặp gỡ ấy phải xóa tan những vương mắc nghi kỵ dấy lên thù hận qua lịch sử khi những vị tử đạo bị hiểu lầm là con rối các thế lực ma quái của đế quốc. Ngày gặp gỡ ấy phải tôn vinh Thần Lực yêu thương và hòa bình đang tác động trong các tôn giáo và trong tâm hồn các tín đồ. Ngày gặp gỡ ấy phải khẳng định với đồng bào Việt-Nam rằng chủ trương chính trị sát máu, nghi kỵ, thù hận là đi ngược với đạo lý làm người. Ngày gặp gỡ năm ấy, *đầu tiên diễn ra trong lịch sử dân tộc*, đề nghị một cung cách sống đạo mới của kitô hữu Việt-nam trong cộng đồng dân tộc. Cũng trong ngày gặp gỡ năm ấy, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã có dịp gặp gỡ trực diện các vị lãnh đạo tôn giáo của Việt-nam, vui cười nắm tay trò chuyện với đồng bào Việt-nam, lương giáo, nam nữ, điều kiện xã hội cũng như chính kiến đa biệt.
- Ngọn đuốc Tình Yêu đó giải thích tại sao năm 1993 cha khai sinh *Tập San Định Hướng*, một dụng cụ truyền thông mà bất cứ người thiện chí nào muốn quảng bá những nghiên cứu, những đề xuất thăng tiến phẩm giá con người, lợi ích cộng đồng xã hội, đều có thể xem đó là vùng đất của mình, bên trên những khác biệt về tư tưởng, tôn giáo, chính kiến...

- Ngọn đuốc Tình Yêu đó giải thích tại sao cha đã tổ chức cuộc ‘*Gặp Gỡ và Thảo Luận về Thần Học Việt nam*’ vào tháng 08 năm 1996 tại Đan viện Xitô, Orsonnens, Thụy Sĩ. Trong bài thuyết trình với đề tài *Tìm một hướng đi cho nền thần học Việt Nam*, cha nói rõ rằng: “*Lý do thúc đẩy chúng ta bất chấp mọi hy sinh, chính là lợi ích của Giáo hội và dân tộc thân yêu Việt nam của chúng ta*”. Đạo công giáo không còn có thể được xem là dụng cụ truyền bá một hệ thống tư tưởng, một đường lối chính trị, một tập tục xã hội nào đó bất kỳ, dù nỗ lực liên đới văn hóa rất cao cả, nhưng trước hết và trên hết là chứng nhân của Tình Yêu từ Trời Cao đến cho từng người, từng dân tộc để mỗi người mỗi dân tộc phát huy và thăng tiến phẩm giá của mình, hoàn thành nhân tính “*linh iu vạn vật*” trong hoàn cảnh lịch sử cá biệt và ngôn ngữ riêng của mình.
- Ngọn đuốc Tình Yêu đó giải thích tại sao cha kêu gọi các cộng đồng tôn giáo, các hội đoàn văn hóa trong cộng đồng VNHN cùng nhau tìm một phương thức phối trí khả dĩ giúp thực hiện những sinh hoạt có tầm vóc qui mô: một mặt nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa Việt nam trong cộng đồng, đưa giới trẻ tiếp cận được với lớp người đi trước, mặt khác cùng nhau đề xuất những phương cách hội nhập văn hóa lành mạnh dựa trên những căn bản đạo lý làm người. Lời kêu gọi của cha được nhiều người đáp ứng; và tháng 10 năm 1995, *Trung tâm văn hóa Nguyễn-Trường-Tộ* ra đời. Một năm sau, *Đại Học Hè* đầu tiên của Cộng Đồng VNHN được Trung

tâm văn hóa Nguyễn-Trường-Tộ tổ chức, do Đức Ông Trần Văn Hoài, Viện trưởng, khai mạc. Tiêu biểu cho sinh lực văn hóa của cộng đồng VNHN, Đại Học Hè này tiếp tục sinh hoạt hàng năm ở những địa điểm khác nhau tại Âu Châu, qui tụ các sinh viên, chuyên viên trẻ đồng hành với các vị giáo sư đại học, các vị lãnh đạo cộng đồng, các nhân sĩ...

- Ngọn đuốc Tình Yêu đó giải thích tại sao tháng 8 năm 1997 cha chủ trì *Tuần Lễ Xã Hội*, lần đầu tiên được tổ chức trong cộng đồng VNHN với chủ đề : *Đạo Lý, nền tảng canh tân và phục hoạt đất nước*. Cuộc gặp gỡ qui tụ những vị lãnh đạo các tôn giáo, các cộng đồng, các đảng phái chính trị, các hội đoàn, các nhà thần học, các giáo sư các đại học, các nhân sĩ... đến từ nhiều quốc gia. Múc lấy hứng khởi nơi giáo huấn của thông điệp *Hào quang Chân Lý* của Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II, cha đã tìm ra được ánh sáng mà đồng bào chúng ta, dù là kitô hữu hay tín đồ của bất cứ tôn giáo nào, dù thuộc phe phái chính trị nào, cũng một lòng muốn thấp lên để canh tân đất nước và mang lại phúc lợi cho dân tộc. Ánh sáng đó là ánh sáng của chân lý, ánh sáng của đạo lý làm người đứng với phẩm giá tự do và cao cả mà Trời Cao phú ban cho mỗi người.

Vì là sứ giả của Tình Yêu Thương luôn đổi mới khuôn mặt buồn thảm của thực tại trần thế, cha nóng lòng muốn là người tiên phong của canh tân để kết dệt những mối gặp gỡ làm nên hòa bình và an lạc.

Nhưng có một điểm không hề đổi mà cha là một biểu tượng sáng chói, đó là lập trường trung kiên với chủ trương *cổ võ cho tự do để thắng tiến phẩm giá con người*, lập trường từ chối thỏa hiệp với tác nhân gây thù hận và áp bức làm khổ đồng bào. Lập trường ấy trong sáng phản ánh khát khao của những con người đã từng dám liều cả mạng sống mình đi tìm tự do; lập trường ấy trung thành với tâm tư của những con người kết dệt nên ý nghĩa của chữ *hải ngoại* trong thành ngữ *Cộng Đồng Người Công Giáo Việt Hải Ngoại* mà linh mục Trần Văn Hoài được chỉ định làm người lãnh đạo.

Những người Việt khao khát tự do không thể không ghi công và hãnh diện về Đức Ông Trần Văn Hoài, một vị lãnh đạo tinh thần biểu hiện được tâm tư và nguyện vọng sâu xa của chính họ.

4. Một kitô hữu luôn phó thác cuộc đời mình cho Thánh Mẫu Maria, Mẹ Chúa Giêsu-Kitô

Một cuộc chiến lợi dòng nước ngược cho tự do của một con người không ngại những rủi ro bất ngờ, những giới hạn rất ‘con người’ mà cá nhân mình khó tránh khỏi, những e dè hay hiểu lầm của “thiên hạ”..., một cuộc chiến như thế hẳn khó có thể thực hiện nếu cha đã không đồng hành với người Mẹ đầy quyền năng mà cha hằng nương tựa.

Thật thế, điểm sáng chói của người kitô hữu nơi cha mà con cảm phục lúc cùng cha sinh hoạt, đó chính là sự phó thác không điều kiện của cha vào sự nâng đỡ của Mẹ Maria, Đấng đã đứng vững dưới chân Thánh Giá để cùng Chúa Kitô thể hiện Tình Yêu Thiên Chúa đối với con người, đề nối kết con người lại trong Tình Yêu Thiên Chúa.

Người tín hữu Philippê, người đã níu lấy Mẹ trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống của mình, hôm nay đã tạ thế. Xin Mẹ đưa người thân yêu này của Mẹ đến với vinh quang Thiên Đàng nơi Con Mẹ đang hiển trị.

Vĩnh biệt và cảm ơn Cha, Đức Ông Philippê Trần-Văn Hoài.

Phụ trương C

Luca Nguyễn Tri Sử

con người cầu nguyện và dẫn thân

Luca Nguyễn Tri Sử, anh mỉm cười chào chúng tôi để vĩnh viễn theo Đấng đã lên Trời về Nhà Cha chúng ta, đứng vào Lễ Thăng Thiên, ngày 21 tháng 05 năm 2009.

Đòn dập dấy lên trong đầu óc tôi những hình ảnh của anh trong suốt hơn hai mươi năm chúng ta có duyên được quen biết nhau. Thật kỳ diệu, hình ảnh nào của anh cũng ghi lại cái nhìn ấy, nụ cười ấy.

Cái nhìn đi sâu vào tim tôi như đang mời tôi cùng anh gặp Thiên Chúa trong những lúc chúng ta gặp gỡ. Nụ cười hiền lành, trong sáng muốn chia sẻ với tôi niềm vui Tin Mừng và Hy vọng trong bất cứ dự án, công việc nào. Anh ra đi nhưng cái nhìn ấy, nụ cười ấy là ánh sáng và muối cho những ai nối gót anh tiếp tục sinh hoạt dẫn thân phục vụ con người trong xã hội.

1. Luca Nguyễn Tri Sử, một kitô hữu tiên phong dẫn thân trong các sinh hoạt trần thế

Hồ sơ thành lập Phong Trào Giáo Dân Việt-nam hải ngoại đang lưu tại Hội Đồng Giáo Hoàng về giáo dân của Vatican ghi nhanh về con chim đầu đàn Luca Nguyễn Tri Sử như sau :

- Sinh ngày 18, và rửa tội ngày 30 tháng 10 năm 1931 tại Cù Lao Giêng, Châu Đốc, Việt-nam.
- Cư ngụ tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
- Cử nhân giáo khoa triết học, ĐH Sài-gòn, VN.
- Trước 1975: Giám đốc Học Viện Nghên cứu và Huấn luyện Xã Hội, Thủ Đức; Ủy viên tuyên huấn Tổng Công Đoàn Lao Công Việt Nam (CVT).
- Sau 1975: Chủ tịch Curia của Legio Mariae Houston, Texas; Chủ tịch Hội đồng Giáo xứ Houston, Texas; Sáng lập và Chủ bút Tập san Dấn Thân; Thành viên sáng lập và Thành viên Ban Thường Vụ Lâm Thời Phong Trào Giáo Dân VNHN.

Trong thời đại tân kỳ, điềm sáng chói riêng của Giáo hội Công giáo là giáo huấn xã hội qua thông điệp Tân Sự (Rerum Novarum) được G.H. Lêô XIII công bố ngày 15 tháng năm 1891. Và công tác tiên phong đưa Đạo vào Đời, đem niềm vui Tin Mừng Phúc Âm vào cuộc sống, nâng giá trị mồ hôi nước mắt của con người lao động trong xã hội Việt-nam gắn liền với phẩm giá con người, con của Thần Thánh, là nỗ lực DẤN THÂN CỤ THỂ của những kitô hữu âm thầm hiện diện trong việc thành lập, phát triển sinh hoạt công đoàn tại Việt-nam. Trong hàng chiến sĩ kitô-hữu tiên phong canh tân xã hội đó

có Luca Nguyễn Tri Sứ. Và nếu công tác DẪN THÂN ấy mang một ý nghĩa thẳng tiến nhân phẩm con người, thì hơn ai hết anh là người có công đào sâu nguồn suối, và truyền đạt sức mạnh tinh thần này qua công việc đào tạo, tuyên huấn của anh [Giám đốc Học Viện Nghiên cứu và Huấn luyện Xã Hội, Thủ Đức; Ủy viên tuyên huấn Tổng Công Đoàn Lao Công Việt Nam (CVT)]....

Vào những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ trước, người chiến sĩ Phúc Âm Luca Nguyễn Tri Sứ đi vào tuổi 60. Tuổi hưu, tuổi rút lui về vườn chăng? Người thợ vườn nho của Thiên Chúa dường như không biết tuổi tác! Thật thế, chính vào ngưỡng cửa tuổi hưu, Luca Nguyễn Tri Sứ vươn mình vượt xa những kitô hữu Việt-nam đang đồng hành, để tiên phong đưa giáo huấn về tông đồ giáo dân vào ý thức, nếp sinh hoạt của cộng đồng người công giáo Việt nam trong và ngoài nước.

Đọc hời hợt qua sách vở, chấp nhận trên nguyên tắc cho qua chuyện, xem ra không khó. Nhưng nơi cái nhìn của giáo sĩ cũng như của giáo dân, và ngay cả nơi tâm thức và đánh giá của người không công giáo, một người giáo dân thật sự ý thức ơn gọi, trách nhiệm và quyền hạn của mình, và hơn hết là thực hiện cụ thể vai trò đó trong cộng đồng, thì không phải người ấy được đánh giá là một hiện tượng phá rối trật tự truyền kiếp hay sao? Luca Nguyễn Tri Sứ không ngạc nhiên về phản ứng có tính cách dị ứng như thế của bất cứ cộng đồng xã hội nào. Nhưng hơn hết, vì một niềm tin sâu xa hơn ý thức có tính cách tâm lý xã hội, niềm tin hé lộ nơi cái nhìn và nụ cười của anh, anh từ tốn nhưng uy dũng tiến bước theo gương những giáo dân Việt Nam tiên phong đi trước, những giáo dân mà Giáo

hội phong thánh trong cùng thời điểm này. Bám chặt nội dung giáo huấn của Giáo hội đang tha thiết mời gọi giáo dân dần thân[1] anh không tương nhượng trước những manh nha làm lệch hướng nội dung giáo huấn. Anh can cường vượt qua những thử thách của những tình cảm tiêu cực có tính cách quá con người như tôn vinh cá nhân, chia bè chia phái, nghi kỵ giữa nhóm địa phương với các sinh hoạt toàn khối công đồng người Việt công giáo, khiêu khích và gây căng thẳng giữa giáo dân và giáo sĩ...

Những bước đi tiên phong của anh nổi bật khi anh đứng lên kêu gọi bằng hũn cùng sáng lập Tạp chí Dấn Thân, tham gia Ban vận động thành lập Phong Trào Giáo Dân, hợp tác với Văn Phòng Phối Kết Tông Đồ Mục Vụ VNHN tổ chức Ngày Cầu Nguyện Hoà Bình, đối thoại liên tôn, tại Vatican. Và quan trọng hơn hết, anh đã dành thì giờ và sức lực để nghiên cứu và tóm kết học thuyết xã hội công giáo[2], một tài liệu làm kim chỉ nam để nắm bắt những nội dung chính yếu, và dùng làm tài liệu đào tạo cán bộ.

Cung cách của anh lúc sinh hoạt dấn thân đã trở thành một tấm gương sáng, và tạo cho lời nói của anh được trân trọng lắng nghe, không những từ phía những người cùng đồng hành với anh mà ngay cả những người tưởng chừng như không cùng hội cùng thuyền với anh. Phải chăng đó là hiệu quả của sức mạnh đằng sau cái nhìn và nụ cười của anh.

2. Luca Nguyễn Tri Sử, con người cầu nguyện, người bạn chí tình

Cách đây hơn hai năm, vào tháng 04 năm 2007, vợ chồng chúng tôi từ Pháp ghé thăm anh chị.

Nếu còn điều phải nhớ thì chúng tôi nhớ đến anh qua hai hình ảnh này: anh cười và anh cầu nguyện.

Những ngày ấy, anh vẫn tha thiết bỏ ra từng giờ trao đổi với chúng tôi về sinh hoạt chung của Giáo hội và xã hội Việt-nam. Trước khi chia tay, anh hẹn sẽ đưa chúng tôi ra sân bay Houston về lại Pháp, nhưng khi đến phi trường, chúng tôi được điện thoại của anh.

- Trúc, Hoàng ơi (anh lại cười). Dính rồi, sáng nay đi khám, BS cho hay là thận mình đã bị ung thư!! Phó thác mọi sự nơi Chúa ...

Vĩnh biệt anh, người anh hay cười!
Xin phó thác anh cho lòng nhân hậu của Chúa,
Cha chung của chúng mình.

[1] Thượng Hội Đồng Giám mục thế giới về tông đồng giáo dân tổ chức vào thời điểm này.

[2] Sách tựa đề : Học Thuyết Xã Hội Công Giáo.

Mục Lục

Đạo vào đời

Chương I

**Kitô hữu giáo dân
trong Cộng đồng Dân Chúa
và khía cạnh trần thế của Giáo hội**

Chương II

Mối phúc dành cho kitô hữu

Chương III

**Thực hiện Nước Trời
thuộc về những người nghèo**

Chương IV

Giáo hội công giáo và nhân quyền

Chương V

**Các giá trị tinh thần trước những thách đố
của kỹ nguyên mới**

Chương VI

**Dân chủ cho Việt Nam
trong khung cảnh văn hoá ngày hôm nay**

Phụ trương A

Phân cách Đạo và Đời !

Phụ trương B

**Một vài kỷ niệm sống động về
linh mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận**

Phụ trương C

**Vinh danh kitô-hữu tiên phong
dấn thân thẳng tiến phẩm giá con người**

Tưởng niệm

Đức Ông Philipphê Trần Văn Hoài (1929- 2010)

Phụ trương C

**Luca Nguyễn Tri Sứ
con người cầu nguyện và dấn thân**